

TCHYA ĐA DỤC TUẦN

SỐ 1000
SỐ 1000
TẠC PHẨM
MỘT THỜI GIAN

AI HÁT GIỮA RỪNG KHUYA

TRUYỆN KINH DI BƯỚNG PHÚC

VII Nhà xuất bản Văn Học

Thông tin ebook

Tên truyện : Ai Hát Giữa Rừng Khuya

Tác giả : TchyA (Đái Đức Tuấn)

Thể loại : Kinh dị - Ma quái

Thư viện Tinh Tế

Nguồn :

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

I - MA KHÔNG ĐẦU

Tôi dụi mắt ngẩng kỹ một lần chót nữa. Quả nhiên, cũng như cảnh tượng vừa hiện ra lúc tôi mới đến, tất cả sự vật chung quanh mình tôi cứ tựa hồ như chứa đầy một vẻ bí mật thiêng liêng rùng rợn, một vẻ bí mật mà hình như rõ rệt tôi được mục kích càng làm cho dữ dội nặng nề.

Hiện trạng đương phô bày trên mái đồi kia, trước mắt tôi không xa mấy, dưới ánh nắng vàng đỏ của buổi chiều tà, hiện trạng đó có quả thực là một hiện trạng hay không, hay chỉ là một hình ảnh mơ hồ mà đôi mắt quáng của tôi lầm tưởng là một bức tranh kỳ quặc tôi phân vân không biết tự đáp thế nào. Ngẩng đi ngẩng lại, rồi lại dụi mắt, dụi mắt xong lại nhìn, tôi hết sức nghiền ngẫm cho chắc chắn, cho kỳ mỗi ngờ vực của tôi thành hẳn ra ngờ vực, hoặc biến thành một tín ngưỡng sâu xa. Nhưng... có lẽ nó hóa ra tín ngưỡng mắt.

Vì, chỉ cách tôi bảy tám cột đèn, nghĩa là non hai trăm thước, giữa ban ngày, sự lạ lùng hiện ra cho tôi trông thấy vẫn không hề biến đi, mà cũng không thay đổi. Sự ấy thực là một kỳ quan độc nhất vô nhị, một sự tối vô lý mà mình phải tin là thật, nhưng cũng có khi ngờ là giả dối, mơ hồ. Cứ lấy con mắt hết sức chú ý nhìn, thì sự đó vẫn không trốn tránh tính tò mò hiếu sự của ta; song, hễ khi nào ta dùng đến một vật gì để đi gần lại trường hoạt động của nó, thì nó biến vụt ngay nh làn khói bị gió lửa. Hoặc ta tìm cách đi lại gần chân đồi, còn độ hai ba cột đèn sẽ tới nơi, trông lên không thấy gì nữa cả; hoặc ta đem lên mắt một cặp ống nhòm để phóng đại trường quan sát, phong cảnh càng to ra bao nhiêu thì hình như ta muốn thấy mờ đi bấy nhiêu, có khi hóa thành trong vắt như kính, nghĩa là không có hình sắc nữa.

Bằng cứ chịu khó đứng xa mà ngẩng nhìn thì dầu ngẩng chán mắt, sự kỳ quặc kia cũng vẫn hiện ra cho mình trông thấy, hiện ra một cách nửa rõ rệt, nửa mơ hồ lạ lùng khó tả quá! Nhưng không phải ngày nào, giờ nào, bất cứ lúc nào, ta cũng có hạnh phúc được nhìn nó. Nó chỉ thoát khỏi cõi âm trở về cõi dương một năm có vài kỳ, mỗi lần sự biến thiên của khí hậu gợi cho nó nổi nhớ tiếc một thời oanh liệt thừa xưa.

Sự biến thiên đó họa hoàn mới xảy ra; ấy là một điều tối không may cho những khách tò mò hiếu sự. Như tôi chẳng hạn. tôi đã phải dằn lòng gắng sức đợi đến ngót tháng trời mới được trông thấy hình bóng tôi muốn thấy; nào phải đâu là sự dễ dàng.

Cảnh tượng dị kỳ tôi đã được mục kích, nó là hai con ma, hai cái oan hồn uất ức của hai kẻ chịu tử hình, lâu ngày không tiêu đi được tự lại thành bóng, hấp thụ mãi khí thiêng liêng của trời đất, nên mỗi khi bị hoàn cảnh xúc động đến là hiện được lên ngay, hiện lên để diễn lại một tấn trò mà xưa kia, hai oan hồn đó thường diễn những giờ cao hứng.

Phàm giả người ta, trong buổi sinh thời, có một thú gì mình yêu nhất, mê nhất, một thú gì làm then chót cho tất cả bao nhiêu tính hình dục vọng của mình, một thú gì mình đã biết hưởng và đã đặt trên tất cả những khoái lạc của cuộc đời, thì nhiều lúc, sau khi đã lìa bỏ cõi tục rồi, vẫn còn nhớ tiếc đến thú ấy luôn luôn chỉ ngong ngóng chờ có dịp hưởng lại là chộp lấy ngay, không bỏ sót.

Cũng bởi có đó nên một khi thi nhân đã chết, hồn thi nhân còn muốn ngâm thơ, một khi nhạc công đã chết, hồn nhạc công còn muốn gảy đàn. Câu thơ của Đường Vương Bột văng vẳng trên dòng sông Lạc, liệu đàn của Sư Quyên véo von trên mặt sông Bộc chẳng phải là những chứng cứ rõ ràng cho thuyết ấy

hay sao?

Mà nhất là khi kẻ bị thác lại là người mệnh bạc, vì nghiệp chướng mà chết oan, chết yếu, bất đắc kỳ tử hay bị nhục hình, thì một điểm linh hồn bay phiêu diêu trong gấm non nước không tài nào siêu linh tịnh độ được, cứ mập mờ khi tan khi tụ, bơ vơ trôi dạt, không đâu là bến là bờ. Điểm linh hồn đó vẫn còn nhớ rõ rệt cuộc sinh hoạt mình vừa trải, vẫn còn đầy dục vọng và tình cảm, nhưng chỉ vì không có xác vật chất nên khó lòng diễn được dục vọng và tình cảm đó mà thôi. Nhiều linh hồn còn muốn sống thêm nữa trên cõi thế, bởi chưa dứt hẳn trần duyên, còn muốn vẫy vùng nữa, ganh đua nữa cùng người đời cùng tranh đấu cho tới cùng. Có linh hồn thì một khi thác đã tỉnh ngộ ra, bay lên một gấm thiêng liêng cao sạch để ngao du, tịnh dưỡng. Những linh hồn đó không mấy khi trở lại nữa, một đi, đi chẳng trở về. Còn như các linh hồn bị nghiệt duyên dục vọng buộc chặt với cuộc sinh hoạt của loài người thì chúng thường thường bay vờn quanh quần bên mình ta, trông ta một cách ham muốn thèm thuồng, chỉ đợi có dịp tốt là trở về sống chung lại với ta, dẫu rằng trong một phút.

Mỗi khi có đàn tràng cúng tế, là chúng lần mò cùng đến, để rồi chớp lộc cúng cơm, mỗi khi có kẻ ngồi đồng, hay có kẻ thần hồn bị suy nhược là chúng ám vào người để được cử động quay cuồng cho đắc ý. Lại những lúc có cuộc thi hội, thi hương, thì chúng tụ họp cả ở cửa trường, để đợi gọi đến thì ủa vào mà báo ân báo oán.

Nói ra không hết được; ta chỉ biết bởi có nhiều âm hồn còn muốn sống nữa, nên có khi xảy ra những chuyện kỳ dị mà, nếu mất ta không được quan sát thì ta vội cho là hoang đường. Song le , nếu ta chịu khó bỏ hết cả các thành kiến, nếu ta chịu lưu tâm suy xét đôi chút đến nhẽ huyền vi của máy âm dương, ta sẽ nhận thấy rõ là không có sự gì hoang đường cả. Trên đời chỉ hoàn toàn có sự thực mà thôi, cái gì có thể xảy ra được đều là thực cả.

Chỉ có một điều, là không phải ma nào, oan hồn nào cũng hiện lên được cả. Ma muốn hiện hình tất phi đủ tư cách, phải ở trong những trường hợp không bị ngăn trở mới biến hóa được. Tỷ như vàng muốn biến hóa ra nước tất phi nấu lên ngoài ngàn độ, sự biến từ thể nọ sang thể kia có phải bất cứ trường hợp nào cũng xảy ra đâu?

Cho nên, ma có thể hiện hình được, trước hết cốt phi thiêng, mà muốn thiêng, thì theo như sự chúng ta cùng biết, phải có một vài điều kiện. Một là chết đúng giờ. Hai là chết trẻ, mà chết một cách thê thảm dữ dội. Ba là chết oan. Bốn là được chôn ở chỗ đất có mạch. Năm là phải hấp thu được khí thiêng của trời đất.

Phi mấy điều kiện ấy, thì chỉ là một mảnh hồn yếu ớt, phát phưởng, khi tán khi tụ, bay là là vô định trong gấm vô định mà thôi. Mà có được cả mấy điều kiện vừa kể, cũng phải tùy từng buổi, từng chỗ, từng thời, mới hiện lên được. Ngày xưa, lúc văn minh Âu Mỹ chưa tràn sang bên cõi Á Đông, lúc máy móc chưa rầm rộ chạy dưới gầm trời Trung Hoa và Nam Việt, thì các chốn thị thành không đông đúc lắm, các đường sá không mở mang nhiều, những chốn hoang vu lạnh lẽo nhiều hơn những chốn phồn thịnh, mà sự tối tăm cũng lâu hơn sự sáng sủa vì đêm không có đèn điện rọi đường; bởi thế nên trong một hoàn cảnh lạng lẽ điều hiu hắt âm trầm ngập cả non sông mà phủ trên cuộc sinh hoạt của loài người, khiến dương khí không có thể hưng thịnh lên được.

Nhưng, sau một cuộc suy vong, khí dương lại dần dần hăng hái, nó từ cõi Âu Tây tràn sang Đông Á, khiến cho các sự vật thay đổi cả. Máy móc ngày nào cũng rầm rộ, xe pháo ngày nào cũng xôn xao, đêm

thì đèn sáng như ban ngày, ngày thì âm âm như chợ, lúc nào cũng có kèn có trống, có âm nhạc hùng hồn; mà người thì, bị hoàn cảnh run rủi, cũng ưa múa may quay cuồng hoạt động cạnh tranh, hơn là nhàn cư mà tĩnh dưỡng.

Cuộc sống ồn ào đã đánh tan âm khí, ma thiêng phi bạt đi xa. Những linh hồn, dù mạnh mẽ đến đâu, cũng khó lòng hiện lên được vì khí dương mạnh quá. Có lẽ các ma thiêng đều chạy cả về những chốn đồng rừng xa vắng, ở lẫn lút trên đồi, trên ải, không còn hy vọng gì phảng phất ở những đô thành.

Chả bù với thời thái bình êm ái thừa xưa: đâu đâu âm khí cũng đều vượng cả, muốn rong chơi chỗ nào cũng được, không bị một mãnh lực gì ngăn cản, đánh tan đi. Thừa đó, người âm phủ với người dương gian nào có xa nhau mấy: ông Bò đã vì sự người với ma hay chung chạ mà viết nên pho truyện Liêu Trai. Đến thời này, Liêu Trai đã hóa ra một cuốn truyện hoang đường vô lý! Cho hay ma cũng có thời!

Tôi có lẽ còn được nhiều hạnh phúc hơn Bò tiên sinh là tôi đã được thấy ma hiện hình giữa ban ngày, trong thời đại bây giờ, lại ở một nơi không cách xa đô thành phồn nhiệt mấy. Đó thực là một sự lạ; và, cũng vì sự lạ đó, tôi mới chép nên câu chuyện này, khiến các bạn cùng được như tôi, thưởng thức một chuyện thần linh, gọi là những lúc thanh nhàn, quên được cuộc vật lộn quay cuồng mà ngày ngày ta phải dấn thân vào để kiếm cách mưu y mưu thực.

Thì đây, câu chuyện thần linh.

Hôm đó, cách đây chừng khoảng hai năm, tôi về vùng Nam Định xuống ga Gôi, vào thăm một người bạn cũ. Lâu ngày mới gặp được nhau, bạn tôi mừng lắm, vội vàng sai vợ con đi giết gà mổ vịt, lại cho người vợ ra chợ đón mua những món quà ngon. tôi được thấy bạn cũng mừng, hai anh em ngồi uống trà đàm đạo mãi cho tới chiều, không biết mệt.

Lúc ấy, vào khoảng bốn giờ. Trời tháng qui hạ, nồng nực lắm, tuy sắp sang thu mà cũng vẫn còn oi . Tôi đến lúc một giờ chiều, ngồi hàn huyên với bạn đã ba giờ có lẽ. Lúc tôi đến, trời nắng chang chang như lửa đốt, nhưng khi vào nhà bạn được hơn một tiếng đồng hồ thì trời bỗng dẫu sa sầm mặt lại; mây đen bốn bề rầm rộ kéo đến, rồi sấm chớp nối tiếp nhau xé toạc quãng không gian bằng những tiếng nổ ầm ầm và những luồng quang tuyến sáng xanh chói lọi. Sau cuộc thị uy thị hùng ấy, mưa ở lưng chừng trời xuống trần ai như thác chảy, nhưng chỉ trong quãng nửa giờ lại tạnh ráo ngay. Mây đen, tụ lại ít lâu, cũng theo chiều gió tan đi hết cả. Trời lúc này bi vận ám , bây giờ quang đặng như không; vài tiếng sấm cuối mùa thỉnh thoảng nổi dậy, nhưng chậm rãi uể oai, không có vẻ hùng tráng như khi mưa chưa rõ giọt.

Mặt trời , khỏi bị che kín sau bức màn mây tối, lại vui vẻ tia ra những luồng ánh sánh đỏ rực và gay gắt; hình như sau mỗi trận mưa rào, thì ánh nắng càng nồng càng đượm; để cỏ cây mau chóng được khô ráo nhẹ nhàng. Mưa xuống nắng lên là một sự rất thường trong thời tiết. nhưng sự đó không xảy ra trong các mùa êm dịu như xuân thu, và trong vụ mấy tháng mùa đông rét mướt. Nó chỉ thường xảy ra giữa mùa hạ, là một mùa hay có giông tố thất thường.

Mỗi một lần mưa xuống nắng lên, thì khí đất lại ngùn ngụt bốc cao khỏi đầu ngọn cỏ, hơi thở của Tạo vật lại nặng nề bức bối, mà khí hậu thì lại hóa ra độc địa vô cùng.

Những buổi trái trời trái đất ấy, ngoài sự làm cho khí hậu hóa nên ám chướng, có lẽ còn có một mãnh lực gì u ẩn, huyền bí, xúc động cả các âm hồn. Người ta phỏng nghiệm ra rằng, sau một cơn bão, khí trời ở chỗ thôn quê có mùi khen khét, khiến nhiều kẻ tưởng lầm là sét đốt cháy một vùng nào. Sự thật chỉ là, dưới sức mạnh âm i của các luồng điện nhấp nháy trong không gian, đường khí tụ đặc lại mà gây nên mùi khét. Sự tụ đặc ấy vô hình, ta chỉ nhận thấy như hương của nó mà thôi ; nếu không có nhà bác học thí nghiệm xét ra, có lẽ ta cũng cho là hoang đường.

Hoang đường là tất cả mọi sự mà loài người chưa tìm ra cội rễ căn nguyên vậy.

Sự tôi sắp nói ra đây, vì chưa dò xét được nguyên có, nên cũng phải tạm liệt vào loại hoang đường. Ấy là sự thay đổi trong cõi huyền bí do sức của luồng điện trong không khí tạo nên. Âm hồn làm bằng chất gì, ta không được rõ; ta chỉ biết nó vô hình ảnh, nó nhẹ nhàng phảng phất, đầm như hơi sương, thoảng như làn gió, nó tan đi hay tụ lại theo những luật riêng óc mình không xét đoán được Nó cũng ví như những khối, những luồng điện trong vũ trụ vậy

Những nhà phù thủy cao tay, những kẻ thôi miên thiện nghệ phần nhiều đều luyện được một thứ mãnh lực tiềm tàng có thể sai khiến âm hồn tan tụ, tỷ nhà nhà kỹ sư biết cách phát điện đi hay gom điện lại. Nếu ta cho âm khí là một thứ điện, thì ta sẽ nhận rằng mỗi khi mưa dầm gió bắc, mỗi khi trời đất nặng nề, mỗi khi có mưa xuống nắng lên, thứ điện đó thường hay tụ lại thành khối. Nó tựa như chịu ảnh

hường mặt thiết của các luồng điện trong không khí, mỗi khi có sấm sét thì bị rung chuyển, xúc động; rồi, khi sấm sét đã nguôi nó cũng đông lại, cũng đặc lại như dưỡng khí, để hiện ra thành bóng.

Vì tình cờ run rủi, tôi đã được mục kích sự âm hồn hiển hiện, sau một trận mưa sau một ngày gay gắt nắng. Hôm đó, ngồi đàm luận cùng bạn, tôi đương vui vẻ, kể lể mọi nỗi hàn huyên tâm sự, thì bỗng thấy bạn tôi như chợt nghĩ đến sự gì, vùng đứng dậy, vừa kéo tay tôi, vừa nói:

-Bác hãy theo tôi, sẽ cho bác xem một sự lạ lắm!

Tôi ngạc nhiên, hỏi bạn:

Trời đang mưa xuống nắng lên thế này, khí đất bốc lên ngùn ngụt như kia, bác muốn chúng ta đi đâu?

- Bác cứ theo tôi, rồi tự khắc rõ! Bác sẽ không phải hối hận xông pha mưa nắng đâu. Mau lên, kéo bỏ mất dịp này thì uổng quá!

Nói đoạn, bạn kéo tay tôi rõ mạnh. tôi không cưỡng cũng không dùng dằng, vội đứng dậy cùng đi. Hai chúng tôi ra khỏi nhà, lần theo bờ ruộng đi một quãng khá xa, gần tới một cái đồi. Đến một nơi cỏ am, có bóng cây cao rườm rà phủ kín một vùng đất rộng, bạn tôi ra hiệu bảo tôi ngừng bước. Tôi theo đúng lời bạn, đứng tựa lưng vào gốc cây, nhưng chưa hiểu bạn tôi định tâm cho xem một cảnh vật thế nào.

Anh ta đứng trước mặt tôi độ vài bước, ngoảnh đầu nhìn bốn phía, rồi ngược mắt trông ra phía chân đồi như tìm kiếm sự gì. Một chốc, hình như anh ta đã thấy sự muốn cho tôi được mục kích, anh lùi lại, bá vai tôi, một tay trở ra phía sườn đồi xanh biếc:

- Đây, anh cứ thẳng tầm mắt trông theo ngón tay tôi chỉ, có phải ở ven đồi, chỗ có nương khoai mà ta nhìn xa chỉ thấy màu đất vàng đỏ hiện rõ giữa một màu xanh thẫm, chính chỗ ấy, có hai người đang điệu võ dương oai, vật nhau chán thì cùng múa một bài quyền...

Trong lúc bạn nói, tôi chăm chú thu hết nhỡn lực cố phóng luồng nhỡn tuyến ra mé đồi để ghi lấy cảnh vật mà anh đương tả một cách hùng dũng. Nhưng khốn nạn cho tôi? Hai mắt đã hết sức nhận xét cho rõ rệt, mà vẫn chưa thấy tí gì! Ngàn trùng mây lam lợt lợt, ruộng lúa xanh rờn, đồi cây thẫm biếc; chả có một dấu hiệu gì tỏ cho tôi là có người đương nhảy múa cả. Bạn tôi thì cứ níu chặt lấy vai tôi, bắt đầu tôi phải gần sát đầu anh, hình như muốn truyền sang cho tôi nhỡn lực của anh vậy.

- Chết nỗi? Anh chưa thấy gì ư? Kia kia, anh cứ chú ý nhìn vào nương khoai đo đỏ kia, chúng nó đương vờn nhau hay lắm. Anh đã thấy chưa?

Bấy giờ hình như mắt tôi mới đỡ quáng đờ mờ, tôi thỉnh lĩnh thấy một vệt trắng xám, hung hung ở sườn đồi, mé dới nghiêng về bên tả. Liền lúc ấy, tôi cũng hình như trông thấy hai cái bóng sẫm, tựa hồ hình dáng người nhưng rất lạ. Buột mồm, tôi kêu lên rông:

-Quái! Làm sao nó không đầu!

Tôi vừa dứt tiếng, một đống cát bụi, ở đâu cạnh chỗ chúng tôi đứng, bỗng vụt bốc lên. Tôi nhắm mắt lại. Bụi cát và lá khô phả vào mặt tôi rõ mạnh, tôi cảm thấy một luồng gió dữ dội đương quần lấy thân

tôi, hút tôi, làm cho tôi nghẹn ngào khó thở. Mũi tôi tự nhiên bị cuốn lên. Tôi níu chặt lấy bạn.

Một khắc như thế, không thấy bụi phả vào mặt nữa, tôi mở mắt ra, thì bị một cảnh tượng làm cho giật mình kinh sợ. Một luồng gió lốc, nhanh như chớp, cuốn chiếc mũ trắng của tôi lên đi rất xa, ở lưng chừng trời. Con gió lốc ấy như tiến lại mé chân đồi vùn vụt. Khi đến chỗ nương khoai, chiếc mũ tôi - lúc đó trông chỉ là một điểm trắng con con, bỗng rơi xuống đất tỏ rằng cơn gió đã tan rồi.

Cố nhìn, thì chẳng thấy bóng dáng của hai anh chàng múa võ nữa. Tôi lấy làm lạ, chưa kịp hỏi bạn, anh đã cười bảo tôi:

- Thực là anh làm uổng mất một tấn tuồng đặc biệt! Vì anh mà cuộc phô diễn này bị bỏ dở; nếu không ta đã được một phen khoái trá vô cùng!

- Có sao anh lại bảo vì tôi...

- Anh mới đến nên không biết. Sự mà tôi muốn anh được mục kích là một sự lạ lắm: ma diễn võ giữa ban ngày. Ở chân đồi kia, có hai oan hồn của hai nhà thiện xạ, vì phạm phép nước nên bị chém đầu. Hễ cứ có mưa xuống nắng lên, thì hai oan hồn đó lại hiện về, cùng nhau thí võ. Muốn xem họ nhảy múa, phải đứng rất xa mới thấy, lại gần quan sát thì biến mất. Mà lại phải kiên, không nên nói đến sự mất đầu. Nếu lỡ mồm, ắt xảy ra cái cảnh tượng như hai anh em mình vừa thấy đó. Thôi, bây giờ ta hãy đi lại nương khoai nhặt lấy mũ về, rồi đợi đến dịp khác sẽ thưởng ngoạn cuộc múa võ kia, tưởng không lấy gì làm muộn...

Bạn tôi dìu tôi cùng đi lại mé chân đồi. Nhưng can đảm của tôi ít ỏi quá, tôi đành mất mũ, không dám đi xa nữa chỉ cầu xin bạn dẫn về nhà mà thôi. Bạn cười tôi là hèn nhát, song cũng chiều lòng; anh đem tôi về nhà và sai một tên gia đình ra chân đồi lượm mũ về cho tôi.

Tôi ở nhà bạn non bửa, ba tuần nóng ruột muốn thỏa chí tò mò hiếu sự của mình ngay, nhưng ngặt nỗi không gặp ngày nào có mưa xuống nắng lên cả. Tôi đã xếp sẵn những khí cụ để sự quan sát được dễ dàng; lại luôn luôn mình tự dặn mình đừng bao giờ nói đến hai tiếng "không đầu" khiến cho hỏng việc một lần nữa.

Thấm thoát vài hôm sau, tính đột tay thì ra tôi quấy quả bạn tôi đã trọn hai mươi hai ngày. Hôm đó, may quá, vào khoảng chín mười giờ sáng trời đương nắng chang chang bỗng có cơn mưa. Tôi mừng quá. Mưa vừa ngớt hột, tôi thủ ngay cái máy ảnh và ống dòm, rủ bạn đi lại chỗ có cái miếu thần và cây cổ thụ mà chúng tôi đã đến một lần hôm trước.

Tới nơi không cần bạn phải chỉ bảo, tôi tự đứng lên mé trên nhìn phương hướng, rồi quay trông đầu về vệt hung đỏ ở sườn đồi. Quả nhiên bạn tôi nói có ngoa đâu, Tôi nhận thấy hai cái bóng đương vờn nhau nhảy nhót.

Mới đầu tiên, trông không được rõ lắm; nhưng dần dần mắt tôi trông càng quen càng sáng suốt ra. Cảnh vật tôi được mục kích thật là kỳ dị, từ bé đến giờ tôi mới thấy một sự thú vị như thế này.

Đó chỉ là hai cái bóng, nhưng quái dị làm sao! Hai cái bóng giống hệt như hai người, có tay chân, biết cử động, song chỉ không có đầu! Hai cái bóng ma cụt trốc! Đứng mé xa trông lại, tuy hình ảnh mình

được thấy không lấy gì làm đích xác nhưng cũng rõ rệt vô cùng. Mới trông thì chỉ thấy lơ mờ hai vệt xám, hiện rõ trên màu hung đỏ của nướng khoai; để ý nhìn lâu tý nữa, thì rõ ràng là hai thân thể đàn ông, đương đâm đá nhau hùng dũng lắm.

Hai cái bóng ấy màu xám thẫm, xanh biếc, như màu khói đặc tụ lại. Không thấy rõ quần áo mặc ra làm sao, chỉ hình như cùng mặc áo chèn mà quần thì xắn đến tận đùi. Đó là một thứ y phục tôi tưởng tượng ra, vì tôi trông na ná như thế: sự thực thì chỉ có hai cái bóng chập chờn như hai hình ảnh nhấp nháy trên màn chớp bóng. Ngắm kỹ quái trạng hiện ra đó, ta có thể vừa trông vừa đoán, nhận ra rằng hai bóng ma kia là hai thân thể vạm vỡ cường tráng mà cũng lạnh lén phi thường. Chúng nó tuy không đầu, song đánh nhau chả kém gì người có mắt, lại có phần giỏi giang, sắc sảo hơn những người có mắt nhiều.

Chúng diễn những đường võ cực kỳ bí hiểm, trông ngoạn mục và lý thú vô cùng. Cũng đâm, cũng đá, cũng né, cũng xông, cũng quay đi lộn lại, cũng cúi xuống ngừng lên, thực chẳng khác gì hai võ sĩ còn sống cùng nhau thi quyền trong một kỳ đả lôi đài hay cử võ vậy. Võ vẽ đôi ba miếng côn quyền học lõm, tôi nhận rằng bản lĩnh của hai oan hồn kia siêu quần, xuất chúng, ít người thời này sánh kịp. Có lẽ hai con ma đó thuộc về thế hệ trước, một thế hệ còn trọng những môn đao kiếm, một thế hệ chỉ suy tài nghệ trong các đường quyền hiểm hóc, chớ không ỷ vào súng đạn để thủ thân. Thế hệ ấy ngày nay đã mất, đã biến trong cuộc di vãng xa lắc xa lơ; vết tích của nó, có chăng còn là hai bóng ma này, lạc loài vào một thời đại mới, mà vẫn còn mê muội trong cái chí hướng ngang tàng của thừa bình sinh?

Hai bóng ma kia cứ rập rờn quay lộn mãi. Chúng nó xử nhau những miếng võ tuyệt kỹ th các miếng Song long quá hải, Mãnh hổ tâm sào, Thái Sơn áp đỉnh, Hạng Võ phi truy v.v... nhưng tựa hồ chúng không có ý làm hại nhau, chỉ thi nhau trở hết tài nghệ cho thỏa thích, cho bỏ nhớ nhưng cái thời oanh liệt chúng đã từng sống, mà không được sống tới cùng.

Đứng ngắm nhìn sự phô diễn tự nhiên kia, cũng thực là một khoái lạc ý vị. Trong buổi vắng mình ngày nay, dễ đâu đã có dịp xem hai người sử võ?

Giả dĩ có xem xiếc hay xem tuồng Tàu, thì chi toàn một màu là múa may cho qua loa câu chuyện, mấy khi đã gặp hai tay thiện nghệ hết sức trở tài quyền cước cho mà coi? Bời thế khi gặp trường hợp mà tình cờ tôi được trải qua, tôi ngắm nhìn mãi không hề mỏi mắt.

Ngắm chán. tôi lại giơ ống dòm lên quan sát cho rõ rệt: nhưng, thực là kỳ quặc mỗi khi tôi để mắt vào ống nhòm, thì chỉ còn được thấy nướng khoai hiện ra, tuyệt nhiên không nhận được bóng dáng của hai nhà võ sĩ "cụt đầu" nữa! tôi thí nghiệm đến mười mấy lượt; lượt nào cũng vậy; cứ bỏ ống kính ra thì tha hồ mà trông mà ngắm, hễ đem ống kính lên mắt, hình ảnh kia lại biến lúc nào rồi . . .

Kế ấy không xong tôi dùng kế khác. Tôi trao ống nhòm cho bạn, chỉ đeo có một chiếc máy ảnh, một mình đi sát lại chân đồi. Cách xa độ bốn cột đèn tôi còn trông rõ bóng hai con ma đương đâm đá. Đi thêm lên độ chục bước nữa hai bóng ma ấy cứ mờ dần đi rồi, sau cùng, khi tôi chỉ còn cách đồi độ chừng mười bước, trông lên chỉ thấy không khí một màu trong vắt, ruộng khoai một màu vàng đỏ, hình như không hề xảy ra sự gì cả.

Cho rằng mắt tôi bị các âm hồn làm cho mờ quáng đi, tôi đem máy ảnh ra cứ chụp lấy năm sáu bức, mong rằng may ra con mắt kính sẽ hơn tôi, ghi được cảnh thần bí mà mắt người không ghi nổi. Về nhà,

rửa ảnh, tôi vẫn bị thất vọng như thường; trên kính không có dấu vết gì của hai người võ sĩ cả!

Sự bí mật thực là hoàn toàn bí mật. Tôi vừa ngạc nhiên kinh dị, vừa tức tối khó chịu. Khó chịu cũng đành vậy, chớ biết làm thế nào! Mình còn ở cõi dương gian, lại muốn vén tấm màn huyền vi của Tạo hóa để nhìn rõ sang cõi âm, thì làm sao cho được. Hai oan hồn kia chỉ có thể hiện lên cho loài người thấy chúng một cách lơ mờ mà thôi; muốn thấy rõ nữa, thì ít ra cũng phải là con ma phù thủy đặc biệt thế nào mới được chứ!

Tôi có hỏi bạn về sự tích hai nhà võ sĩ bạc mệnh chịu bất đắc kỳ tử; bạn tôi chỉ biết lơ mờ rằng hai người đó đã chết năm chục năm nay, lúc anh chưa đẻ, mà, theo như lời các cụ già kể lại, là hai tên cướp bị sa vào lưới pháp luật và bị hành hình ngay ở chỗ chân đồi. Bạn tôi biết có thể thôi, câu chuyện của anh càng làm tăng tính tò mò hiếu sự của tôi, càng gợi lòng tôi muốn đi sâu vào bí mật của Thời Gian để giải cho ra vấn đề tôi suy nghĩ. Tôi muốn biết thừa bình sinh, hai vong hồn kia làm gì, mà tại sao cùng chịu chết thảm thương uất ức. Uất ức, bởi lẽ họ hiện lên múa võ như thế; chớ nếu họ làm nên tội rồi bị giết, thì còn oan khổ nỗi gì mà đến nỗi, ngoài năm mươi năm, khối hận vẫn chưa tiêu? Thực là một sự lạ.

Tôi nhất định phải dò xét sự lạ ấy cho tới gốc ngọn, dù phi tốn công khó nhọc cũng cam lòng! Trong lúc hăng hái, tôi tự nhận lấy một nhiệm vụ bí hiểm như thế; nhưng rồi dần dần, tôi phải tin rằng tôi, một kẻ cuồng ngông, chỉ nói khoác hão huyền và ước muốn những điều vô lý. Làm gì có đủ vật liệu mà đi ngược Thời Gian để đem ra ánh sáng một câu chuyện trong hàng nghìn chuyện có lẽ còn ly kỳ hơn, đã xảy ra hồi nước Đại Pháp vừa dựng cờ bảo hộ trên đất Việt Nam này?

Tuy nghĩ thế thì nghĩ, nhưng lòng tôi cũng muốn biết vì sao lại có hai oan hồn cụt đầu, cứ mưa xuống nắng lên, là hiện lên diễn võ. Trước còn là một ý muốn, rồi sau dần thành một dục vọng, sau nữa thành hẳn một định ý cứ bám chặt lấy hồn tôi. Tôi như kẻ đứng trong cảnh ngộ một nhà toán học chưa tìm ra kết quả một bài tính khó nhưng thú vị. Cả ngày, cả đêm, tôi chỉ mãi mê về chuyện ma không đầu của tôi; rồi tôi lục các sách trong nhà Bác Cổ để họa may có tìm được một vết tích gì về hai nhà võ sĩ bạc mệnh kia không. Trong sách tôi thấy nói rất nhiều chuyện về hồi ấu trĩ của cuộc bảo hộ, xong chả có pho nào đã động đến hai nhà thiện xạ chịu tử hình ở mạn núi Gôi...

Sau khi tôi ở nhà bạn ra về, cách đến hai năm, tôi vẫn còn nhớ cảnh vật tôi trông thấy tựa như nó mới vừa xảy ra ngày hôm qua vậy. Tôi rất bức mình vì đã cố tận tâm gắng sức, mà không tài nào biết thêm tí gì về quái trạng ấy cả. Những chuyện mà các người ở quanh vùng Gôi kể cho tôi nghe đều là những vật liệu lơ mờ, không chuyện nào giống chuyện nào, vì mỗi người lại thêm bớt mỗi vẻ theo ý riêng mình.

Sau cùng, biết rằng tôi vô lực, tôi đành gắng quên dục vọng của tôi đi. Quên! Quên làm sao được? Càng ở những chỗ phồn hoa đô thị, lòng tôi lại càng như quần quai khó chịu; tôi càng tự trách mình sao không cố gắng thêm chút nữa, dò xét thêm chút nữa; biết đâu trong một pho sách ở viện bảo tàng, hoặc trong ký ức của một ông già đã sống thời loạn lạc, lại không có một vết tích, một dấu hiệu, chỉ cho tôi biết đường lần mò để đi sâu vào câu chuyện huyền bí của hai nhà võ sĩ không đầu, hiện lên mỗi lần mưa tạnh nắng lên?

Ấy, cũng bởi tin rằng có người biết được sự tôi cần biết, nên tôi bỏ hẳn nhà một dạo, đi ngao du khắp đây đó, mong rằng sự tình cờ sẽ cho tôi được thỏa lòng. Không ngờ khi đến Đồng Giao, tôi đã không

biết được tí gì về câu chuyện của tôi, lại nghe thêm được một câu chuyện ly kỳ hơn, khiến cho tính tò mò của tôi càng sôi nổi thêm lên nữa.

II - HẠT ĐỒNG GIAO

Khi chuyên tàu Hà Nội - Vinh ghé một phút tại ga Đồng Giao để trút xuống mỗi một người hành khách và một kiện hàng, thì kim đồng hồ nhà ga chỉ đúng 7 giờ 55 phút. Trời hôm ấy là một vòm trời đen tối; mưa phùn rả rích phủ kín không gian bằng một tấm màn ẩm đạm; khí hậu nặng nề ẩm thấp; quang cảnh bốn bề lạnh lùng bí mật, chung quanh nhà ga đều là đồi núi từng cây, khiến càng tăng thêm vẻ hoang vu rùng rợn.

Chỗ đó, xưa kia là một khu rừng sâu thẳm, ở vào một nơi đồi núi hiểm hóc, chỉ có thể làm sào huyết cho lũ giặc cỏ ẩn nấp, hoặc làm trường mai phục cho hai đạo quân Chúa Nguyễn và Chúa Trịnh khi Bắc Nam xung đột binh đao. Chỗ đó ở chính giữa khoảng giáp giới hai xứ Bắc và Trung kỳ, nó chia rẽ bờ cõi hai kỳ bằng ba từng núi liền nhau, vì có ấy tục thường gọi là đèo Tam Điệp.

Ai đã từng đi xe lửa từ Thanh Hóa ra Ninh Bình, chắc cũng đã để ý đến một quãng đường sắt gập ghềnh, hiểm trở, có lắm đoạn khúc khuỷu, mỗi lượt xe đi qua lại ngửa nghiêng lúc lắc phải ghìm bót đá lại, làm cho hành khách khó chịu mỗi khi nghe tiếng nghiêng kèn kẹt của bánh xe ép chặt trong máy hãm, giữa khi thân thể thì bị rung chuyển vì con tàu quần quai, lộn ngùng ngoằn như con rắn uốn éo trên một con đường hẹp hòi, đục ở giữa núi. Ló đầu ra ngoài cửa sổ để nhìn phong cảnh, ta chỉ thấy mặt đá trơ trơ, dựng cao như bức tường, và toàn thị là một thứ sậy khẳng khiu, mọc ở ven sườn đá. Một khi tàu chui qua khỏi núi ra tới nơi đất phẳng thì lại chỉ là một khoảng đất mênh mông bát ngát lờm chờm những đá, trên mọc xanh um kín mít những thứ cây nhỏ không tên tuổi, lan rộng khắp vùng; trông bụi không ra bụi, đồng không ra đồng, chỉ thuần một màu xanh thẫm, không thấy mặt đất đâu nữa. Thứ cây đó chả hiểu là những loại gì, nó thấp lè tè, quá mặt đất độ hơn nửa thước, mọc chen lẫn với lau và sậy, với cỏ, với rêu, biến quảng bình địa ra một khu hoang vu xanh thẫm, rừng cây không ra rừng cây, nội cỏ chẳng ra nội cỏ. Trong muôn vàn thứ cây đó, thứ mọc nhiều nhất là cây sậy, cây sim; có thứ lại có hoa trắng và hoa tím, điểm một nét điểm lệ trên vẻ trơ trơ của ngàn lau.

Từ mấy năm nay, có một ông hào phú được nhà nước cho phép khai khẩn chốn hoang vu đó để làm đồn điền. Nhưng đáng chừng sự khai hoang khó khăn quá, nên nhà hào phú kia đành bó tay chịu thua Tạo hóa, chỉ để lại trên đường sắt một tấm biển báo hiệu cho công chúng biết đất Đồng Giao là nơi sắp thành ấp nay mai. Ai đi qua Đồng Giao mà chẳng thấy tấm biển gỗ to, đứng sừng sững trên ngàn cỏ xanh đã mấy năm nay, trên có một hàng chữ đập mạnh vào đồng tử người quá khách: "Concession Nguyễn Văn X..."

Sự mở mang khu đất rộng giáp với đường sắt ở vùng Đồng Giao hẳn phải là một công trình vĩ đại, mà trong một thời gian ngắn ngủi, sức người khó nổi làm xong. Muốn cho bãi đất hoang thành khoảng đồng phì nhiêu phong phú, tất phải bỏ ra mặt số tiền ực vạn, một là để phạt hết cây hoang cỏ xấu, hai là để san bằng mặt đất, vạt cho hết lượt sỏi đá gồ ghề. Công trình ấy cũng đủ nuốt hết một gia sản khổng lồ, huống lại còn phải xây nhà cửa, nuôi súc vật và trồng trọt! Có lẽ cũng vì thế nên nhà hào phú kia đành nhả nha làm việc, không thể tiến hành công cuộc khai khẩn một cách mau chóng hơn nữa.

Ấy là chưa nói về khí hậu xứ Đồng Giao, ai đã ở vùng ấy độ dăm bảy tháng ắt phải rùng mình ghê sợ, mỗi khi nói về thủy thổ miền giáp giới Bắc Trung kỳ. Đó là tổ sốt rét rừng, dầu uống ký-ninh đến điếc tai cũng khó lòng tránh khỏi. Khí hậu thực là kỳ quặc: tuy ở vào miền gần bể, mà Đồng Giao về

phương diện thời tiết cũng chẳng khác gì những chỗ ở mạn thượng du, và có lẽ còn độc hơn các tỉnh ly vùng thượng du nữa. Đêm thì lạnh buốt phải đắp chăn tới sáng, ngày lại nóng bức như giữa mùa hè. Sống trong bầu hàn thử tương xung đó, phải có xương đồng da sắt mới tránh khỏi sự ồm ầu quặt quẹo. Buổi sáng, tám giờ, sương trắng như sữa, đặc như khói, còn phủ kín non sông cây cỏ; mãi đến khi mặt trời lên cao lắm mới tan dần. Chiều tới, vào khoảng bốn năm giờ, sương đã bắt đầu rõ xuống rồi tụ lại, chỉ chốc lát là phong cảnh bị chìm đắm trong một bức màn trắng đục, ẩm thấp, khiến người đi trong năm bước khó lòng trông thấy mặt nhau. Trong vụ quí xuân, mỗi khi có mưa râm rả rích, sự nặng nề ướt át càng tăng gấp bội, trời thu một màu tiêu điều xám đục, đất thì vắng lạnh đìu hiu, phong cảnh thực là thê lương ảm đạm. Có lẽ vì vùng Đồng Giao ở cao hơn mặt bể, lại có các rừng núi bao bọc, nên tuy không xa đồng bằng mấy, mà khí hậu thời tiết khác hẳn các miền ở đồng bằng. Quanh năm không khí bao giờ cũng đầy hơi nước; sự ẩm thấp không làm sao tả xiết; cỏ hoang rêu lạ tha hồ được tươi tốt những áo quần đồ đạc thì luôn luôn phải hơi, phải sấy, nếu không ắt bị mốc bị mục một cách mau chóng lạ thường.

Dem so sánh các tỉnh rải rác trên quãng đường thiên lý chạy từ Hà Nội đến Huế, thì có lẽ hạt Đồng Giao là chỗ độc địa hơn cả. Sở dĩ nước độc, tại vì bốn chung quanh hạt toàn là rừng rú, ngàn nội, trướng sậy bãi lau; nhưng lá cây mục nát từ thừa xưa còn chồng chất cả trên mặt đất, trong lòng suối, khiến nước xanh lè như màu rêu, hoặc đục vằng lên như nước ao tù.

Những cây cỏ thường hay giữ lấy hơi nước, không cho tan đi, lại nhuộm các khí độc ở đất bốc lên, thu tất cả bao nhiêu những nguồn ám chướng vào lòng rừng rú. Gia dĩ trong rừng, bóng mặt trời không lọt vào được, lá cây cỏ thụ rờm rà che lấp hẳn ánh nắng, hóa nên sự ám chướng thiêng nhiên vạn đại cũng cha tiêu. Lá cây, khi rụng xuống, xếp lên thành khối, lâu ngày mục dần, biến ra một tầng đất đen hôi thối, có khi rơi vào nước, hoặc ngấm vào mạch nước, đầu độc cả các suối, các ngòi. Dân cư bởi thế, không tài nào tránh khỏi bệnh tật, vì ai ai cũng đều phải lấy nước làm một sự cần thiết cho cuộc sinh hoạt thường ngày.

Đây, chỉ xem qua như thế ta cũng đủ thấy đất Đồng Giao là một vùng ám chướng; mà không những hạt ấy chỉ độc địa ở khí hậu, chỉ buồn tẻ căn cỏi ở phong cảnh, nó lại còn dữ dội tàn ác ở chỗ rừng núi bụi bờ chứa đầy các loài mãnh thú sinh hoạt một cách hùng cường phồn thịnh trong vẻ phồn thịnh của cỏ cây.

Bởi địa thế hiểm hóc, Đồng Giao đã làm trường thí nghiệm cho muôn ngàn tấn bi kịch khùng khiếp. Nào là cướp bóc, chém giết, nào là hãm hiếp, giam cầm vân vân. .. Những trò thương tâm ấy đều là của loài người tranh cạnh với loài người, mà diễn ra, nó không có tính cách lạ lùng cho lắm. Thê thảm bi đát hơn ấy là sự mãnh thú, vì đói ăn bắt loài người cấu xé ra từng mảnh, xác thì dùng để lót dạ, mà hồn thì đầy dọa vào kiếp nô lệ ma trành. Một câu chuyện trong muôn ngàn chuyện hồ hại người, tình cờ khi đặt chân lần đầu trên đất hạt Đồng Giao này tôi đã được nghe thuật lại.

Bạn hãy theo tôi xuống tàu vào ga một chút, rồi chúng ta sẽ cùng đi tới đầu đề. Hôm đó, trời mưa rả rích, lại tối đen như mực, dẫu vừa mới tám giờ đêm. Quang cảnh nhà ga trông quạnh hiu hoang vắng, sự buồn sự lạnh thấu trời rơi vào tận đáy tâm hồn. Tàu huyết còi rồi nặng nề lăn bánh trên con đường sắt, chui vào bóng tối chập chùng. Tôi ngẩng trông trời, mưa phẫn tạt vào mặt tỉnh táo ra đôi chút. Một mình thui thủi, tôi xách va ly thất thểu trên vỉa đường ẩm thấp, đi vào cửa ga.

Cửa ga hé mở có một cánh. Một người thư ký, gầy gò trong chiếc áo the lưng thụng, giơ tay đón lấy cái

về tôi trao. Tôi cũng chả buồn nhìn xem ông ta già hay trẻ và mặt mũi thế nào. Vả lại tôi lười.

Bước vào mé trong ga, tôi thấy âm áp dễ chịu. Ánh sáng các ngọn đèn dầu tây tỏa ra một cách dịu dàng trong gian phòng hẹp vắng vắng, trên tường có tranh ảnh của sở hỏa xa xuất bản, ở một góc lại có một cái cân to.

Tôi còn đương bàng hoàng ngẩn ngai, ở bóng tối bỗng đâu nhô ra một người vạm vỡ, mũ dạ đội sụp lấy trán, áo tơi mưa bọc kín cả người. Chàng lực sĩ ấy ra nắm lấy tôi, rồi nhẹ nhàng bộ răng trắng nhớn.

- Tôi đợi anh đã lâu. Sao tàu chậm thế?

Tôi mới nhận ra đó là Trần Văn Thủy, bạn tôi, một nhà thầu khoán to hiện đương dở công việc xây đắp nhà cửa và đường sá ở mạn Đồng Giao. Anh Thủy thấy tôi mừng quỳnh như kẻ được vàng, vội kéo tôi xềnh xệch ra khỏi ga, đẩy tôi lên xe ô tô, mở máy chạy vèo vèo trên con đường đá vụn. Tôi ngồi trên xe, chỉ nhìn thấy một vùng vô định, lơ mơ u ám, không còn nhận rõ sự gì. Duy chốc chốc lại nghe tiếng sỏi bắn vào thành xe, kêu rắc rắc, và luôn luôn bên tai tiếng động cơ xoay chuyển đều đều. Một nửa giờ như thế, xe ngừng lại. Bạn tôi bấm đèn "pile" rọi sáng, đưa tôi vào một tòa nhà.

Trời tối lắm, tôi cũng chả biết nhà ấy lợp bằng ngói hay bằng gò, tiến vào thì thấy nền nhà cao ráo, phòng ốc rộng rãi, tường tuy bằng rom và phen trát vữa, nhưng có cửa kính cửa chớp chắc chắn, mé trên thì cũng có trần như các nhà tây. Trong nhà có ghế xa lông rom và dăm bộ phản, cùng một bộ bàn ăn. Bài biện rất sơ sài, song thực là ngăn nắp và sạch sẽ, thoát mới vào ai cũng phải vò đoán chủ nhân là một kẻ làm ăn cẩn thận, ưa sự thực tế mà ghét thú xa hoa. Trên tường, quét vôi trắng toát, chả có tranh ảnh gì cả. Gian giữa, thì thấy treo một khẩu súng trường hai nòng và ba thứ khi giới ta; một thanh mã tấu, hai thanh quát và một cái nỏ. Thế là hết. Các đồ trang hoàng chỉ có thế, còn thì trơ trụi mặt tường không.

Nhưng ta cũng chớ nên vì thấy vẻ sơ sài đó mà vội liệt chủ nhân vào hạng người chỉ có óc buôn bán, không có óc mỹ thuật. Thực ra, Thủy là một thiếu niên rất chuộng văn chương, âm nhạc; sở dĩ chàng chịu sống trong cảnh trơ trọi như thế chỉ bởi chàng muốn theo đúng chí hướng của cha, muốn tự buộc mình luôn luôn phải nghĩ đến sự làm ăn để làm thí dụ cho đứa con thơ và cho vợ. Cái nhà ở Đồng Giao này, chả qua chỉ là chỗ sống tạm bợ mà thôi, hà tất phải vẽ vời trang hoàng, bày biện mỹ lệ làm gì cho tốn. Có quen Thủy lâu ngày, có đi sâu vào tâm lý chàng, mới có thể hiểu chàng là một nhân vật dễ xúc cảm, dễ mơ mộng, dẫu bề ngoài chàng cố hết sức nén đè các tính tình nhu nhược của mình đi.

Thoạt vừa tới nơi, tôi đã thấy trên bàn bày sẵn bát đĩa và các món ăn nghi ngút. Có một sự làm tôi chú ý nhất, ngạc nhiên nhất, nhưng cũng vui thú nhất: ấy là một bộ khay đèn sáng loáng, rất thơm tất bày trên một cái sạp gụ ở góc phòng.

Trước khi xuống chi với Thủy, tôi đã sắp sẵn trong va-li đủ các khí cụ cho sự nghiện hút của tôi rồi. Tôi vẫn biết bạn không ưa thuốc phiện mà chỉ trọng thể thao săn bắn nên chắc rằng anh chả để ý gì đến sự tìm kiếm khay đèn cho tôi. Ngờ đâu anh chu đáo quá! làm cho tôi vừa cảm kích vừa hổ thẹn nghĩ đến tình bạn đối với mình lại quý mến bạn biết bao!

Ăn cơm có Lệ Thi, vợ Thủy, cháu Thu Nhi, con gái Thủy, bạn tôi và tôi chuyện trò vui vẻ, ăn ngon quá, đồ ăn hết nhẵn, vì Thủy ăn khỏe như hùm. Giữa chốn đồng rừng u tịch này, vợ và con gái Thủy tựa

nư lai đóa hoa thành thị, lạc loài vào bãi tho mọc xanh um của đồi núi, ngõ hầu đem đến cho kẻ bị đầy vào nơi hoang vắng một chút hương thơm của chốn náo nhiệt phồn hoa. Vợ con Thủy tức là cái mục gia của chàng, cái mục gia mà mỗi lần quá mệt nhọc ưu tư, chàng quay về ngắm nghía thì khuấy hẳn nổi lo sầu lao khổ. Có ở một chỗ xa xôi lạ người lạ đất, ở một chỗ mà "lau già trút vỏ nẩy mầm quanh hiên", thì mới biết bàn tay mềm mại của người đàn bà và tiếng nói líu lo của đứa trẻ con, thực quả rất cần thiết cho sự sinh hoạt thường ngày. Mất hai thứ quý báu ấy cuộc đời dễ tẻ dễ chán lắm, và, mỗi lần phải xông pha những cuộc khó khăn để đạt tới công danh hay phú quý, thì không làm gì có sự khuyến khích thiết tha tâm trí để bền lòng gắng sức tiến lên.

Trong đời kẻ anh hùng, đem toàn thân thờ một quan niệm siêu quần, có lẽ vợ con là một điều trở ngại cho chí khí. Nhưng trong đời một kẻ sống một cách tầm thường bình dị thì sự thiếu vợ con quả là một nỗi buồn rầu, một động lực làm trở ngại sự tấn tới trên đường sinh hoạt.

Bởi thế, đối với Thủy, tôi thấy ngay rằng anh đem vợ con cùng ra ở Đồng Giao là một điều chí lý, dầu rằng khí hậu thủy thổ ở đất này không được lành như ở đồng bằng. Song le, vì anh khéo giữ gìn, ăn ở đúng phép vệ sinh, nên cả nhà anh ít bị ốm đau quặt quẹo; vợ con anh trông đều khỏe mạnh cả, không đến nỗi mặt bủng da chì như phần nhiều dân ở nước độc rừng thiêng.

Cơm nước xong, cả hai vợ chồng bạn và đứa con thơ theo gót tôi cùng lại sập gụ ở góc phòng, bốn chúng tôi quây quần chung quanh bàn đèn, nói chuyện với nhau như họp chợ. Lệ Thi tự tay rót nước lọc ra ấm, đặt lên đèn còn, đun một ấm nước sôi. Rồi lại tự tay nàng lấy cốc lấy đường, pha cho hai anh em tôi mỗi người một cốc cà phê rõ đặc.

- Hút thuốc phiện có hãm cà phê đắng mới thú vị, em nghe cậu em ngày trước vẫn nói như vậy. Ở đây tuy có cà phê nhưng tự rang lấy không được ngon lắm, bởi thế thứ cà phê này, em phải gửi mua từ Hà Nội xuống đây. Nhà em uống quen rồi, cứ gần hết em lại vội nhắn mua cho kỳ được, nếu không cn nghiện ông ấy lên, ông ấy ray rút cho đến khổ! Ấyay nghiện cà phê còn như thế, nghiện thuốc thì đến thế nào? . . . Nhưng mà. . . anh thử uống xem có phải đúng Moka hảo hạng đó không?

Hôm đó thực là ngày hội. Nào là Lệ Thi, nào cháu Thu Nhi, nào Thủy, nào tôi, cứ cướp lời nhau mà nói, nói đến chỗ vui quá lại cười ầm lên. Tôi hút bữa thuốc phiện đêm ấy sao mà không thấy đủ, dầu rằng thứ tôi hút là một thứ "thuốc Mẹo" cũ kỹ đã có váng mốc, mà bạn tôi đem từ Lào về rồi giấu đi để dành cho tôi đã hơn một năm nay. Thì ra vừa hút vừa nói, thuốc phiện đi đâu mất hết. Tôi cứ nằm dài hút mãi, tiêm xong lại hút, hút lại tiêm, không có ai là bạn "đối hấp" cả.

Lệ Thi nói chuyện chán quay vào quấy nhiều bàn đèn, đòi tiêm cho tôi hút. Thủy vội vàng gạt đi, nhưng tôi lại chiều ý, đến nỗi thuốc phiện rơi vãi ra khay tứ tung nhoe nhoét, dính hàng tảng vào nhĩ tẩu, và rỏ xuống tất cả đèn. Có đến thế nàng mới chịu thôi, dắt con đi ngủ. Chỉ còn hai anh em chúng tôi nằm đối diện nhau cạnh bàn thờ Phù dung nữ chúa mà thôi. Thủy đứng dậy bỏ màn xuống cho đỡ muỗi.

Đêm lúc ấy đã khuya. Chim rừng queng quéc báo hiệu đầu giờ Tý. Bạn và tôi buổi này không đàm đạo nữa, cùng nằm yên hưởng thú tĩnh mịch của canh trường. Chúng tôi hiểu rằng nói chuyện với nhau vô ích; đã là đôi bạn tri giao thân thiết, thì nhiều khi kẻ bên nhau cũng đủ rồi. Chúng tôi được gần kẻ nhau được thấy mặt nhau, còn gì sung sướng khoan khoái hơn nữa? Tội gì đem lời nói phá tan sự khoan khoái ấy đi. Trong cái êm đềm quanh quẽ, tình thân yêu qui mến còn nồng nàn hơn lúc nói cười. Có

biết nằm yên để lẳng lẳng nhìn nhau, đó mới thực là tương ái đến tốt điểm. Mà có khi lại không cần nhìn nhau nữa; mỗi người nhắm mắt mơ màng một lối, miễn là đều có tín ngưỡng rằng cả hai cùng được gần nhau. Thế là đủ, trong tất cả cuộc đời thân thiện của Thủy và tôi, chúng tôi tương tri nhau ở chỗ ấy hơn cả.

Tôi bây giờ mới thấy thuốc Mẹo thấm vào gân cốt, trong người nhẹ nhàng êm ái, say sa một cách rất dịu dàng, chỉ muốn lơ mơ nằm điềm tĩnh bên khay đèn mãi mãi, đừng bao giờ phải dậy nữa.

Thực là một thú vị ngây ngất, êm đềm và huyền ảo, không tài nào tả rõ được. Trong lúc bàng hoàng, yên chí rằng có bạn ở bên cạnh, và cũng đương trầm ngâm mơ mộng như mình, tôi cứ yên lặng nghĩ quanh nghĩ quẩn hết xa đến gần, thức cũng không phải thức, mà ngủ thì không ngủ được, linh hồn nửa tỉnh nửa mê, phiêu diêu phảng phất, đi sâu vào cõi Yên Hà. Bất giác tôi nghĩ đến đôi câu đối khắc trên yên dọc tàu của tôi, tôi bèn ngâm văng lên một cách rất tự nhiên, nhưng thực quả là vô lý.

Cao ngọa gia san, hô hấp vân yên hàm bán tháp;

Án cư cầu chí, trừ mâu phong vũ đối cô đăng...

Bạn tôi có lẽ đương lim dim ngủ, giật mình tỉnh dậy. Nhìn đồng hồ, bây giờ vào khoảng hơn một giờ đêm, đầu giờ Sửu. Thủy với tay lấy cốc cà phê, ghé lên mồm uống một hớp nhỏ. Tiếng cùi đĩa sắt đụng vào thành cốc leng keng.

Liền lúc ấy, xa lắm, xa lắm, tôi thoáng nghe tiếng đồn ca náo ruột. Tôi lắng tai chú ý. Im lặng. Chỉ có tiếng mưa tuôn rả rích, tiếng gió phả vì vèo, tiếng trùng than để khóc, và chóc chóc, tiếng một con chim rừng kêu quạc quạc trên ngàn. Tôi lại ngả đầu xuống gối.

Bỗng đâu, một nhịp đàn hát lại văng vẳng lọt vào tai tôi, nhỏ lắm, xa lắm, tưởng chừng ở cõi vô hình đưa lại. Dưới mãnh lực của Phù dung, xúc động hết giác quan của tôi khi say khói, tai tôi nghe thính một cách lạ thường. Tôi áp tai xuống phản.

Thì này, không còn sai nữa, rõ ràng có tiếng hát ở đâu đây? Tôi hết sức lắng nghe. Từng quãng một, như xa như gần, như khoan như nhặt, âm thanh kia réo rắt từng hồi. Càng ngày nghe càng quen, càng rõ. Một chốc, tiếng đồn ca ngừng bật, rồi lại tỏa ra; nhưng ước chừng gọn dư âm kia ở mãi ngọn đồi, chân ải, ở một vùng xa nhà bạn tôi đến dăm bảy trăm thước, không biết xuất phát từ hướng nào. Cũng có lúc, nhờ sức gió bạt sang, nghe rõ nửa câu, vài điệu; lại có khi gió quay đi chiều khác, chỉ nghe lờ mờ văng vẳng mà thôi.

Tôi chú ý đến nửa giờ, mới đoán được giọng hát kia là giọng cô đào hát nói. Bởi lẫn trong đàn hát, một đôi khi nghe thoáng có nhịp phách chấm câu. Thôi, đích thị rồi! Có lẽ quanh vùng đây, có nhà hào mục, tổng lý nào được sắc ăn khao, vui mừng nên đặt ra trò tiêu khiển thanh cao nhã đạm ấy. Nếu không phải thế thì trong hạt này làm gì có cái của hiếm, giống những nơi xa hoa phồn thịnh, tức là cái thú cô đầu?

Nghĩ thế, tôi ngồi nhồm lên, với tay gọi bạn:

- Này Thủy, ở đây có nhà nào đặt tiệc ăn mừng không? Bạn tôi mắt nhắm mắt mở, choàng thức dậy, với

lấy cốc cà phê hóp nốt mây ngum cặn cuối cùng. Xong ml hỏi tôi:

- Cái gì thế? Anh không hút nữa à!

- Tôi thôi hút đã lâu; tôi muốn hỏi ở đây có nhà tổng lý nào được sắc ăn khao mà hát xướng om sòm lên thế?

- Làm gì có ăn khao, làm gì có hát xướng! Chả qua vì say thuốc phiện anh ù tai đấy mà thôi.

- Nói lạ! Rõ ràng, tôi lắng đến nửa giờ, có tiếng hát đào văng vẳng, nên mới tư ởng rằng quanh vùng này có tiệc ăn khao...

- Anh nghe thấy tiếng hát ư? Thế thì anh có phúc thật! Tôi ở đây đã mười mấy tháng trời , mà cả hai vợ chồng, chả đứa nào nghe thấy gì cả!

- Anh nói cái gì tôi không hiểu? Nghe cái gì?

- Nghe hát.

- Hát gì? Hát cô đào...

- Cô đào ở đâu?

- Ở trong rừng?

- Sao lại ở trong rừng?

- Ở trong rừng nghĩa là ở trong rừng, chứ sao!

- Thằng cha này nói vô lý! Cô đào nào lại có thứ cô đào ở trong rừng?

- Thế mà ở trong rừng mới lạ chứ!

- Thôi, hẵn có sự bí hiểm gì ở chỗ này rồi, chứ không sai! Anh Thủy ôi! Anh làm ơn kể cho đệ nghe với nào!

- Dễ chữa, anh có gì biểu, tôi mới kể cho mà biết; chứ dễ thường mỗi lần anh muốn thỏa chí tò mò hiếu sự, thì anh cứ việc đang đêm hôm dựng cổ tôi dậy, là tôi phải kể hâu anh nghe đấy ư?

- Tôi lạy anh. Hễ anh kể tôi nghe, mà tôi viết được thành sách, thì quyền sách ấy sẽ riêng tặng anh, Lệ Thi và cháu Thu Nhi! Thế là món quà quý nhất của tôi đó!

- Ủ , thì được, nhng mà hãy thông thả một chút. Để tôi đánh thức Lệ Thi dậy, bảo đun nước pha một cốc cà phê đặc uống cho tỉnh táo đã, nhiên hậu mới kể được cặn kẽ cho anh nghe.

- Thôi để tôi pha hâu, hà tất phải làm tội Lệ Thi như thế.

- Không được! Chỉ có vợ tôi pha tôi uống mới ngon thôi, vì nó biết tính tôi rồi. Bao nhiêu nước, bao

nhieu đường, lại chỉ được lọc nửa cốc thôi, còn thì pha thêm nước sôi, nếu không, uống sẽ đắng mà không thơm. Lệ Thi! Còn thức đây không? Dậy anh mượn tí!

Lệ Thi trong màn bước ra, vừa đi vừa vắn tóc. Dưới ánh đèn lò mờ, trông nàng ban đêm đẹp quá. Nàng lịch kịch đun nước, pha hai cốc cà phê. Và nàng lại rót mía đường chèo chất đầy một đĩa cho chồng hãm giọng và bạn hãm thuốc.

Đương khi chờ đợi, Thủy uống hớp cà phê đầu thì cho lòng hiếu kỳ của tôi được mãn nguyện, và muốn cho câu chuyện đơm thêm vẻ nồng nàn đầm thắm, tôi lại khêu to đèn tiêm thuốc hút nữa, khiến cho thời gian chung quanh mình cũng bớt phần ảm đạm, nặng nề.

Tiếng nước réo mãi không sôi làm tôi sốt ruột. Lệ Thi quay vào buồng đắp kín chăn cho con bé cháu, xong quay ra giắt màn cho chúng tôi cẩn thận rồi yểu điệu ngoan ngoãn ngồi thu hình sau lưng chồng, góp thêm trong quăng u tịch của đêm trường một cái bóng dịu dàng bên hai chiếc bóng cứng cỏi của tôi và Thủy.

Ngoài thêm, tiếng trùng than đế khóc âm ỉ tỉ tê như một khúc nhạc rầu rĩ êm dềm. Vài chiếc lá khô, thỉnh thoảng bị gió bạt lìa khỏi cành, xào xạc rơi xuống mặt sân gạch. Gió từng luồng nhẹ, chốc chốc rúc vào khe cửa, rên lên một tiếng náo nùng như tiếng thở dài. Mưa, nghe chừng đã tạnh, nên không có tiếng tí tách rả rích trên vỉa hè nữa. Vạc, hàng dẫy, xé không trung bằng những tiếng rì rắc, ngăn ngửi không hề có gợn dư âm.

Lệ Thi vươn tay qua mình chồng, lấy cái lọc cà phê bỏ ra ngoài. Thủy hớp được vài hớp nước nóng, bấy giờ mới dăng hăng vài cái bắt đầu nói chuyện.

Bóng Lệ Thi vẽ lên màn một cái hình thiếu phụ mơ màng.

III - NGÀN KHUYA VẮNG TIẾNG

Hai vợ chồng tôi ở đây đã quá một năm mà thực quả chưa bao giờ được cái hân hạnh như anh cả.

Từ khi chúng tôi vừa mới đến, đã nghe các ông cai và các bác phu già nói đông dài về nhiều chuyện đường rừng: nào dã sử của mấy mươi loài chim lạ, như con "cô oi", con "trà toàn", con "tử qui", con "da da" vân vân, nào sự tích của bao nhiêu loài dị thú, như con "thủ thi", con "rắn lục", con "sài cứu", con "vọng nguyệt", nói thế nào cho hết được; tóm lại phần nhiều những chuyện đó, tuy lý thú, ý vị cả, song không lấy gì làm kỳ dị hãi hùng.

Bản tính tôi chỉ thích nghe những chuyện hãi hùng mà thôi, hóa nên tôi chẳng để ý đến lời họ nói. Mãi sau này, có một ông cai già mà anh em áo cộc thường gọi "Lão Cai Móm", vì rằng ông ta rụng gần hết - ông ấy thuật tôi nghe một câu chuyện rất kỳ quặc, khủng khiếp. Đầu tiên tôi không tin, cho là ông ta cố tình bịa đặt, một là để vừa lòng tôi, hai là để dọa vợ tôi cho thú vị. Nhưng, được ít lâu trong một trường hợp cực kỳ quái gở, tôi suýt nữa bị tán đờm vì sợ hãi rồi từ đó tôi phải tin lời ông cai già là đúng.

Từ độ ấy, hễ cứ đêm nào mưa dầm gió bắc, như đêm nay chẳng hạn, là tôi cố thức và chú ý lắng tai nghe.

Tôi thức mãi, lắng mãi, mà chẳng bao giờ thấy gì cả. Cái lần mà đáng lẽ được nghe thấy, thì tôi lại sợ quá, chết ngất đi thiếu chút nữa mất mạng. Còn về sau này, thì cả vợ chồng, đêm đêm thường cùng nhau ngồi lắng tai gần suốt sáng, thế mà cũng chẳng thấy gì. Chán nản, chúng tôi đành bỏ, không thám thính nữa. Ai ngờ lần đầu tiên anh đến, anh đã nhận được ngay sự bí hiểm mà tổn hao tâm trí tôi vẫn chưa nhận được; tái anh thực là tai thánh, linh ứng bằng tai Hồ thần!

Quả như lời anh nói, sự bí hiểm kia là một điệu hát cô đầu. Trong rừng có ả đầu, đó mới là một sự đáng cho là bí hiểm! Nhất là ở mạn rừng này. Bối lẽ Đồng Giao là một hạt hẻo lánh, dân tha nước độc, cô đầu đến làm gì? Trong mấy chục năm nay, có lẽ từ thượng cổ đến giờ, chưa khi nào có một chị quảng mỗ hoặc điên rồ đến đây mở một ngôi hàng Hồng lâu cả. Thế thì tại sao chỗ này lại được nghe hát đào?

Cứ về đêm, quá giờ Tý, thì mới vắng vắng có tiếng đàn ca réo rắt. Đàn ca ấy lại xuất phát từ mé giữa rừng. Hai tháng đầu khi tôi mới đến cũng lắm người nói với tôi như thế tôi đều cho là bịa đặt. Về sau, nghe thấy ai cũng cam đoan là sự thật, tôi mới dám nghi ngờ, muốn biết rõ duyên cớ vì đâu có sự dị kỳ như vậy. Nhưng hỏi ai, họ cũng đều bảo là trong rừng đêm đêm có tiếng hát, không biết tại sao mà có. Người đoán đó là ma, kẻ bảo là yêu tinh, có một ông cụ lại quyết rằng đó là một thứ hồ ly lạc mãi từ bên Tàu, đi lần đường núi thẳm qua Vân Nam sang tới xứ Lào, rồi lần mò tới Đồng Giao thì không đi nữa, vì tìm được địa thế hợp với nó. Sau, lại có một bà già nói là mắt bà thấy con quái vật ấy ở trong hang đá nứt mà chui ra, trước thì là con vượn trắng, rừng mình một cái biến ngay ra con gái rõ đẹp; vô phúc ai gặp phải thì nó quyến rũ đưa vào hang, đàn bà nó không thềm bắt, nhưng đàn ông thì túm ngay lấy làm chồng. Kẻ nào đi lại cùng nó, nó rút hết xương tủy, trong ba ngày phải chết.

Ông ký ga bảo là không phải thế, theo như ông biết, thì đó là một nàng tiên rất mỹ miều diễm lệ. không làm hại ai cả. Nàng ấy ngụ ở thân một cây quế lớn, đi tạt qua cũng ngửi thấy mùi hương xông lên, nhưng cố tìm tòi hàng tháng cũng không ra, bởi lẽ nàng tiên đã biến cây quế thành một cây gổ khác rồi.

Cứ những ngày trời tối tăm trời đất, hoặc những ngày sáng sủa có trăng sao, nàng lại hiện ra. Trời đất buồn thì nàng buồn, trời đất vui thì nàng vui; hoặc vui, hoặc buồn, nàng đều lấy điệu hát câu ca véo von làm thú tiêu khiển. Truyền rằng có khi nàng thổi sáo, nghe như tiếng sáo diều, bay xa ngàn dặm. Nhưng ít khi nàng dùng thứ âm nhạc ấy; thường thường nàng tự mồm ca tay đàn, ca be bé cho một mình nàng nghe thôi, bởi thế ta có thính tai lắm mới thoáng nhận được vài điệu bổng trầm.

Đến lượt ông cụ Bát ở gần chợ thì không phải tiên mà là rắn, một thứ bạch xà to lớn hơn con trăn gió, biến hóa vô chừng. Nó lúc hóa đàn ông, lúc hóa đàn bà, lúc hóa trẻ con, không biết thế nào mà lường, vì nó đủ lục tri thần thông. Sở dĩ nó ca hát, là để mê hoặc lòng người, để cho những kẻ hiếu sự tò mò tìm đến xem nó tận đáy rừng, lúc đó nó sẽ há rộng miệng rồi chỉ việc hít một cái nhẹ nhẹ là tự khắc mình bay tọt vào họng nó, cho nó nuốt.

Khi hỏi đến bà Chánh Ba, là người từng đi lại hạt Đồng Giao buôn bán, thì bà nghiêm nghị hạ thấp giọng xuống và nói se se, một cách rất kính cẩn rằng nàng tiên đó là một vị công chúa trong 12 Châu Cô hầu Đức Bà Thượng Ngàn. Ấy là "cô nương" Quỳnh Hoa đó. Vì cô nương lỡ tay làm rơi chiếc chén cầm ngọc khi rót rượu mời Đức Bà Liễu Hạnh ở Sông Sơn, nên bị đày ra rừng Đồng Giao. Bởi thế, những đêm u tịch tẻ buồn, hay những đêm thanh vắng sáng sủa, nàng Quỳnh Hoa lại nhớ đến Châu Bà Thượng Ngàn và mười một chị em, trong lòng buồn rầu tràn ngập, phải hiện lên đi du ngoạn cho tiêu sầu. Và giữa lúc ấy, đôi cảnh sinh tình, cô nương bùi ngùi hoài vọng, hát lên một khúc ngũ hầu vợi bớt nỗi lòng.

Nghe thuyết của bà Chánh Ba, các bọn phụ nữ đều tỏ vẻ sợ hãi, sùng kính; ai cũng cho thuyết ấy là đúng. Nghĩ cho kỹ thì câu chuyện bà Chánh nói còn có ý vị, nó không hoang đường mấy và còn hợp lẽ hơn các chuyện khác nhiều.

Nhưng nó không được ly kỳ rùng rợn bằng câu chuyện của ông Phó Cự. ông Phó Cự cả quyết nói lớn rằng ông biết đích tông tích của con quái vật hiện ra trong rừng; nó chính là một con Sài Kíu. Cái giống Sài Kíu này na ná như loài chó sói, song dữ hơn nhiều. Đầu nó cứng rắn như sắt; có kẻ bầy được nó, lấy búa bổ mãi vào sọ dừa mà cũng không vỡ. Nó thường hay cúi gầm mặt xuống mà đi, trông tựa như một con chó đại lớn lơ lơ buồn bã. Thế mà hễ gặp người thì nó nhảy xò lại mé sau lưng, bá chặt lấy vai, móc mắt, và khi mình ngã xuống rồi, nó cắn vào cổ cho chết; xong đầu đẩy nó tha xác vào một hang hốc giấu đi. Nó đợi cho lúc xương thịt rã rời, có mùi hôi thối xông lên, có ruồi bọ bám đầy, lúc bấy giờ nó mới đến ăn. Cái giống sài ấy chỉ ham có thịt thiu thịt rữa mà thôi, nó không thêm ăn thịt tươi như các mãnh thú khác. Ở phía tây nước Tàu, trong các tỉnh lâm rừng rú hiểm trở như Tứ Xuyên, Quý Châu và Vân Nam, Cam Túc v.v... có rất nhiều Sài Kíu. Người Tàu thường dùng hai chữ sài lang; lang là để chỉ loài chó sói, còn sài thì chỉ giống Sài Kíu đó. Giống đó đi lùnh khắp chốn, đánh hơi ngửi mùi xác chết; phàm giả chỗ nào có mả mới là nó sục đến, lấy đầu húc vào đất cho bật tung quan tài lên, rồi xé xác ra mà ăn. Bởi thế nên trong mấy tỉnh trên đây, ở các miền gần rừng rậm, dân cư không dám chôn người chết nữa, họ phải dùng lối táng treo, nghĩa là đem quan tài vào trong rừng rồi buộc lưng lửng trên cành cây cao. Giống Sài Kíu không leo trèo được, đành chịu thua, hết kế vọc xác người chết. Nhưng chúng nó cứ đợi cho trong quan tài có nước rỏ xuống cỏ lại liếm thứ nước "béo bổ" ấy.

Ăn thi thể mục nát mãi, lâu ngày có con thành tinh; con nào ăn được hơn trăm tử thi thì cũng linh thánh và có phép biến hóa như hổ bắt được đủ trăm người. Con yêu ở Đồng Giao này chính là một con Sài Kíu cái đã có hạnh phúc "xơi" được hơn trăm thân người chết, nên thành ra đủ phép thần thông đó! Nó

cứ hiện lên hát véo von để bầy người ta vào xem. Gần đến sào huyết của nó, nó sẽ run rủi cho mình đi vào tử địa, khiến mình bị bỏ xác ở những chỗ hang sâu vực thẳm, rồi, đợi khi nào trên tử thi mình đầy các thứ giòi bọ hôi tanh, lúc bấy giờ nó mới đến xé thịt mình ra đánh chén.

Cứ nghe thiên hạ xôn xao bàn tán, thì mỗi người nói một cách, mỗi người có một chuyện riêng, mà không chuyện nào giống chuyện nào như thế, còn xét làm sao cho rõ biết căn nguyên của sự mình muốn biết nữa? Thực là khó. Bởi thế tôi cứ phân vân, bán tín bán nghi, nghe bà con kể lại thì biết vậy, song không dám tin lời ai cả.

Cho đến lúc tôi được nghe chuyện ông Cai Móm. ông Cai Móm là người làm công cho tôi từ lúc tôi vừa chân ướt chân ráo đến Đồng Giao lần đầu. ông là một cụ già quắc thước, đứng đắn và nghiêm nghị, tôi tin cẩn lắm. Ông lại ít nói, không bờm xờm bỡn bãi bao giờ. Các bạn đồng nghiệp và các phụ phen sợ hãi và kính nể ông lắm lắm.

Ông chỉ giao thiệp với tôi trong những giờ có việc còn ngoài ra, ít khi ông vào nhà tôi chơi độ vài tiếng đồng hồ. Tuy già mà ông chăm chỉ làm lụng cặm cui cả ngày hóa nên chả mấy lúc rảnh. Cũng do một sự tình cờ tôi mới được nói chuyện với ông trong một đêm, rồi được rõ sự tích khúc hát trong rừng nó ly kỳ rùng rợn như thế nào.

Hôm đó khoảng tám giờ tối, có một kiện hàng rất quan trọng từ Hà Nội gần về. Lẽ ra thì sáng hôm sau ra ga lấy cũng được, nhưng năm giờ phải có đủ vật liệu để khởi công thành thử ông Cai Móm phải đi lãnh ngay hàng về cho tôi. Đường tối lại vận tải bằng xe bò, thành hì hục mãi gần chín giờ đêm ông Cai Móm mới về đến trại. ông vừa tới nơi, vừa kịp xếp hàng vào kho thì gió đầu bỗng nổi lên ù ù ù ù, rồi mưa trút xuống như thác chảy, lại có cả sấm sét nữa. Một cơn bão lớn. Thực là gió núi mưa ngàn.

Ông Cai không về được, phải xuống bếp ngồi nghỉ cùng tụi cu ly đẩy xe và khuôn hàng. Tôi nhân có việc dặn ông gọi ông lên nhà trên uống nước. Ông Cai Móm từ chối hai ba lượt nhất định không ngồi xuống ghé xa-lông; mãi sau tôi cố sức mời, ông nể lắm mới ghé lưng ngồi một cách kính cẩn lên chiếc ghế ở góc bàn ăn. Tôi vốn biết ông là người ít nói, cử chỉ rất thận trọng, nên cũng biết đãi ông. Nhân có một chai rượu nếp cẩm, ngọt lặt như đường và rất mạnh, của một người bạn thân vừa biếu tôi được vài ngày, tôi bèn mở ra, rót mời ông Cai Móm.

Ông đứng dậy tạ từ hai ba lần, không uống, tôi ép mãi, ông mới chịu đặt môi vào chiếc cốc con, dốc một hơi cạn hết. Ông là người thích rượu, rượu của tôi lại quá ngon, hóa nên khi mời đến cốc thứ hai, rồi thứ ba, ông không từ chối nữa, chỉ cảm ơn thôi. Cốc nào ông cũng hớp một hơi là sạch ráo, tôi thấy tử lực hùng tráng của ông mà vui lòng. Tôi cứ rót, ông cứ uống. Chả bao lâu, chai rượu vơi hẳn, gần hết, tôi đoán chừng ông đã hơi say. Quả nhiên ông lấy tay ngăn không cho tôi rót tiếp nữa, ông tươi cười đắc ý, vái tôi, nói khà khà:

- Đa tạ thầy đã yêu mà cho con uống quá nhiều, say rồi thầy ạ! Biết lấy gì mà đáp ơn thầy?

- Cái đó có hề chi! Lúc vui ta cùng uống chơi, có gì mà ơn với huệ. À này, nhân tiện ông ở đây, tôi muốn hỏi ông về câu chuyện lạ của đất Đồng Giao này. Chả hay cái điệu hát cô đầu văng vẳng trong rừng đưa ra nguồn gốc nó ở đâu? Thiên hạ mỗi người nói một lối, ông đã già, và lại ở đây đã lâu, chắc hẳn biết rõ hơn mọi người, ông thử kể lại cho tôi nghe?

- Thầy đã dạy con đầu dấm trái lời, nhưng để khuya khuya chút nữa khi nào tỉnh mịch hẳn, con thuật lại thầy nghe mới thú, bây giờ còn ồn ào lắm, vả con đương còn say, nói chả được rành mạch.

- Chốc nữa ông sẽ say quá rồi ngủ mất tôi biết làm thế nào?

- Thầy đừng ngại. Con có uống đến gấp bốn năm lần như ngày hôm nay cũng chả say nữa là! Thầy hãy chịu nán một chút nữa, con xuống bếp hút điếu thuốc lòn rồi xin lên ngay...

Khi ông Cai Móm trở lên phòng khách của tôi, nửa giờ sau, thì đồng hồ chuông trong phòng reo vào không gian mười một tiếng. Con Thu Nhi đi ngủ từ sớm, còn Lệ Thi thì vẫn ngong ngóng chờ đợi chỉ kỳ được nghe chuyện mười thôi. Vợ tôi bắc ghế ngồi bên cạnh tôi tỏ ý sốt ruột. Lúc thấy mặt ông Cai Móm, nàng mừng rỡ như trẻ con được kẹo, vội vàng đứng dậy đón, dắt lại chỗ ngồi cẩn thận, xong rót đa ông một cốc rượu lớn.

- Nào bây giờ thì cụ kể đi cho chúng tôi nghe! Tôi xin biếu cụ cốc rượu ngon này. Cụ uống hết bao nhiêu, cứ việc tự tiện, chúng tôi xin chu tất đủ hết. Cụ bắt đầu đi!

Dưới ánh đèn măng-sông sáng lóe, lúc ấy tôi mới ngắm kỹ dung mạo ông Cai Móm. Một cái trán cao vọt, vồ hăn ra, làm cho ta phải để ý đến đầu tiên. Cái trán ấy lan rộng đến tận gần đỉnh đầu hói bóng; một làn tóc ngắn tha và trắng xóa, lơ thơ bao vành hai bên và phía sau chiếc sọ dừa gần hăn thín. Một đôi mắt to, mà rượu đã làm mờ đi bởi những tia máu nổi lên làm đỏ ngầu; một cái mũi hùng vĩ như mũi sư tử ở giữa đôi lông quỳn cao vọt vọt; một cái mồm rất tươi, nhưng có hai hàm răng trụi cả, khiến cho hai hàng môi mỏng co rúm lại, vập vào mé trong, làm khuôn mặt ngẩn hăn lại; đó là vài nét đặc biệt về thành diện mạo ông Cai Móm. Ông tuy già, mà da dẻ còn hồng hào tươi tốt, chỉ sạm đi như màu đồng đen, và răn rúm như vỏ trái xoài chín nẫu. Dưới bộ quần áo vi tây vàng, ta có thể đoán thân thể ông Cai còn khỏe mạnh, nhanh nhẹn lắm, dẫu nó không đủ khí lực cường tráng như thừa xuân xanh nữa.

Lúc ở nhà dưới trở lên, ông không quên mang theo cái điếu cày, một vật liệu tối cần cho sự kể chuyện cổ tích giữa đêm khuya. Ông đặt điếu xuống gầm bàn, rồi ngồi nghiêm trang trên ghế. Lệ Thi đưa biếu ông cốc rượu, ông giơ hai tay đỡ lấy, uống một hơi dài gần hết nửa cốc, không mời chào từ tốn như khi trước.

Uống xong, ông thở khà một tiếng, liếm môi rồi cất tiếng nói vang vang hùng dũng lắm.

- Nào ! Mời thầy cô ngồi gần sát lại đây, và xin thầy cô đừng sợ nhé! Câu chuyện này nó không phải chuyện bịa đặt, vì nó hoàn toàn đúng sự thực, mà cũng không phải chuyện cổ tích, vì nó mới xảy ra được độ dăm chục năm nay. Chỗ xảy ra chuyện con sắp kể đây ấy chính là hạt Đồng Giao ta đó!

Tôi xin mạn phép anh hãy xen vào chỗ này một lời, trước khi thuật lại anh nghe sự tích ông Cai Móm đã kể cho vợ chồng tôi nghe đêm hôm ấy. Đã lâu lắm rồi, tôi không nhớ rõ cách dàn xếp của ông Cai và nguyên văn của ông ta làm sao. Tôi chỉ biết cả Lệ Thi, cả tôi, nghe ông nói lấy làm thú lắm. Cảm giác của chúng tôi lúc đó thực là đặc biệt, nói cho đúng, ông Cai quả có tài trứ thuật vô cùng. Ngày nay, tôi mặc lại câu chuyện, có lẽ không hay được như ông đã kể, song tôi tin rằng vẫn tôi sẽ rờm rà mà lẳng lơ bay bướm hơn nguyên văn. Tôi sẽ xếp đặt theo cách của tôi, tôi sẽ thêm bớt thêm thừa theo ý riêng tôi, anh lượng trước cho tôi chỗ đó! Rồi anh đừng bắt bẻ tôi sao ông Cai già mà lại có lời lẽ văn hoa tao nhã như lời tôi sẽ nói; sau đây sẽ là câu chuyện của ông Cai mượn miệng lưỡi và tinh thần

tôi mà lọt vào tai anh đó thôi. Anh nên hiểu như thế cho tôi thì mới được!

IV - OANH CƠ

Ngày xưa khi nước Đại Pháp vừa mới dựng nền bảo hộ, thì dân ta sống theo các tục lệ cổ hủ; đường sá thành thị thửa ấy chưa được mở mang rộng rãi; trong nước còn đang thời loạn lạc, cướp bóc tứ tung, các tay anh hùng lục lâm hoành hành khắp chốn mà nền trị an thì chưa lấy gì được vững vàng.

Ở các chốn đô thành, dân cư có lẽ được yên ổn đôi chút. Các quan trị một mặt thì hết lòng truy nã những đảng phản kháng, một mặt thì ra công mở mang khai khẩn các miền bình địa, đặt ra luật lệ mới và xây đắp các trường học để đưa dân trí thức con em trong nước đến với nền văn minh Âu Tây. Lúc ấy mới là cuộc sơ khai, làm gì có đường sá quang đãng, làm gì có hỏa xa và đèn điện? ông bà chúng ta vẫn sống bần tiện trong những căn nhà tranh hoặc ngôi lụp sụp, tối tăm ẩm thấp, sự sinh hoạt của các cụ mãi về sau này mới được tăng bề sạch sẽ và sung sướng chút ít. Nói ra dài dòng lắm, tôi chỉ kể qua thầy cô được rõ rằng cách ăn ở lúc ấy rất lủi xùi khẩn cực, về phương diện vật chất. Còn như về phương diện văn học và luân lý, thì lại là một câu chuyện khác.

Bởi chưa có nhiều đường sá, sự đi lại và sự vận tải là một điều khó khăn hiểm trở vô cùng. Ngoài Bắc kỳ, đi đứng còn được dễ chịu đôi chút, bởi lẽ, từ trấn nọ qua trấn kia, - trừ các châu ở vùng Thượng du - không có núi rừng ngăn cản. Vả chẳng đồng bằng rộng rãi, phẳng phiu, các gian phi trộm cướp hết nghề tìm sào huyết làm nơi căn cứ để trú ẩn lâu bền. Còn như ở đất Trung kỳ, Thanh Nghệ này, ôi thôi! Trộm cướp không biết bao nhiêu mà kể? Vì rằng xứ Trung kỳ eo hẹp, mé Đông tuy giáp bể song mé Tây lại tiếp ngay với núi rừng, hóa nên quân gian tìm ra nhiều chỗ đất có thể làm tổ quỷ lắm. Đường sá lại gập ghềnh, nguy hiểm, khi lên thác khi xuống đèo, khi qua rừng, khi ven núi, thực là khi khu, khó nhọc. Từ Thanh Hóa, theo đường thiên lý ra xứ Bắc, tất phải trèo đèo Tam Điệp, mà đèo Tam Điệp nó có phải đất xa lạ gì, chính là về hạt Đồng Giao ta đó! Thửa trước chỗ này rừng núi rậm rạp gấp mười ngày nay, chỉ dùng để làm trường hỗn chiến cho mấy toán quân mai phục bắn nhau, giết nhau để chiếm quyền lợi hoặc cho Chúa Nguyễn trong Nam, hoặc cho Chúa Trịnh ngoài Bắc. Chỗ này còn là nơi thắng địa cho các loài mãnh thú, cho các khách lục lâm; hổ cứ ở đó hàng đàn, kẻ cướp nấp ở đó hàng toán; thực là một chốn nguy hiểm đến tột bậc, đi qua đây không chết vì đao quân đao tặc, thì lại bỏ xác dưới các móng vuốt hùm thiêng.

Thế mà ngày nay vẫn thường có những kẻ can tràng len lỏi đi qua, đánh bạo với sự chết, không hề sợ hãi. Chẳng lẽ vì đường sá đầy tai nạn mà đành bó tay ngồi ở xó nhà, không dám vượt rừng núi từ Nam ra Bắc, để cho con đèo Tam Điệp, lâu dần, phải hóa một nơi hoang vắng, không hề có lốt chân người? Khó nhọc đến đâu thì khó nhọc, nguy hiểm đến đâu thì nguy hiểm, lúc có việc quan trọng cần kíp, lúc phải quay cuồng xoay sở để mưu y mưu thực, nào ai còn suy nghĩ nữa, còn dùng dằng lo sợ nữa, còn ngại mình chẳng dám vãng mình xông pha cửa ải ngọn đèo? Nhưng lúc cần sống, cần hăng hái để sống, một người con gái cũng còn đủ can đảm vượt ghềnh xuống thác, hướng hồ là lũ nam nhi!

Mà cũng bởi có hai kẻ “liều yếu đào tơ” dám len lỏi vào chốn ma thiêng nước độc, hổ dữ dội, cướp hung tàn này, nên mới có câu chuyện ngày hôm nay, một chuyện rừng rợn ghê người, nghe phải lạnh mình sờn gáy.

Số là một buổi về mùa xuân, cách đây chừng sáu mươi năm về trước, quan nguyên tri phủ Nho Quan, sau khi làm Sơn Hưng Tuyên tổng đốc được ba năm thì cáo bệnh về dưỡng lão ở hạt đó, nhân được

chiều chỉ nhà vua phong cho làm Đông Các đại học sĩ, lại vừa đề được một công tử đầu lòng, thiết một lễ ăn mừng rất long trọng trong năm ngày, có tiệc, có đàn, có cô hầu mời rượu, bắt bài bông, nhảy múa và ca hát, lại có cả phường tuồng và phường chèo thiện nghệ lần lượt diễn các tích hay nhất ròn rã suốt năm đêm ngày. Bởi thế, các giáo phường ở mọi vùng lân cận phủ Nho, đều rủ nhau tới phủ đường xin hát.

Tiếng đồn dinh quan Thượng Nho Quan (đó là tên mà dân gian đặt ra để gọi cụ Đông Các) có đại tiệc chạy mãi vào Thanh Hóa; các thiếp mời gửi từ hai ba tháng trước, tất cả các quan xứ Bắc và các quan phủ huyện ở lân cận tỉnh Ninh Bình mỗi người đều nhận được một tờ hoa tiên màu hồng chói lọi, trên có mấy hàng chữ Lan Đình đen láy, rất mỹ lệ sắc sảo viết bằng một thứ mực hảo hạng, thơm ngát, hình như có lẫn mùi xạ, mùi trầm. Thiếp đó gửi cho quan phủ Quảng Hóa, Hà Trung, Thọ Xuân, Hoằng Hóa, và cho các quan huyện Tống Sơn, Nga Sơn, Mỹ Hóa, Quảng Tế, Thụy Nguyên, Lôi Dương, Yên Định v.v...

Quan Thượng Nho Quan là một tay cự phách trong làng nghiên bút, bốn đời ông cha ngài đều được phong tước, đến đời ngài thì đỗ Cử nhân đệ tam danh trường Nam Định, rồi đỗ Tiến sĩ đệ bát danh. Trong hoạn trường, ngài quen thuộc rất nhiều, đối đãi với ai cũng thuần hậu, có tình, nên các bạn đồng liêu đều một lòng kính nể quý mến ngài, coi ngài vào hàng thầy chứ không phải vào hàng bạn. Như thế cũng không lấy gì làm quá đáng: trong đám quan lại thời ấy, một phần đông đã thụ giáo của ngài.

Cũng bởi vậy nên khi được tin báo ngài ngoại ngũ tuần mới sinh công tử đầu lòng, lại được thăng hàm Đông Các, các thượng quan và các quan phủ huyện khắp xứ Bắc cùng trong hai trấn Thanh - Nghệ gửi đưa đồ lễ tề đến mừng nhan nhân: từng lớp lính cơ nón sơn, áo nâu nẹp đỏ, khó lục, xà cạp điều, khiêng lễ mễ những cái níp nặng trĩu trên có phủ nhiều hồng; lại có đưa đội trên đầu những cái hòm bọc da đen niêm phong cẩn thận; trông chả khác gì một gia đình nhà trai đem các đồ nạp thái đến nhà gái. Họ đi từng cánh một, đông lắm, cùng chỉ hướng Bắc tiến hành cứ theo dọc con đường thiên lý mà ra khỏi cương giới xứ Trung kỳ, rồi còn đi đi nữa.

Nhập với bọn họ, có một ích lợi rất lớn, là đi đường xa khỏi bị những tai nạn cướp bóc - vì họ là lính quan - lại tránh cả được sự bị hồ ăn thịt - vì đông người thì hồ không dám hành hung. Hỏi ra mới rõ bọn họ cùng ra cả Nho Quan, dâng lễ mừng quan Đông Các. Một người đồn mười, mười người đồn trăm, trăm người lại đồn nghìn; bởi thế mà xa gần khắp xứ Bắc và phía Bắc xứ Trung kỳ, chẳng ai không biết nhà quan Thượng Nho Quan có đại tiệc ăn khao mời khắp mặt quan viên hàng xứ.

Các giáo phường nghe đồn đại đều rủ nhau đi Nho Quan một chuyến, may ra kiếm được ít nhiều, càng hát hay càng hậu thưởng, gặp dịp sẽ có cơ phát tài to, đủ sống trong nửa năm không phải vất vả. Các phường đều hội nhau lại, đi nhập bọn với tốp lính quan khiêng lễ vật đông như người trẩy hội lễ đền.

Trong hạt Bàn Thạch phủ Thọ Xuân tức là nguyên quán của giáo phường, thửa ấy có hai cô đào chính tông hát hay có tiếng, đã được giải đình đám đến mười lần. Hai chị em nhà đó sản nghiệp chả có gì, lại bỏ cô cha mẹ từ thửa còn ấu trĩ, phải sống nương nhờ vào người anh cả, mà người anh lại góa vợ, cũng nghèo. Anh thì làm kép, gảy đàn khuôn cho các em theo nhịp, gõ phách, gõ sênh họa theo mà hát, kiếm ăn kể cũng không lấy gì làm sung túc, nếu hai đứa em không có chút nhan sắc hơn người.

Cha mẹ ba anh em nhà ấy thửa xưa đều là tay lỗi lạc; mẹ là một nàng danh kỹ, một đời nổi danh tài tử, cha xuất thân là công tử con nhà thế phiệt, thi ba khoa đều nhượng bảng Tôn Sơn, nên ngán nổi khoa

trường lận đận, bực mình bỏ nhà đi ngao du sơn thủy mà hát hay đến quên cả giai cấp, lấy ca nhi làm vợ, rồi đổi nghề nghiên bút ra nghề đàn địch, tự làm một tên kép cho vợ hát, sống một cuộc đời tưng quẩn nhưng thanh nhàn . . .

Cuộc sinh hoạt lãng mạn của người cha đã để di tích trên thế gian trong ba đứa con thơ cùng lãng mạn, tài hoa truyền thống. Người anh cả, Văn Quân, từ thừa còn nhỏ lắm, đã thích thổi ống tiêu ống địch, khi lớn lên thì chiếm giải quán quân trong nghệ thuật bốn cung đàn đáy, cả vùng chẳng có ai đàn lịch sự và thánh thót nào nuốt hơn chàng. Quân lấy một người vợ ả đào gần nhà, nhưng người vợ ấy, sau ba năm chăn gối, bỗng thụ bệnh mà thác, không để lại đứa con nào. Quân đành ôm hận sống cô độc giữa hai người em gái; đời tuy có bạn mà cũng vẫn quạnh hiu tẻ lạnh, khiến điệu đàn, những đêm mưa tuôn gió phả, càng bỗng trầm chua xót thế nào!...

Hai người em gái, trái lại, tính khí bao giờ cũng thản nhiên vui vẻ bởi họ chưa từng bị nổi thất tình thấm thía như ông anh. Nàng thứ nhất Huyền Cơ, thanh rất trong, âm rất tinh nhưng hơi kém bề diễm lệ; nàng cũng đẹp, song chỉ đẹp một cách dễ coi xinh xắn, - người nhỏ nhắn mà da ngăm ngăm - không lấy gì làm khuynh quốc khuynh thành.

Nàng thứ hai, Oanh Cơ thì là công trình tuyệt mỹ tuyệt xảo của Hóa Công, gồm cả thanh âm lẫn nhan sắc. Đó là một người đàn bà độc nhất vô nhị trong một thời, mà cứ trong khoảng năm sáu trăm năm, mới được gặp một lần trên cõi trần phàm tục. Con người ấy chả kém gì Tây Thi, Muội Hỉ, Đắc Kỷ, Quý Phi, nàng đẹp, một vẻ đẹp oái oăm, huyền bí, oanh liệt, lại dịu dàng, tựa hồ đáng thiêng liêng đem hết tất cả bao nhiêu tinh túy của non sông cây cỏ mà chung đúc vào nhan sắc ấy. Tóc nàng là một đám mây thu chan chứa những vẻ êm đềm thơ mộng; mỗi lần làn tóc ấy xõa tung chấm gót, thì rõ ràng một dải hắc tuyến cuộn cuộn, óng ả, nhẹ nhàng; nét bút họa công khi vẽ đến phải cả quyết, lại ngập ngừng, làm thế nào cho suối tóc nõn nà đen mượt kia cũng phẳng phất giống một đám lục vân nặng trĩu những niềm u ầu, mà phủ lên một hình hài tiên nữ, muôn phần yêu diệu, thanh kỳ...

Nói đến khổ người của mỹ nhân, tả làm sao cho hết mọi vẻ siêu phàm, xuất chúng? Nội trong các bậc giai nhân trong lịch sử, mỗi người đẹp một vẻ riêng, như Thúy Kiều khác Thúy Vân, Tây Thi khác Trịnh Đan, dầu cùng "mười phân vẹn mười" cả. So sánh nàng Oanh Cơ với các giai nhân đó, cũng chưa biết nàng kém xa họ, hay họ phải lu mờ trước vẻ mỹ lệ của nàng. Chỉ biết nàng không béo mập tựa Dương Quý Phi, cũng không éo lả, mai cốt cách, liễu dung hình như mấy ả tiểu thư bị nhốt trong cung cấm. Oanh Cơ là một người tầm thước, hơi mảnh khảnh dong dong cao, lưng ong, ngực nở, thực là "trúc mọc sân đình". Ông Tào Hóa đã muốn cho ai đẹp, thì cái đẹp đó gồm đủ muôn vẻ mỹ miều, từ tiếng nói nụ cười cho đến nét đi điệu đứng, không cái gì là không ngộ không tươi. Oanh Cơ là một thiếu nữ đã có hạnh phúc được Hóa công ban cho muôn vẻ mỹ miều ấy đó. Thoạt đến tuổi 15, 16, ai trông thấy nàng cũng phải tấm tắc khen ngợi, giá có nhà thi sĩ Đỗ Mục, thì ông lập tức kéo lôi đi, lựa phải hên sau mười năm mới trở lại!

Con gái thời cổ nhất bà con gái thôn quê, yếm sẻ, váy hàm ếch, dây lưng sồi, áo vá vai, khăn mớ quạ, - thì mấy chị trông "sạch nước cần"; mà, dù có sạch nước cần, thì nào đâu đã có các màu mè bề ngoài để làm tăng nhan sắc của mình? Phàm đã mặc váy, mặc yếm, quần áo lòa xòa, khăn khó sùm sụp; thì bao nhiêu nét yếu diệu bao nhiêu đường óng ả mà trời đã phó cho để gợi tình cảm của bọn đàn ông, chúng nó đều bị giấu kín cả đi, dè nén không cho lộ ra được thế thì lấy gì mà tô điểm trau chuốt cho nhan sắc, một mai, khuynh quốc với khuynh thành? Theo cổ tục, con gái không được để đôi vú phồng lên mà mang tiếng, phải buộc giải yếm cho chặt. mặc yếm cho sát, làm thế nào cho ngực bằng phẳng,

lép kẹp đi thì thôi. Bị tục lệ hủ lậu ấy bó buộc, có được phô trương vẻ lộng lẫy thiên nhiên của tấm ngực mình đâu mà chăm chút cho nó đẹp? Gia dĩ lại thêm cái váy và dây lưng sồi quấn đến ba vòng quanh hông để lò xo rũ xuống; mấy thứ xiêm giải ấy, nào nó có được như y phục Tàu bằng lượt là gấm vóc để tăng vẻ dịu dàng tha thướt cho hình dáng, nó chỉ tổ làm cho nửa người phía trước bị chìm lấp chôn vùi sau một bức màn đen kịt lại lưng phùng, như tấm vải sẫm bao vành và phủ kín cái lồng chim vậy.

Nàng Oanh Cơ là một thiếu nữ đã chịu ảm mình sau thứ quần áo thô lỗ ấy, vậy cho nên nhan sắc nàng mới gìn giữ được lâu bền. Nếu không, ắt hẳn từ đã lâu kia, nàng không còn tuyệt trong giá sạch nữa! Nàng còn khó lòng giữ gìn trinh bạch, vì nàng là một cô đầu! Cái bộ y phục cổ hủ của nước Nam ta thuở xưa, tuy có nhiều điều bất tiện và thiếu mỹ thuật, song nó cũng có chỗ ích lợi. Nhất là Oanh Cơ!

Vẻ đẹp tuyệt diệu của nàng, mãi sau này mới có người nhận biết; còn khi nàng chưa xuất giá, chỉ một mình chị nàng, Huyền Cơ, được rõ mà thôi! Huyền đã say mê sắc đẹp của Oanh, tự ví mình như một nô tỳ mà coi em như một nữ chúa đáng thờ đáng kính. Như thế thực không quá đáng; một khi đã bỏ hết những mảnh quần áo lò xo che lấp vẻ đẹp thiên nhiên của Trời tạo cho, Oanh Cơ hiện ra dưới tầm mắt cảm phục của Huyền Cơ như một pho tượng ngọc ngà vô giá, tóc đen, đen nháy dài chấm gót, da trắng, trắng hồng mịn như lụa, ngực nở dẹt cong, lưng thon vai nhỏ, càng trông càng đắm càng ngắm càng duyên; đến chị em gái cũng còn phải mê nhau, huống hồ một khách si tình nam tử!

Không tài nào tạc đúng pho tượng tuyệt mỹ của nàng Oanh Cơ được, ta chỉ nên dùng tưởng tượng vẽ trong không gian và thời gian một thân hình Vệ Nữ Á Đông, một thứ Vệ Nữ nhỏ nhắn, xinh xinh, mềm mại dịu dàng, mà cũng nghiêm trang, oanh liệt...

Nhỏ nhắn, mềm mại, đó là mấy đức tính của khổ người, đáng diệu Oanh Cơ; còn như vẻ lẫm liệt oai nghiêm, có chỉ riêng ở nét mặt giai nhân, nhất là trong đôi mắt. Đôi mắt ấy trong veo như nước hồ thu những hôm trời quang mây đăng; đôi đồng tử đen như mảnh huyền không vết, lại sáng ngời như chứa điện ở trong. Con mắt lá răm dài dài như mắt bồ câu; có lúc là đà như mắt chim thư gọi chim hùng, có lúc đắm đắm thơ mộng như hướng về một cõi xa xăm, lại có lúc trông sâu sắc bí mật như đượm vẻ lạnh lùng dữ dội. Cũng thì đôi mắt giai nhân, mà nó hiện ra muôn vẻ diễm lệ dịu dàng hay oai phong tàn ác; nó tựa như con dao găm có hai lưỡi sắc. một lưỡi gọt móng tay và một lưỡi giết người.

Tất cả tinh thần và nguyện vọng u ẩn của một người đàn bà, chúng nó như nấp ở cả sau con mắt, có lắm khi hiện ra rõ rệt, trông mắt là đoán được người. Dù đẹp tinh thần hay đẹp vật chất, cái đẹp ấy cũng chỉ ở trong đôi mắt, sở dĩ so sánh các giai nhân, cũng toàn là cân nhắc giá trị của đôi mắt đó mà thôi!

Giá trị đôi mắt của Oanh Cơ ngàn vàng cũng không mua được, tuy nàng chỉ là người con gái nghèo nàn. Đôi ngọc quý ấy đẹp làm sao! Mỗi khi định tả nó về nó ra lời nói làm sai lạc hẳn bản tính của nó cũng như nét bút ghi sai mất đặc điểm của nó. Cái có thể ghi được, ấy là phần thể chất; hoặc như cố ý tạc cho đúng, tốn công tốn lực để cướp lại ít nhiều vẻ đẹp của thiên nhiên, thì chỉ là một nét tinh thần, biểu hiện của một dáng điệu mà thôi. Bắt một cái hồng nhan phải sống lại trên trang giấy, có chăng chỉ là một ảo vọng của một ngòi bút ngông cuồng? Khi người đã không còn, tình túy cũng không còn; cái hình ảnh mình giữ lại của người đó chỉ là một vẻ, một dáng, trong một phút mà thôi, ngoài ra, còn bao nhiêu điệu bao nhiêu nét thời gian đã đem theo vào dĩ vãng mất rồi!

Cho nên muốn vẽ lại đôi mắt của Oanh Cơ phí bằng hồn vào cõi u minh, thì không tài gì đạt được mục

đích. Ta chỉ tạm phác qua một vài nét thô lỗ để hình dung mang máng lấy một phần diễm sắc của nàng. Đôi mắt sắc sảo tuyệt mỹ của Oanh Cơ, đẹp đã lắm rồi, lại còn được cái miệng tươi đỏ của nàng phụ thêm vào để tăng dung nhan nàng lên mãi mãi. Cái miệng đó có đôi môi son thắm hơi cong lên như một vành cung. Bao giờ nó cũng tươi, cũng đẹp, cũng như đóa hoa hồng hàm tiếu nở nà. Hai hàm răng đen bóng như hạt na càng làm bật màu tươi của làn môi đều đặn. Giá Oanh Cơ sống vào thời vật chất này, thì chỉ riêng cái miệng nàng cũng đủ làm chết mê chết mệt hết lũ con trai vô bản lĩnh, lọ là cần đến tất cả nhan sắc của nàng!

Cứ tỉ mỉ tả mãi vẻ đẹp của giai nhân, biết mấy pho sách mới chép xong câu chuyện? Thôi, ta chỉ biết Oanh Cơ dung mạo tuyệt trần, thân hình kiều diễm thế là đủ.

Oanh Cơ không nhưng chỉ có sắc đẹp, nàng lại có thanh nữ. Nàng hát rất hay, giọng trong trẻo, đầm ấm, khi nào nuốt lúc lâm ly, nhịp khoan nhịp nhặt, điệu bổng điệu trầm, thánh thót véo von; giọng nàng thực là một cây đàn muôn điệu mà nàng tựa hồ như là bá chủ tất cả các âm thanh, muốn sai khiến chúng thế nào cũng được.

Những hôm ngoài trời mưa phùn rả rích, gió bắc vi vu, những hôm mà lòng người tự nhiên cũng thấy bị đè nén nặng nề bức bối, những hôm đó mà được ngồi trong căn nhà cỏ, trước ngọn đèn dầu, cầm chiếc dùi nguyệt quế để gõ vào tiêu cổ, thưởng thức vài khổ hát của nàng Oanh, thì các thú tao nhã đậm đà của sự thâm âm rũ sạch lòng mình hết những nỗi ưu phiền ô trọc, đưa tâm hồn mình lâng lâng lên cõi thơm tho xán lạn, tưởng có phải chết sau phút thanh kỳ đó, thực không ân hận tý gì!

Nói thế cũng không phải là quá đáng. Thực vậy, ai đã được hạnh phúc nghe Oanh Cơ và Huyền Cơ hát, nhất là nghe Oanh Cơ thì không bao giờ có thể quên được giọng thanh tao thánh thót ấy. Cái giọng lúc nỉ non âm ỉ, lúc chan chứa tình cảm, lúc man mác cảm hoài, nó véo von trầm bổng, nào nuốt lâm ly, đến lúc thắm như nước nở sau bức màn lệ, đến khi vui như nhẹ nhàng chen lẫn chuỗi cười; cái giọng ấy trong hơn tiếng trúc, đầm hơn tiếng tơ; tinh hơn tiếng sắt, không tài nào tả rõ được. Oanh Cơ là một con chim tuyệt quý mà tiếng hót vô song đã làm rực rỡ cả một thời dĩ vãng không tên; nàng là một ca nhi sống trong bóng tối, nhưng tài sắc nàng đã trùm đời, đã khiến đấng Hóa Công tạo ra nàng lại phải ghen với nàng, mà gây ra nỗi thảm họa sau này, tấn bi kịch xảy ra giữa chốn rừng thẳm núi thiêng, giữa hạt Đồng Giao độc địa, mà hiện chúng ta đương ở.

Oanh Cơ là kẻ sống sót sau tấn bi kịch ấy. Nàng là cái môi ngon quý mà loài mãnh thú rất thèm thường ham muốn, chỉ lăm le rình để bắt tha đi. Người đáng quan tâm chú ý nhất trong chuyện này, chính là nàng vậy.

V - TAI NẠN VÀ GẶP GỠ

Ông Cai Móm kể tới đây thì ngừng lại.

Chuyện mà ngày nay tôi thuật anh nghe một cách rành rọt văn hoa như thế, ông Cai đã kể cho vợ chồng tôi thưởng thức bằng một giọng oang oang cộc lốc, ông chỉ tả qua loa sắc đẹp của hai chị em nàng Oanh và lời đi hát ngày xưa thế nào.

Nay nhân đêm khuya cao hứng, tôi đem hết cả nhưng sự từng kinh nghiệm nghe biết, thêm vào cho câu chuyện cho ý vị hoa hòe, anh cũng nên lượng cho tôi nhé!

Ông Cai Móm sờ dĩ im bật đi không nói nữa, vì xa xa, ông thoáng nghe có tiếng hồ gầm. ông trầm ngâm lặng lẽ hồi lâu, chú ý lắng tai trong đêm vắng. Một lát, ông cúi sát lại gần tai tôi, nôi nhỏ:

- Thầy cô thử lắng nghe xem, có phải có tiếng hồ gầm chẳng? Hồ gầm xong lại vắng nghe có tiếng đàn ca đứt quãng. Thầy cô cứ chú ý một lúc, sẽ nhận rõ ngay.

Tôi và Lê Thi hết sức chăm chú. Quả như lời ông Cai nói, chúng tôi nghe có tiếng “â... ô...ô...ô...mm” vang động xa lắm ở trong rừng. Nhưng nghe chỉ có thể thôi, ngoài ra không còn tiếng gì nữa cả. Lắng tai mãi cũng thế, ngoài tiếng dế than trùng khóc, tiếng gió rít lá rơi, chẳng có tiếng hát xướng đàn ca gì cả.

Chán nản, tôi bảo ông Cai:

- Chúng tôi nghe chả thấy gì, chỉ có tiếng hồ gầm ở tận đâu đâu...

- Lắng mãi chán tai vô ích. Thôi ông kể nốt câu chuyện Oanh Cơ đi nghe đang thú vị...

Lê Thi cũng nói leo:

Rồi sao thế nào nữa, ông Cai? ông vừa nói có tấn bì kịch; bì kịch ấy làm sao, ông tiếp đi!

Ông Cai cầm cốc rượu nếp cẩm, uống nốt chỗ còn sót lại. ông vừa để cốc xuống, Lê Thi vội vàng rót bồi thêm rượu rõ đầy. Ông Cai quen thói, khà một cái rất đặc ý; xong, liếm môi, ông nói tiếp:

- Hai nàng Huyền Cơ và Oanh Cơ có tiếng hát hay nhất xứ. Trong mấy cuộc hát đình, hát đám, nàng Huyền đã chiếm giải đến chín mươi lần, vì có sức, hát tốt giọng. Nàng Oanh hát hay hơn chị, song không sung sức, chỉ ca trong nhà được mà thôi, ra đình giọng bé quá, bị tiếng ồn ào át đi, không trở tài được.

Dù thế mặc dầu, các quan khác đã từng được nghe Oanh, thì không muốn nghe Huyền nữa. Như thế là một sự nhục nhã cho Huyền, thế mà nàng vẫn không ghen ty với em, chỉ quý hóa kính phục em thêm mà thôi. Lúc nào có các thượng quan công tử đến vờ hát mừng, chị lại nhường cho em, mặc sức em trở tài cùng quý khách. Nhưng hễ gặp quan viên tầm thường, không phải là người trí thức, thế nào Huyền cũng tranh lấy hát, cho em được nghỉ ngơi dưỡng sức dưỡng thần. Oanh rõ biết lòng chị như vậy, yêu chị

như yêu mẹ, yêu anh như yêu cha, ở với chị một niềm kính nhường hiếu thảo.

Tất cả hàng tỉnh, chẳng ai không nức nở khen tài khen đức của nàng Oanh. Phàm các tay thích từ phú thi văn, tất thế nào cũng mời cho được anh em Văn Quán về tận nhà để hát. Hoặc, nếu xa xôi quá khó vời về được, thì lại lần mò lên tận Bàn Thạch để nghe một lần cho biết giọng hát của Oanh Cơ. Không được thế, không cam lòng; cho nên Oanh nổi danh khắp cả một vùng Thanh Nghệ, tiếng tăm đồn đại đi có nhẽ tới cả vùng Nam Định, Ninh Bình...

Trong buổi sinh bình, cha mẹ nàng Huyền và Oanh đã được hân hạnh thừa tiếp Nho Quan tri phủ. Quan phủ xưa kia có nghe thân mẫu hai nàng hát và thân phụ hai nàng đàn. Sau một cuộc thẩm âm, quan phủ nhận biết ông kép già, đương kính cẩn nắn nót cung cầm để vừa lòng ngài, cũng là một nhà nho có tài thi phú, chỉ vì lỗi thời nên phiêu bạt nổi nênh... Sự tri ngộ ấy xui quan viên cùng kép hát dừng cuộc xướng ca để ngâm vịnh với nhau suốt sáng; trống dùi xếp xó nhường chỗ cho bút nghiên, rồi hai tay thâm nho cùng độ sức với nhau trong ruột trường bút chiến thanh tao nhã đạm. Rốt cuộc, quan phủ rất cảm phục tính tình cao siêu và văn tài lỗi lạc của ông kép; ông kép cũng rất kính nể quan phủ vì chỗ có thanh nhãn biết xem người; hai bên ý hợp tâm đầu, vong niên vong giai cấp mà kết tình bằng hữu.

Đêm sáng, quan phủ ra đi, có đem tặng cha nàng Oanh một hòm trân châu để làm kỷ vật. Ông kép già tặng lại bạn bằng một cây sáo ngọc của tổ tiên lưu lại đã ba đời. Từ thừa chia phối, trong hoạn trường, ông Phủ lưu lạc mãi đâu đâu; ông kép già thì vẫn bo bo an cư tại Bàn Thạch. Hai bên không từng gặp nhau nữa.

Ông Phủ một ngày một thăng quan tiến chức, dần dần ra Tổng đốc Hưng Tuyên, rồi cáo lão về Nho Quan. Về phần ông kép, thâm thoát một tuổi một già, sống cơ hàn rồi chết cũng cơ hàn, chung qui chẳng được biết thế nào là phú quý. Tự cổ chí kim, phàm giả đã ôm nghề tài tử, chả có ai được hưởng giàu sang. Ông kép già tránh sao khỏi luật thiên nhiên ấy? Nhà tranh vách nứa, ông chỉ có một thửa vườn nho nhỏ cùng một mái nhà gò; thác đi thì lưu lại cho con, thế là hết. Sản nghiệp chỉ có bấy, các con và vợ góa phải lần hồi bán giọng để sinh nhai.

Bà mẹ già chỉ mấy buổi cũng theo chồng, sau khi lấy vợ cho Văn Quán. Vợ Văn Quán lại chết nốt, chả còn ai để tảo tần xoay sở, giúp cho nghiệp nhà hai chị em Huyền và Oanh có thể để hưng thịnh dần lên. Trơ lại còn một người anh góa vợ và hai đứa em còn trẻ dại; cả ba cùng có hồn tài tử trong huyết mạch, nên chả biết một tý gì về cách trù tính đảm đang để làm giàu, hay nài cho đúng hơn, để đủ miếng cơm ăn.

Tuy hai nàng Huyền và Oanh có tiếng hát lay, song hàng tháng mới có lần được gọi hoặc có người đến hát. Hát hàng tuần suốt ngày hay thâu đêm tới sáng khi tan cuộc chỉ được độ ba quan tiền kẽm không đủ cung khách và chi tiêu. Thiên hạ có phải luôn luôn lúc nào cũng có cuộc vui mừng sung sướng để mượn dịp mà ca hát cả năm đâu!

Bởi thế, cuộc sinh hoạt của ba anh em nàng Oanh không lấy gì làm sung túc. Đã nhiều lần Văn Quán nghe nói ông bạn xưa của cha mình hiện là quan thượng thư trí sĩ ở Nho Quan, cũng đã dự định trẩy thăm quan Đông Các một lần, một là để nói lại mối dây liên lạc bấy nay đứt quãng, hai là để mong có dịp để ngài nghĩ tình đề bạt hoặc cứu giúp cho ít nhiều. Nhưng ngày giờ thâm thoát. đường xá xa xôi, Quán chưa lúc nào rảnh việc nhà mà đi được. Muốn đi, ít ra cung phải có tiền lộ phí, và có vốn để lại cho hai em sinh hoạt trong dăm tháng nửa năm. Bởi lẽ, anh ra đi, không lấy ai đàn cho hai em hát nữa,

mà mượn một người kếp lạ thì bất tiện biết chừng nào! Cũng vì thế nên Văn Quân đành nán nã chưa đi, vì chưa nghĩ được kế gì hoàn hảo cả.

Đến nay nghe nhà quan Đông Các có đại tiệc. Quân nhất định thu xếp, bán đồ đặc quý giá trong nhà còn lại, và nếu thiếu, thì vay mượn bà con ít nhiều. Đi kỳ này, tiện thể có mọi cuộc ca vũ, cho cả Huyền Cơ và Oanh Cơ cùng đi, khiến hai nàng có dịp trở tài ngỗ hầu chiếm giải quán quân trong khi thi hát. Quân một mực trù tính như vậy, chỉ đợi xếp xong mọi việc là đi. Trong giáo phường, đã có nhiều bạn đồng nghiệp rủ nhau thành một đoàn đông lắm, cùng trở hướng Nho Quan thẳng tiến, đi chen vào với lũ binh sĩ đem lễ vật của quan phủ Thọ Xuân.

Quân rất muốn theo bọn ấy cùng trẩy có bạn cho vui và cho đỡ lo tai nạn. Khốn nỗi khi họ khởi hành, anh ta chưa gom góp được đủ số tiền lộ phí; trong giáo phường ca nhi đi quá nửa, ai cũng bo bo giữ lấy vốn riêng để chi dụng ở dọc đường. Hóa nên Quân phải đành lòng chờ đợi.

Đợi đến bốn năm ngày mới bán các đồ bảo vật của cha để lại, và thu thập được dăm bảy quan tiền, có thể túc dụng cho ba anh em trong cuộc Bắc trình được. Nhân có tốp lính cơ ở Quảng Hóa cũng đem đồ mừng ra Ninh Bình, nếu kịp tới Đò Lèn thì gặp họ; Quân bèn sắm sửa hành lý cẩn thận định ngày đưa hai em gái lên đường. Gần đến kỳ xuất hành, không may, Huyền Cơ lâm bệnh, nằm liệt tám chín hôm mới dậy được, chạy thầy thuốc hút đi mất một quan tiền.

Khi Huyền khỏe mạnh, có thể xông pha mưa gió được thì tính ra đã chậm mất ngót nửa tháng trời, có đi nhanh lắm may ra mới khỏi lỡ ngày đại hội ở dinh quan Đông Các. Ba anh em tức tốc đeo nải quấy gánh, vội vã lên đường, dẫu Huyền Cơ chưa lấy gì làm cứng cáp lắm. Đi suốt ngày, mỗi đêm chỉ nghỉ có vài giờ, cứ đầu trống canh tư là đã trở dậy đi rồi, thế mà cũng mất ba hôm mới đến Đò Lèn, bởi lẽ hai chị em Huyền và Oanh không quen đi bộ xa nên đi chậm quá. Thoạt mới ra khỏi nhà phải thuê thuyền qua sông; sang qua sông lại phải đi đường tắt qua Yên Lang, rẽ về mé Quảng Hóa nhiên hậu mới đến Đò Lèn được. Tới Đò Lèn, ba anh em vào quán nghỉ chân, đợi xem có đoàn lính tráng nào ra Bắc thì xin nhập bọn cho chắc chắn.

Nhưng đợi đến hai ngày, chẳng thấy đoàn nào cả. Thì ra họ đã ra Nho Quan từ trước cả rồi. Hiện nay, chỉ còn độ ba hôm là tới ngày đại tiệc không còn phường hát nào hay đội lính nào chưa khởi hành nữa, còn đợi cũng vô ích mà thôi. Lác đác trên đường, chỉ có những tốp dăm ba người đi ra phía Bắc; hỏi ai họ cũng nói rằng đi quanh quẩn trong vùng không ra khỏi ngoài biên giới. Mãi sau cùng mới bắt gặp một lớp bảy người cho biết họ buôn gạo tải ra Bím Sơn, rồi mua chè ở Bím Sơn tải về bán ở các vùng gần tỉnh lỵ. Anh em văn Quân buộc lòng phải theo bọn ấy; ra đến Bím Sơn họ đều rẽ về lối Phố Cát, lạch Thành, để mặc ba anh em tro trở lại mò đi về phía đèo Tam Điệp.

Từ đây mới bắt đầu cuộc hành trình nguy nan và khó nhọc. Ba anh em sợ hãi không dám đi bạo, cứ phải chờ có ai ra đường ấy mới lui thủi theo đi. May sao gặp được vài ba người thợ mộc, song họ chỉ đi đến đền Sòng mà thôi. Khỏi đền Sòng, lúc ấy mới thừa người, không còn ai đi nữa.

Vô kế khả thi, ba anh em nàng Oanh không biết làm sao cho tiện. Đành lần mò vào tận trong đền xin ngủ tạm một đêm, rồi nhất định mai sáng vượt qua đèo Tam Điệp. Đi suốt ngày, ra công cố sức bước nhanh, thế nào cũng sẽ qua khỏi chỗ nguy hiểm ấy. Kẻ cướp thì không sợ mấy, vì anh em nghèo chẳng có gì, có lẽ họ chẳng thêm đếm xỉa đến; sự đáng sợ nhất, ấy chỉ là ông Cọp, cái ông Ba Mươi vô tình mà dữ dội, hễ không may gặp phải, thì hết đường chạy trốn kêu van!

Ba anh em cùng thành kính lên cửa đền, quỳ xuống lễ hết cả mọi linh vị thờ Thánh Mẫu và các thần bộ hạ cùng các ông Hoàng bà Chúa. Khi đến trước thần tượng đức Bạch Hổ giữ đền, cả ba cùng khấn khứa rất lâu, cầu đức Bạch Hổ phù trì cho giữa buổi xông pha rừng núi, đừng xui xảy ra tai nạn hiểm nghèo nào.

Cái đêm hôm ngủ trọ ở đền Sòng, ba anh em nhắm mắt làm sao cho nổi! Đền làm ở giữa một nơi rừng sâu núi thẳm, chung quanh toàn là cảnh rừng rợn hoang vu, hề cứ khuất bóng mặt trời là nghe muôn vàn tiếng kêu, tiếng hú, sợ đến sồn tóc gáy. Những ngày không có hội, thiếu gì loài mãnh thú ác điều qua lại mé ngoài đền; thôi thì hùm, beo, sói, gấu, bó tót, lợn lòi, chả còn thiếu giống gì đến quấy nhiễu dân gian, bắt gà, bắt chó, giẫm nát cả ruộng lúa nương khoai, đến sáng ra, vết chân in trên đường trên cỏ thấy rõ mồn một. Bước ra khỏi đền buổi tối giờ, tức là tính mệnh khó toàn vẹn lắm; có đi một lữ đồng khi sáng sủa; họa chăng mới có thể tránh khỏi hàm hồ vuốt beo.

Cả đêm chỉ nghe tiếng vượn hú, cú kêu, hòa với muôn ngàn thứ tiếng khác rết lạ; và, xé vùng không khí, trội hơn tất cả các thứ tiếng, một tiếng "à uộm" rung động cả rừng, vang trong đêm tối dội vào da thịt và xương ống mình một luồng khí lạnh, lạnh hơn hơi lạnh mùa đông...

Đương lúc băn khoăn lo ngại, trời sáng lúc nào không rõ. Ba anh em Văn Quân thấy có ánh bình minh mà vẫn chưa dám ra đi. Đợi khi mặt trời đỏ chói cả vùng Đông, bảy giờ mới quảy gánh xách nải, từ già ông từ bà đồng, lo lắng ngần ngại đi lên, trông mé đèo Tam Điệp thẳng tiến. Từ Sòng Sơn tới Tam Điệp đi còn xa lắm, vả lại ngòong ngoèo khuất khúc chả biết theo hướng nào cho khỏi lạc. Chơ vơ một người anh và hai đứa em gái ngơ ngác trên quãng đường rừng hoang vắng, không đánh bạo cố mà đi đến, cũng chả còn kế hoạch gì! Vả chung quanh mình, chẳng có ai để hỏi dò cho biết lối, thôi cứ đành nhắm mắt đưa chân, cúi đầu thành kính trước thần linh, rồi phó mặc tâm thân cho số mệnh, muốn đến đâu thì đến.

Ba anh em đi mãi, hết sức bước nhanh gấp bội, mong sao lên đến ba đèo. Đường hai bên toàn cây cối và lau sậy. Quân dắt tay Oanh, Oanh dắt tay Huyền im lặng theo gót nhau mà tiến. Đi mãi, đi mãi, hình như đã quá trưa rồi. Nhưng ô hay! Sao chưa thấy ải đèo gì cả? Chỉ toàn một màu rừng xanh thăm thẳm đường đá quanh co, chả thấy chỗ nào lên núi xuống núi cả, chỉ thấy ven núi mà thôi. Chết mất! Hay là đã lạc đường rồi!

Văn Quân định thần suy nghĩ. Thôi, phải rồi! Có lẽ lúc ở đền Sòng ra độ chừng mười dặm, có một chỗ rẽ, một bên về phía đông, một bên về phía tây. Anh em định ninh rằng đi ra Nho Quan phải đi chệch theo hướng tây, thành ra bây giờ mới tới chỗ này, tiến mãi mà vẫn chả rõ đâu là đèo Tam Điệp!

Nhầm thật. Nhưng may còn sớm có thể bước đi lộn lại được, chiều sẽ về tới đền, sáng mai lại ra đi sớm. Cố đi ba ngày, may ra sẽ đến Nho Quan, cũng còn kịp. Vả chẳng từ sáng đến giờ, không gặp sự gì rủi ro cả, cướp cũng không mà ác thú cũng không, có lẽ đức Thánh Mẫu đã thương hại phù trì cho đó! Bao giờ xong việc trở về thế nào cũng sẽ vào đền lễ tạ Mẫu, không dám quên ơn ngài đã mở lòng từ bi mà sẵn sóc đến cho!

Nghĩ vậy, Quân nhủ hai em quay gót lại, đi lộn trở ra. Đi mãi, đến tận chiều, chân Huyền Cơ và Oanh Cơ sây sút rớm máu cả. Ngoảnh nhìn tứ phía, nào thấy bóng dáng đền Sòng ở đâu, chỉ có ngàn nội xanh um, cây cỏ cao ngất, đường đi thì chỉ là một vệt lờ mờ giữa một bụi rậm rạp, hoang vu. Ba anh em lúc ấy lo ngại đến cực điểm cùng vừa đi vừa niệm Phật, mong sao ra khỏi bãi lau sậy để được thấy

bóng đèn Sòng.

Đi giờ lâu nữa, thì ra khỏi bụi lau, đến một khu đất rộng, cỏ không cao lắm, cây mọc cũng thưa, nhưng toàn là cỏ thụ rườm rà xanh thẫm, to đến vài ôm cả. Chung quanh khu bình địa ấy, bốn bề là sườn đồi thoải thoải, rừng rú um tùm, ngàn lau trắng xóa. Ngoảnh đầu tìm đường cũ vừa đi buổi sáng, chả biết nó ở tận đâu đâu, kiếm bóng một ngôi đền hay một tòa nhà để nghỉ chân, tìm đến mỏi mắt thì thôi, chớ chẳng có ngôi nào! Thực là rừng hoang cảnh vắng, chơ vơ ba kẻ nhớ đường; không còn biết nương tựa vào đâu nữa!

Giữa đám bông lau gió rung phoi phới, một đàn cò trắng từ đâu vỗ cánh bay về. Từng lớp một, chúng nó bay đến đầy hàng ngàn hàng muôn, lượn vòng trên không kêu quang quác, lượn mãi rồi mới bay xuống. Xem có vẻ tới, cũng đủ biết lúc đó đã chiều rồi. Quả vậy, chỉ loáng một chốc, màu trời thấy sẫm lại, chả bao lâu nữa tối bây giờ!

Trong chón thung lũng hẻm này, chung quanh đều là ngàn sâu, nội thẳm, ba anh em biết chạy đàng nào? Biết lấy chỗ nào nương thân cho khỏi sợ vuốt hùm móng báo? Một màu cỏ cao, cây rậm, thực là hết kế thoát thân. Oanh Cơ biết rằng khó lòng sống hết đêm nay, nghĩ thương anh chị và thương thân, òa lên khóc. Huyền Cơ mũi lòng cũng khóc; Văn Quân không can đảm được nữa, ứa hai hàng nước mắt; song cố trấn tĩnh để lo tìm một kế trong trường hợp tối nguy này.

Đương khi than thở, cả ba anh em bỗng đâu nghe tiếng gọi, làm cho Oanh kinh sợ thất đảm, mặt tái mét đi, ngừng không khóc nữa, chỉ rú lên ôm lấy chị. Huyền cũng sợ hãi như Oanh, cả hai ôm chặt lấy nhau, tưởng đâu ma quỷ trong rừng thiêng hiện lên dọa nạt. Duy Văn Quân, tuy thấy rợn gáy rùng mình, mà vẫn cố giữ lấy vẻ táo bạo, gọi to lên rằng:

- Ai đó, xin làm phúc cứu anh em tôi với!

Quản vừa dứt lời, thì thấy ngay trên cây cỏ thụ mọc giữa chỗ ba anh em ngồi nghỉ, một người tráng sĩ vạm vỡ nhảy xuống hỏi chào. Tráng sĩ nói:

- Các ngài cao danh quý tính là gì? Đi đâu mà sa lạc vào đây?

Văn Quân vội vàng đem họ tên và câu chuyện định trẩy ra Nho Quan thế nào nói một lượt cho tráng sĩ rõ. Tráng sĩ nghe xong lắc đầu:

Chết nỗi! Đường đi Nho Quan phải theo hướng đông đi ra chợ Ghềnh, sao ông lại không biết! Ở đây là hạt Đồng Giao, nhưng ở phía tây, cách đền Sòng còn xa, phải theo lối khác mới tới được. Đường này là đường xuyên sơn đi lên Mường lên Mán, kia mà! Thôi, ông trót nhớ đường rồi, thì phải ngụ tạm ở chón này một đêm, mai tôi sẽ đưa giúp ông qua đèo Tam Điệp. Tôi quê ở vùng Nam Định, tên là Lê Trọng Việt, bình sinh chỉ thích nghề săn bắn mà thôi. Tôi vào đây săn báo và săn hươu, nên có làm một cái nhà sàn trên cây này, định đêm nay nằm rình các ác thú đến thung lũng này uống nước thì sửa một mẻ. Vả nay gần ngày vọng, có trăng sáng, bắn sẽ thú lắm.

Tráng sĩ nói đến đây ngừng lại ngoảnh đầu nhìn lên ngọn cây. Bỗng chàng hít hơi rõ mạnh, rồi nhăn trán lại có vẻ lo nghĩ. Chàng vội vã bảo Văn Quân:

- Bây giờ tôi leo lên trước, thả dây xuống. Ông buộc chặt chẽ vào nách một cô em, tôi kéo lên xong lại dùng dây xuống cho cô khác lên. Sau cùng đến lượt ông. Nếu ông leo được thì, khi tôi đem hai cô lên cả trên cây rồi, ông nên trèo lên ngay đừng chậm trễ nhé! Mà khi thả dây xuống, ông cố làm cho lẹ tay một chút, xin ông nhớ kỹ đấy!

Đoạn tráng sĩ nhảy lên cây thoăn thoắt; chỉ một chốc đầu dây đã xuống đến gốc cây rồi. Quán và Huyền cùng đồng lòng để Oanh lên trước, bèn túm nhau lại buộc dây vào nách Oanh. Xong dặn Oanh nắm chặt lấy dây, không được thả. Vừa buộc cho Oanh xong bỗng thấy một mùi hôi thối ở đâu xông lên sặc sụa, rồi tiếng một đàn chim khướu ríu rít kêu, bay đậu cả vào cây cổ thụ. Tráng sĩ đứng trên cây, ra sức kéo Oanh Cờ lên tận nhà sàn dựng ở gần ngọn. Oanh vừa sắp tới nơi, một quang cảnh bi đát, khủng khiếp và thê thảm bỗng hiện ra trước mắt nàng và tráng sĩ.

Một con hổ vàng to, từ đâu không rõ, hình như ở rừng sậy, nhảy xổ lại phía gốc cây, giữa lúc xuất kỳ bất ý. Văn Quán và Huyền Cờ vừa buộc dây xong, đương ngược mắt nhìn theo Oanh Cờ không biết rằng có tai nạn ở ngay cạnh mình. Hổ xông lại chỉ trong nháy mắt, đã thấy dưới gốc cổ thụ có hai xác người đương giãy giụa máu me đầm đìa.

Oanh vừa leo được lên sàn, thấy anh chị bị hại thảm thiết đau đớn quá, lòng như bị xé tan, bào rách; nàng kêu lên một tiếng rồi ngã gục, suýt nữa rơi từ trên cao xuống tận mặt đất. Tráng sĩ lúc bấy giờ tay chân luống cuống vì Oanh, không có thì giờ lấy đao lấy nỏ. May sao dây buộc Oanh còn vướng ở người nàng nên nàng không bị rớt, tráng sĩ vội vục nàng vào sàn nửa, rồi mới đem ra ba ngọn phi tiêu, đứng trên cây ném xuống. Hổ đang ngoạm đùi Văn Quán, bị một mũi phi tiêu ném trúng cổ, một mũi nữa trúng sườn, đau quá, vùng gầm lên một tiếng, bỏ mồi chạy mất. Tráng sĩ phóng theo một mũi tên cắm vào đít hổ, hổ nhảy cao, biến vào bụi cây...

VI - XÁC MA CƯỜI

Ông Cai Móm ngừng lại, rít một hơi thuốc lào. Câu chuyện đang đến đoạn hay, Lê Thi nóng ruột vội giục ông nói nốt. ông mỉm cười cúi đặt điều xuống gầm bàn kể tiếp:

Tráng sĩ, lúc ấy thấy cơ sự xảy ra như vậy, bèn đợi một chốc, rồi giắt bên lưng một con mã tấu, nhảy xuống xem họa may còn cứu được Văn Quán hoặc Huyền Cơ hay chẳng? Nhưng cả hai đều bị trọng thương, xác tuy còn nóng nhưng tim không đập nữa, và đã hết thở rồi. Ngậm ngùi, tráng sĩ lại leo lên ngọn cây cửi dải lưng buộc chặt Oanh vào một cành to, rồi tháo đầu dây buộc nàng khi trước. Oanh vẫn mê man bất tỉnh, nắm thêm thiếp, mặt cắt không còn một hột máu, song hơi thở vẫn đều đều.

Yên trí rằng Oanh không việc gì, tráng sĩ lại trèo xuống, buộc rõ nhanh cả hai cái xác vào đầu dây, rồi vội nhảy lên ngọn cây lập tức. Đứng từ trên cao, chàng vịn vào một cành to cố sức kéo, đem được hai cái xác lên lưng chừng cây. Xong đầu dây, chàng buộc đầu dây rõ chắc vào thân cây, để hai cái xác khỏi bị rơi xuống đất. Chàng nghĩ đi nghĩ lại một chốc, sợ khi dây có thể đứt được, vì hai thi hài nặng lắm; nên lại trụt xuống đến gần tử thi Quán và Huyền. Chàng đem cả hai anh em để nằm ngang cẩn thận lên cành cây: Đầu gối vào một cành, thân dựa vào một cành nữa, chân lại gác vào một chà cây. Đoạn chàng rút dao cắt một đoạn dây, và tháo thắt lưng của hai kẻ bạc mệnh buộc họ rõ chặt vào cành, sợ có con vật nào đem đến sục sạo thì cả Quán cả Huyền lại rơi xuống đất mất.

Công việc ấy yên ổn rồi, tráng sĩ mới leo lên sàn ngòi. Chàng vừa vào, thì Oanh Cơ mở mắt hỏi tỉnh lại. Câu hỏi đầu tiên của nàng là về tính mệnh hai người nàng thân yêu nhất:

- Thừa ông, anh chị của cháu đâu rồi?

- Nằm cả dưới kia. Anh chị cô không may bị hổ vồ đã thác rồi. Nó đương định tha đi thì tôi bắn trúng, nó phải bỏ chạy. Tôi sợ nó ăn mất thi hài ông cả và cô hai nên phải đem buộc chặt cả vào cành cây dưới này! Chẳng qua cũng là số phận cả, cô chớ than khóc làm gì! Bây giờ có khóc cũng vô ích mà thôi; phải cố dưỡng sức mai còn đi, tôi sẽ đưa cô ra Nho Quan tử tế, cô đừng ngại! Cô nên đi nằm nghỉ một chốc, tôi còn phải ngồi đây canh hai cái xác kia, kéo nếu có loài ác điều ác thú khác đến, nó sẽ rĩa ăn đi mất!

Tuy tráng sĩ hết lòng an ủi, Oanh Cơ cũng vẫn ngồi bùng mặt khóc như gió như mưa. Khóc một hồi rõ lâu, nàng mới gạt lệ, thỏn thức bảo tráng sĩ rằng:

- Ông đã có công cứu mạng cho tôi, thực là ơn trời bể, tôi lấy gì báo đáp được! Không may cho anh chị tôi lại không được ông cứu nốt, đến nỗi phải vong mệnh một cách thảm thương thế này!

Nói đến đây, nàng mũi lòng lại khóc rồi lại kể:

- Tôi từ bé đã mồ côi cha mẹ, chỉ nương nhờ vào anh chị tôi thôi. Nay anh chị tôi đều thác cả, cô thân trích ảnh, tôi biết làm sao bây giờ! Thực là bơ vơ phận gái yếu hèn, tôi cũng đến chết mất! Mà thà chết theo anh chị tôi còn hơn!

Tráng sĩ nghe nói, động niềm trắc ẩn, hết sức khuyên dỗ người bạn gái tình cò:

- Cô đừng lo ngại! Cô đã gặp tôi, tôi xin hết sức che chở cho cô. Nhà tôi tuy không giàu, song đủ bát ăn, cô nếu không chê là chỗ tường phen vách đất, xin cứ về ở với tôi, tôi có mẹ già, sẽ nhận cô làm nghĩa nữ, tôi sẽ làm anh nuôi cô. Tôi tình nguyện giúp đỡ cho cô tới khi cô yên bề gia thất. Cô không nên phiền muộn nữa cô ạ!

Tráng sĩ nói đến đây, bỗng nghe có tiếng xào xạc trên cành cây, rồi có tiếng vỗ cánh, Oanh Cơ sợ ngồi thu mình vào mé giữa sàn, im không khóc nữa. Giữa lúc ấy, lại nghe cả tiếng hổ gầm rất to chừng như ở dưới chân cây, rồi người thấy mùi hôi hám khó chịu. Tráng sĩ nói sẽ:

- Hình như con cọp lúc nãy nó trở lại tìm mồi đó! Cô cứ bình tâm ngồi yên lặng đừng sợ hãi gì cả; cứ để mặc tôi với nó! Thử xem con quái kia dám cả gan dõ những trò trống gì nào! Tôi sẽ cho nó một phen tán đởm kinh hồn cho nó biết.

Oanh Cơ ngoan ngoãn nghe lời tráng sĩ, ngồi nép vào một xó, không dám nhúc nhích cựa quậy. Nàng tuy trong lòng thương đau như cắt vì cái chết rất bi đát của anh chị, nhưng nàng cũng cảm thấy, không hiểu vì đâu, một sự đầm ấm trong tâm hồn, tựa như giọt nước cam lồ hay liều thuốc thần tiên làm cho vết thương đau lằng lằng dịu được vài phần, không mạnh mẽ sâu sắc như lúc anh chị nàng vừa bạc mệnh. Nàng vẫn nhớ như in trong óc trường hợp thê thảm vừa xảy ra, thương anh thương chị vô cùng, xót xa hận tiếc vô cùng; nhưng nàng cũng tựa hồ thấy một mối liên lạc gì ngẫu nhi mà thanh khiết buộc nàng với chàng võ sĩ vừa cứu riêng một nàng khỏi bước gian truân. Nàng nữa cảm ơn Trời Phật đã dun rui nàng khỏi thác lại oán trách quỷ thần đã xui khiến cho nàng mất cả chị lẫn anh. Trong lúc cô đơn nàng chỉ biết nương tựa vào tráng sĩ, gần tráng sĩ, nàng bớt lo ngại buồn rầu. Nàng nghĩ vẫn nghĩ vợ, trong óc man mác không biết bao nhiêu ý tưởng mới lạ, trong người bản thân không biết bao nhiêu cảm giác dị kỳ, những cảm giác không biết từ đâu đến, mà đến tự bao giờ...

Trong bóng tối, Oanh Cơ nghe lời tráng sĩ cổ ngồi im lặng; tráng sĩ thì chăm chú canh hai xác chết, rình xem có quái vật nào đến sẽ đuổi đi, hay bắn cho một mũi tên thần. Giữa lúc cả hai người cùng trầm ngâm, mỗi người có một hoài bão, mặt trăng ở đâu đã lộ đầu qua khỏi núi, tia ra một thứ ánh sáng nhợt nhạt, trắng như màu sữa, biến quang cảnh u tối trong rừng ra một cảnh chứa đầy thi vị.

Có ở giữa chốn rừng cao núi cả trong đêm có trăng sao sáng sủa, mới cảm thấy vẻ mênh mông bát ngát của vũ trụ, vẻ rực rỡ mà huyền bí của non sông, cây cỏ, vẻ êm đềm rùng rợn của nỗi cô tịch quanh hiu. Bóng cây um tùm bao bọc khắp thung lũng; thảm cỏ xanh bông phẳng lúc ấy tựa hồ một mảnh giấy xám rộng rãi bao la, trên có vẽ một bức tranh thủy mặc thiên nhiên, do một họa sĩ lấy bút điểm từng chấm không lò, rồi lại lấy tay bôi thêm ra nhòe nhoẹt. Không thể nào tả rõ được cái sắc của một đêm trăng tỏ, nhất là cái màu đậm không đậm, nhạt không nhạt, xám không xám, vàng không vàng, của các thứ bóng chen chúc nhau, mỗi thứ đượm một vẻ riêng, vì chiếu ánh sáng một lối riêng, cái mờ, cái rạng, cái tối, cái dịu, ngọn bút thiêng liêng đến đâu cũng khó lòng hình dung lại cho đúng được.

Trong hoàn cảnh ly kỳ ấy, lại có muôn ngàn thứ âm thanh cũng lạ lùng bí mật như các bóng âm u rừng rợn; bóng kia tưởng chừng như hồn người chết phảng phất hiện về để lượn phiêu phiêu dưới đám lá um tùm đen tối, mà tiếng kia tựa hồ như tiếng ma kêu quỷ khóc, tiếng các vong linh oan ức thở dài trong luồng gió thảm vi vu...

Các tiếng kêu, tiếng hú, tiếng gầm thét, rên rỉ, chúng nó xuất phát ở muôn nghìn cửa miệng, muôn nghìn cổ họng, của đủ các thứ côn trùng, cầm thú; nó hòa nhau lại để cùng với tiếng vi vèo của hơi thở tạo

vật, tiếng xào xạc của xã hội cỏ cây, biến thành một khúc âm thanh ảo não, một điệu đàn bi thiết nghe lạnh lẽo thấu tận đáy lòng luồn vào khắp hết các tia gân thớ thịt, khiến toàn thân tê buốt, về lạnh lẽo kia nó tức là kết quả của sự sợ hãi, kinh hoàng. . .

Oanh Cơ ngồi im lặng bên cạnh tráng sĩ, trên sàn nửa ở ngọn cây lần đầu tiên mới trải qua một cảnh hiu quạnh âm thầm dường ấy, lần đầu tiên mới được nghe những âm thanh kỳ quặc ghê rợn dường ấy, trong lòng thấy nao nao khủng khiếp, ngồi thu hình co rúm lại, sát kề người tráng sĩ, quên cả lễ nghĩa cương thường. Giữa lúc sợ lạnh toát mồ hôi, thiếu chút nữa thì ngã lăn ra chết ngất, còn thần trí nào nghĩ đến câu “nam nữ thọ thọ bất thân”? Oanh Cơ trong lòng bối rối đủ trăm chiều, phần bòn chòn lo ngại, phần thương chị tiếc anh, phần sợ hãi ghê rợn, bây giờ thực quả là một pho tượng nặn bằng xác thịt loài người mà không có tri thức gì cả. Bao nhiêu tinh thần của nàng bay đi đâu hết, nên nàng cử đờ ra không cử động nói năng gì được nữa.

Tráng sĩ thì khác hẳn. Quen nghề săn bắn chàng nhiều phen đã ngủ suốt đêm đến sáng trong rừng. Chàng chả biết lo sợ là gì, cứ bình tĩnh ngồi bó gối cạnh hai cái tử thi, cặp mắt đăm đăm không chớp. Nhân có ánh trăng vàng vạc, chàng nhận được rất rõ rệt tất cả sự vật chung quanh.

Sau khi bắn một con cú được nửa giờ, tráng sĩ lại bắn được một con chồn to luẩn quẩn dưới gốc cây, nhưng chàng không xuống nhặt xác con chồn ấy, định sang mai lượm lên cũng không muộn. Rồi chàng lại ngồi yên chăm chú lắng tai nghe động tĩnh. Chốc chốc, chàng lấy đá lửa đánh vào bụi nhùi châm đóm hút một khói thuốc lào cho đỡ tẻ . Hút xong, chàng có ý tắt lửa ngay, để khỏi bị các loài dã thú nhận được ánh sáng đèn.

Tráng sĩ đương trầm ngâm bỗng hơi cựa quậy, rồi ghé đầu ra mép sàn cuối xuống ngắm nhìn. Chàng bỗng hít mạnh đánh hơi, hít xong thì vội vả sờ vào mé trong sàn lấy cái nỏ, ba bốn mũi tiêu thép và con mã tấu để ngay cạnh mình. Liền lúc ấy, nghe bên rừng sậy phía đông có tiếng xào xạc, rồi vụt một cái, thoáng nhận được cái bóng dài, to bằng con trâu nhưng thấp hơn, đi lẹ làng êm ái lại chỗ gốc cây cổ thụ. Cái bong ấy tới nơi, mới trông rõ là một ông chúa sơn lâm, ở sườn có vết máu đỏ hoen mất một đám lông vàng và trắng. Có lẽ là con hổ buổi chiều.

Nó tiến lại gốc cây, đánh hơi ngửi chỗ đất có máu đọng sót lại, cái chỗ mà, cách đây vài giờ, nó đã tát và cắn chết hai anh chị Oanh Cơ. Nàng biết nó đứng dới sàn, hoảng hốt ôm chặt lấy tráng sĩ, kêu lên một tiếng. Nhưng vì nàng không còn hơi sức nữa , tiếng kêu của nàng chỉ là một tiếng rên se se mà thôi.

Tráng sĩ bây giờ thể bất đắc dĩ phải che chở cho nàng; chàng muốn nàng khỏi sợ hãi thái quá nên ôm xốc ngay nàng lên, cho nàng ngồi thu hình gọn lỏn hẳn vào lòng chàng. Rồi chàng ghé mồm sát vào tai nàng:

- Cô chớ sợ hãi! ở trong rừng đêm khuya, có kinh sợ cũng vô ích! Lần đầu, cô chưa quen nên khủng khiếp, chớ sau, như tôi nào có biết hãi là gì! Đã có tôi đây, tôi xin hết sức bảo vệ cô, cô cứ an tâm. Dù con hổ nó có đứng dưới chân mình đi nữa, nhưng nó có làm trò trống gì được? Giá phải con báo thì đáng sợ thật, song là con hổ thì chả lo gì, vì nó không leo được. Đến ngẩng đầu trông ta còn khó thay cho nó, nữa là trèo tới đây. Cô cứ ngồi im trong lòng tôi đây cho ấm, như thế cô chả còn ngại nỗi gì! Để xem con quái này nó dỡ những thủ đoạn ra làm sao cho biết! Hôm nay vì có cô; tôi cũng đành bỏ một đêm không săn bắn nữa; tôi chỉ ngồi đây phù tá hộ vệ cô và chăm nom hai cái tử thi kia mà thôi!

Cô cô ngồi yên lặng, đừng hốt hoảng kêu la mà nao động lên, cô nhé!

Như một đứa trẻ con chiều ý mẹ, Oanh Cơ ngoan ngoãn ngồi gục đầu vào vai tráng sĩ. Tráng sĩ có giai nhân ngồi trong lòng, nhưng vì mãi mê trông con hồ nên không hề nghĩ đến sự gì càn rỡ cả. Vả chăng, chàng cũng là con nhà thì lễ gia giáo, lại là một tay nghĩa sĩ hào hiệp, có khi nào chàng lợi dụng cảnh ngộ nguy ngập khôn quần của một người đàn bà để chiếm đoạt lấy người ta? Chàng ôm Oanh Cơ, áp ủ cho Oanh Cơ, chả khác gì chị gái áp cho em, mẹ áp cho con song tuyệt nhiên không vuốt ve đụng chạm gì tay chân nàng cả.

Oanh Cơ đương ngồi êm ái trong lòng tráng sĩ bỗng níu chặt lấy cổ chàng. Liền lúc ấy trong bầu không khí hiu quạnh tẻ vắng của rừng khuya, bỗng thấy phát ra từ đâu không rõ, hai nhịp cười hòa nhau lạnh lạnh, ròn rã, tưởng như tiếng cười sông sắc của một cặp vợ chồng ma cùng nhau, rú lên một cách vui vẻ lạ lùng. Bạo đến như tráng sĩ, mà chàng cũng thấy rợn buốt đờng sau gáy. Dịp cười tựa hồ ở ngay dưới chân chàng; có lẽ con hồ yêu tinh kia đến để dọa nạt chàng nên mới cười lên như vậy.

Oanh Cơ trong lòng tin chắc là ma rừng hiển hiện, nàng ôm chặt lấy tráng sĩ rúc đầu vào nách chàng, không dám lộ mặt ra nữa. Tráng sĩ định thần một chốc, cúi xuống quan sát chỗ gốc cây. Chàng chả thấy gì, cũng không thấy hồ cười, chỉ thấy nó hình như đang cào đất làm gì không rõ. Ngắm lâu lâu một chút, mới hay ở dưới đất, ánh trăng vẽ trên thảm cỏ bóng cây cỏ thụ và bóng hai xác người nằm ngang trên cành cây.

Con hồ cứ chạy vòng quanh bóng hai cái xác đó. Nó tựa hồ đùa cùng hai chiếc bóng, nó cong đuôi chạy lỏn vờn một chút rồi lại lấy chân trước vờn mặt đất, như cù hai chiếc bóng ấy vậy. Nó lấy trò chơi đó làm một tấn tuồng ý vị, nên chơi nhờn một cách rất chăm chú, sốt sắng, để hết tâm lực vào cái trò trẻ con ấy. Thực là một bức tranh tương tự như tranh "sư tử hí cầu"...

Tráng sĩ biết đích thóp của hồ rồi, chàng se sẽ lấy bụi nhùi đánh đá châm lửa; xong thò tay vào một cái túi vải để ở góc sàn phía trong, lấy ra một ống nứa to và dài, ở một đầu có ngòi như ngòi pháo. Chàng buộc ống nứa vào một đầu dây, dơ bụi nhùi đốt cái ngòi, rồi thông dây xuống đất cẩn thận không cho có tiếng động.

Hồ đương mi mê chơi với bóng, không biết gì hết. Anh chàng cúi đầu gằm xuống đất, chăm chú vờn mặt cỏ xanh. Đương lúc xuất kỳ bất ý, ngòi pháo cháy hết, cháy lan vào làn diêm sinh trong ống, làm cho ống pháo nổ một tiếng kinh thiên động địa. Hồ bị một phen thất đờm, tưởng như sét đánh ngay giữa đỉnh đầu, không kịp nhìn xem từ đâu có sự lạ xảy ra, chỉ còn đủ thì giờ vật đuôi đánh chát một cái, nhảy bổ lên rồi cong đuôi chạy bán mạng vào rừng, không dám ngoảnh nhìn lại mé sau lưng nữa.

Tráng sĩ đắc ý vỗ tay cời ha hả. Oanh Cơ cũng bị tiếng pháo giật ra khỏi cơn khùng; nàng đương ngồi ủ mặt vào ngực tráng sĩ, nghe tiếng pháo bỗng giật bắn người lên, sừng sốt nhìn thì thấy tráng sĩ vỗ tay cời khoan khoái lắm. Tráng sĩ ôm lấy nàng cho nàng khỏi sợ, bảo nàng rằng:

- Xong rồi. Cô chớ kinh hãi! Đó là tiếng địa lôi tôi phát ra để đuổi loài mãnh thú kia đi, không cho nó diễn cái trò quái của nó nữa! Sự này tuy rất lạ, song thực rất thường: cô được mục kích lần đầu tiên nên hoảng sợ đó mà thôi! Tôi đã quen với những sự kỳ quặc hơn thế nữa, thành ra chẳng coi cái cảnh tượng đêm này vào đâu!... Bây giờ tôi đã đuổi hồ đi rồi, chúng ta không còn gì đáng ngại nữa. Ta có thể ngồi đây nghỉ ngơi yên ổn chẳng còn giống vật loài ma nào dám tới quấy nhiễu. Cô cứ an tâm, ở

đây tới sáng ngày, mai tôi xin giúp cô hết cả mọi việc tổng táng, rồi sẽ đưa cô qua đèo Tam Điệp. Cô nên đi nghỉ một lát, cho khỏe, đi cô!

Tráng sĩ nói thế, mà Oanh Cơ cũng vẫn ngồi yên chễm chệ trong lòng chàng. Nàng không dám bước ra ngoài nữa vì nàng vẫn còn khiếp quá, không đủ can đảm ra ngồi cách xa ân nhân của nàng, dẫu chỉ xa một bước. Nàng không nói năng gì cả, cứ ngồi lì ra, gục đầu vào vai tráng sĩ. Tráng sĩ biết rằng nàng không dám lìa chàng, chàng đành phi ôm nàng mãi mãi trong lòng, lại cố sức làm cho nàng khuây khỏa, quên đau đớn và quên sợ hãi, để đủ nghị lực sống nốt quãng đêm dài tối vắng tẻ buồn. Chàng bèn tìm cách an ủi nàng, rồi kể chuyện cho nàng nghe, ngõ hầu tinh thần nàng bị chăm chú cả vào câu chuyện, không để ý gì đến sự vật bề ngoài nữa.

VII - MA RỪNG

Ông Cai Móm lại ngừng lần thứ ba, lấy cốc rượu uống một hơi rồi kéo một môi thuốc Lào. Lệ Thi nóng ruột muốn nghe, giục ông Cai kể nốt, nhưng ông vẫn điềm tĩnh thả uống rượu hút thuốc khề khà, làm cho vợ tôi càng thúc giục thêm nữa. Thi muốn nghe, mà hễ nghe đến chỗ nào rừng rợn, thì lại bám riết lấy tôi, thu mình cuộn vó lại, trông buồn cời lắm. Phải thế chăng mình?

Một hồi lâu ông Cai đủ nghiện, mới oang oang nói tiếp:

- Bấy giờ Oanh Cơ ngồi gục mặt vào vai tráng sĩ. Tráng sĩ muốn cho nàng đỡ sợ, phải tìm kể nói chuyện để bắt nàng phải chú ý vào một sự khác, ngõ hầu quên nỗi đau xót và quên cảnh vật ghê sợ của rừng khuya. Câu chuyện tráng sĩ nói, sau này lại chính mồm Oanh Cơ kể lại cho cậu ruột tôi nghe, vì thế nên tôi mới biết rõ. Tráng sĩ sợ nàng cứ nghĩ ngợi mãi về cái chết thê thảm của anh chị nàng, và cứ bồn chồn lo ngại luôn luôn, thì không khéo chết ngất đi lần nữa, chàng phi nói luôn mồm cho nàng thấy bao giờ cũng có người ngồi bên cạnh và che chở cho mình. Tráng sĩ bảo Oanh Cơ:

- Cô đừng nên sợ hãi kinh ngạc, cô ạ! Có tôi ở đây, không khi nào tôi để thú dữ ma thiêng phạm đến cô được. Tôi có khi nằm trên chòi này hàng nửa tháng, đêm đêm trơ trọi một mình, tôi chả e ngại gì hết. Gặp ác điều, mãnh thú thì tôi bắn, tôi đánh, tôi cầm Imã tấu hoặc đoản côn thử chơi với chúng nó vài keo, đi cho chúng nó xem vài đường võ, bao giờ chúng cũng thua chạy, hoặc bỏ xác lại cho tôi khiêng về. Chúng nó có làm gì được tôi? To lớn, khỏe mạnh và nhanh nhẹn như con hổ, tôi chỉ coi như loài chó dữ mà thôi.

Cái đáng sợ nhất, ấy là ma rừng. Giống ấy thiêng lắm, và lợi hại lắm. Nhưng tôi có làm gì phạm đến chúng đâu, mà chúng nở xử tàn tẽ với tôi? Chả qua chúng chỉ muốn đùa giỡn quấy quả tôi cho vui chớ chưa làm tôi phải ốm đau và chịu thiệt bao giờ. Hay là chúng có ý nể tôi thì chả rõ. Một vài lần đầu tiên, có vài con đầu đàn chúa tể ở vùng này, hiện lên dọa nạt tôi. Tôi đang nằm trên sàn thì nó làm sàn quay tít như chong chóng, định thân ngồi một lúc thì lại chả thấy gì. Cỗ khi nó ném tôi đến bịch một cái xuống tận gốc cây, tôi nhìn lại thì vẫn còn ở trên sàn. Lại có lần buổi chiều, mới trèo lên cây đã thấy ngay lưng lửng treo trên cành chỗ thì một cánh tay, chỗ thì một cẳng chân, chỗ khác lại cái đầu lâu máu ở cổ chảy xuống ròng ròng, chỗ khác nữa thì cái thây người. Một chốc, tất cả mấy thứ ấy bay vùng lên sàn, liền nhau lại thành một người đen thui thui, đầu tóc dựng ngược, mắt mở rõ to, há mồm cười nhe răng trắng như nhơn. Tôi cứ ngồi yên nhìn con ma ấy không nói; nó thề lời đỏ như lửa dí tận sát mặt tôi, khí lạnh của nó thấu vào khắp người tôi, tôi rợn lúm lúm, song vẫn cố trấn tĩnh. Nó dọa chán thì biến mất.

Lần khác nó hiện lên đến sáu bảy con, nhơn có, bé có, trẻ có, đứa nào cũng quần áo rách rưới hoặc trần như nhộng, trông người gầy gò đem thui, xấu xí lắm. Chúng đi lơ lửng như không bước, là là tiến trên mặt cỏ, lại chỗ tôi đứng dưới gốc cây, dang tay bao vây lấy tôi rồi nhảy múa làm tôi hoa cả mắt. Tôi bị chúng trêu nhiều lần lắm, lần này tôi mới chấp tay vào tước ngực, nhắm mắt niệm Phật Quan âm, rồi đọc câu thần chú trừ tà: "Tả Thanh long, hữu Bạch hổ, tiền Chu tước, hậu Huyền vũ". Mở mắt ra chúng đều biến cả. Tôi lên được trên sàn, ngồi khấn rằng:

Tôi tên là Lê Trọng Việt, là một kẻ đi săn các ác điều, mãnh thú, không xâm phạm gì đến vong hồn các anh em cả. Anh em nếu có linh thiêng, xin phù hộ cho tôi, săn được nhiều, tôi sẽ chia cho một phần và

xin cúng tế anh em tử tế, mỗi khi tôi tới đây. Từ trước tới nay, anh em trêu ghẹo tôi, tôi đã chịu nhẫn nại, không khi gì cả, không làm gì cả. Tôi không dám chửi rửa các vong hồn, cũng không dám láo xược với các vong hồn, xin các người từ đây đừng dọa nạt đùa bỡn tôi nữa! Nếu tôi khản khứa tử tế thế này mà không tha, thì sau sẽ có cách tôi đối phó lại, bây giờ đừng trách móc tôi đó! Đây, gọi là thành tâm lễ bạc, tôi có chút quà này xin biếu anh em!

Khản xong, tôi dỡ tay nải đem ra bày ở sàn một ít bánh đúc để trên vài tàu lá, và một ít hoa quả tôi đã cố tình mang đi từ chiều. Rồi tôi đốt hương, đốt nén, vái bốn vái. Xong lại đem đốt mấy chục lá vàng hồ. Công việc ấy ôn hòa, tôi nằm chèo queo đánh một giấc đã, chờ đến canh hai thì dậy. Đêm hôm đó, quả nhiên, tôi săn được nhiều lắm, song toàn là các thứ nhỏ. Và tôi cũng không bị trêu ghẹo nữa. Bắn được cáo, được cầy, tôi đợi rạng sáng là đem thui ngay vài con dưới gốc cây, cúng tế xong rồi mới về. Những đêm sau đều săn được kha khá. Tôi vẫn giữ lời hứa chia phần cho ma, nhưng ma ăn quen rồi lại rừng mõ, đến đêm lại tìm cách làm cho trong nhà sàn của tôi các đồ đạc lung tung lên cả. Có một lũ chuột, mỗi con bằng con mèo to đến hì hục tìm mồi, ăn bánh đúc cơm nắm của tôi gặm nát cả chuối tôi trữ sẵn để tráng miệng, cắn rách áo tôi và nhá chân tôi đau lắm. Chúng nó tha nỏ của tôi quăng xuống đất tha mã tấu của tôi cắm vào một cành cây, vác tay nải của tôi treo lủng lẳng ở mái sàn. Lũ ranh ấy lục lọi đủ thứ chọc tôi đến cực điểm. Đêm tôi ngủ dậy, sờ nải ch thấy đâu, biết có chuyện. Tôi bèn ngồi một lúc định thần cho mắt sáng ra, có thể trông rõ trong đêm tối được; tôi nhờ ánh mờ mờ của các ngôi sao le lói tìm được dây nải và mã tấu vì lưỡi dao lấp lánh dễ thấy lắm.

Tôi mở nải lấy sẵn bụi nhùi, đá lửa, và hai ống địa lôi to. Rồi tôi ngồi đợi xem cái giống quái kia có đến quấy nhiễu tôi nữa chẳng. Quả nhiên, chúng trở lại để xem tôi bị tức giận đến thế nào. Lần này, chúng biến ra một lũ cú mèo và mèo rừng đến vỗ cánh ầm ầm và kêu nheo nhéo rầm rĩ cả chung quanh mình tôi, bầu lấy tôi đen nghịt. Tôi đã biết ý, thủ sẵn một sợi dây ngũ sắc dài, một bông phẩm đỏ ướt; tôi cứ ngồi điềm nhiên niệm Phật và đọc thần chú. Chúng quây quần lấy người tôi nhưng không phạm đến tôi được. Tôi đánh đá tóe lửa, đốt bụi nhùi; bụi nhùi cháy, tôi dí ngay vào ngòi hai cái pháo khổng lồ treo ở mé sàn; xong tôi vội vàng đứng dậy, quờ tay tóm được một anh mèo, rồi nhảy vọt ra ngoài chuyèn cànht nọ sang cànht kia, ra ngòit một chẻ cây gần gốc. Tôi vừa leo cây vừa kéo dây ngũ sắc ờ cổ buộc vào mình con mèo, nó cắn tôi, cào tôi, giãy giụa và đập đuôi chan chát, tôi cũng mặc kệ. Buộc dây xong, tôi lại sờ vào túi lấy bông phẩm đỏ, bôi nhoe nhoét vào mặt nó, xong đầu đấy, tôi thả nó rơi đánh bịch xuống đất.

Tôi làm những việc trên đây nhanh như chớp, bởi đã định trước cả rồi; chỉ loáng một tí là đốt xong ngòi pháo, bắt một con mèo và nhảy chuyèn xuống gốc cây ngòit ở một chỗ, tươm tất lắm.

Tôi vừa an vị, hai tiếng nổ kinh thiên động địa nối tiếp nhau xé tan vùng lặng lẽ của rừng khuya; bốn bên toàn là sùren núi cả nên tiếng pháo địa lôi càng dữ dội lắm lắm. Đàn mèo tranh nhau mà chạy, đàn cú tranh nhau mà bay, chúng chen nhau, húc nhau ủa cả ra khỏi sàn. Phần nhiều đều rơi xuống đất huỳnh huých, có con chạy không kịp, phải biến ra khói, tan đi. Pháo vừa dứt nổ, định thần mà nhìn, chả thấy một con nào nữa cả, thì ra rơi vừa đến đất, hay chưa đến mặt cỏ, là chúng đã biến cả rồi? Vô phúc có một anh cú bay tạt qua mặt tôi, tôi tóm nhay lấy, luồn ngay dây ngũ sắc buộc lấy hai cánh, rồi cũng đem phẩm bôi vào mặt. Lại vớt con quái vật ấy xuống đất theo với con mèo; hai con đó giãy giụa, vật mình ùng ùng vào gốc cây nghe rõ mồn một. Y chừng chúng nó muốn tháo dây thì phải, nhưng tôi buộc theo phép phù thủy, có mà tháo đường trời!

Tôi lên ngòit chễm chệ trên sàn nửa. Lúc này tôi đốt bụi nhùi, thắp một ngọn bạch lập, đi tìm các thứ

binh khí, thu thập xem có thiếu gì không. Xét ra chỉ mất cái "nỏ thần" của tôi mà chúng ném xuống gốc cây cổ thụ, còn đồ thì đủ cả. Tôi ngồi im đợi xem động tĩnh thế nào. Lúc đó rõ ràng tôi tỉnh táo, bao nhiêu tinh thần tâm trí đều sáng suốt cũng như ngọn bạch lập rạng to thế mà không hiểu vì đâu tôi như mơ màng, tai nghe văng vẳng có tiếng nói rất sẽ mà rất rõ, một thứ tiếng không phải là tiếng, chỉ như một dư âm xa lơ xa lắc, một tiếng gọi bị đập vào đá rồi oang oang đưa lại từ chỗ nào, một cái "bóng của lời nói" thì đúng hơn. Cái tiếng gọi đó gần sát tai tôi, nhưng quái, cũng như ở một nơi xa lắm, chỉ nhận biết nó rành rọt, nghe tòng tận vô cùng. Nó nh thế này:

- Ông Trọng Việt ơi! Ông ác làm chi, ông tắt đèn đi! Chúng tôi biết lỗi rồi, chịu phục ông rồi! Ông cứu cho lần này, lần sau không bao giờ dám phá ông nữa! Riêng hai đứa tôi, chúng tôi sẽ đội ơn ông và phù hộ cho ông. Ông hãy tắt đèn đi...

Tôi đoán ngay là lời kêu van của hai con ma bị bùa ngũ sắc buộc, không biến được. Chúng nó đã hối quá, tôi cũng chả nên táng tận lương tâm. Chả qua tại chúng xử tệ với tôi hết sức, nên tôi mới phải báo thù, nếu không tôi cũng chẳng hơi đâu nghịch ngợm với chúng nó để mất một đêm săn bắn. Cái đêm ấy, thế là vô ích: tôi bị mất nỏ, lại lục đục mất thì giờ, lại đốt địa lôi và châm đèn thì còn con thú nào dám đến gần cho mà bắn nữa, mà dù có đến thì biết tìm nỏ ở đâu? Xuống gốc cây ư? Chả đại. Nhỡ ra có làm sao trong đêm tối, giữa rừng vắng, thi hết kế thoát thân. Thôi, chúng nó đã xin tắt đèn thì tôi tắt để xem chúng giở trò trông gì nào! Tôi dụi cây nện, ngồi đợi. Trời vừa tối bỗng nghe bịch bịch hai tiếng, sờ thì ra có con mèo và con cú ở ngay bên cạnh chân. Văng vẳng bên tai lại có tiếng:

- Ông làm phúc tháo dây cho chúng tôi, và gột vết phâm cho chúng tôi. Ông tha cho, sẽ đội ơn ông mãi mãi.

Tôi nói:

- Lấy nước đâu mà gột? Tôi chả có gì đựng nước cả, chỉ có một cái vỏ dừa ở góc sàn, nhưng lại không có một giọt nước nào. Thì làm sao mà gột cho hai người được?

Tôi vừa dứt lời thì, quái lạ! Thấy ngay một vật ươn ướt đựng chân, sờ xem thì là một gáo nước đầy, cái gáo sứ không có cán của tôi! Tôi hơi ngạc nhiên một tí, song nghĩ ra ngay. Có gì lạ đâu? Một lũ ma nữa, vô hình, đương bao bọc lấy tôi để xin tôi gỡ cho hai đứa bạn của chúng và để xem tôi xử sự ra thế nào. Tôi lên mặt đạo mạo, phán rằng:

Chỉ tại các người chọc ta, chớ ta có làm hại các người đâu! Ta cúng các người, cho các người nào thịt, nào bánh, nào hoa quả, nào vàng lá, thế mà các người chả biết ơn phù hộ ta lại còn quấy quả ta, thì trời đất nào chứng cho các người? Ta đây biết phù thủy, (chỗ này, tôi nói khoác mà để dọa chúng mà thôi, chớ thật tình tôi chả có phép quái gì!) Chúng bây làm gì nổi ta? Các người nạt ta thế, chớ nạt nữa ta cũng chả sợ! Ta đã có cách đối phó lại, còn nhiều cách lắm, đây này, các ngi hãy xem?

Nói đến đó, tôi sờ tay vào nải, lấy ra một củ tỏi, bóp nát rồi dí vào mũi con mèo và mũi con cú. Quả nhiên chúng nó giãy lên đành đạch. Tai tôi lại nghe văng vẳng:

- Chúng con lạy ông! Chúng con biết tội rồi, ông sinh phúc cho! Ông vứt tỏi đi, rửa tay đi!

Tôi quẳng củ tỏi xuống đất, dội nước ở gáo rửa tay, dốc hết cả gáo. Tôi lấy vạt áo lau tay, vừa lau vừa

nói tiếp:

- Ta còn nhiều thứ phép khác, lợi lại lắm lắm. Hễ các người xử ác với ta, ta sẽ xử càng tàn tệ hơn, cho bỏ ghét? Lần này là lần đầu, ta tha cho hai người; phải biết ơn và cố tu tỉnh lại, ta bắt được một lần nữa thì chớ trách ta đó! Nhưng mà gáo nước hết rồi, lấy gì gột rửa cho các người đây?

Tôi nói dứt lời, sờ xuống chân thì gáo nước đã lại đầy rồi. Tôi bèn móc trong đây ra một cái giẻ lau, chấm nước đi, rồi lau mặt mũi cho con mèo và con cú. Chúng nó để tôi làm phận sự một cách ngoan ngoãn lắm, không dám cựa quậy, giẫy giụa một tý gì. Tôi lau một lúc rõ lâu, ánh chừng đã sạch lắm rồi, bấy giờ mới thò tháo nút dây ngũ sắc ra. Vứt một cái, vừa cởi được dây, thì đã không thấy cú và mèo đâu nữa. Chỉ có phảng phất trước mặt tôi, lơ mờ như sương đọng lại, như khối tụ thành hình, hai cái bóng dịu dàng trắng toát, thực là "sương in mặt, tuyết pha thân". Hai thiếu nữ yếu điệu thanh tân, tuy trong bóng tối mà cũng đoán được đó là hai giai nhân tuyệt sắc. Cả hai tựa hồ mặc áo bằng mây trắng, mập mờ ẩn hiện, trông đẹp vô cùng. Một làn tóc đen cuộn cuộn xoắn xuống ngang lưng, một thân hình thót tha mềm mại, tứ chi nhỏ nhắn tròn trĩnh, đó là cốt cách của hai nàng. Trông cả hai đều giống nhau, tựa như chị em ruột khó lòng phân biệt được, nếu một nàng không có làn tóc dài chấm gót, khác với nàng kia tóc chỉ xể quá lưng thôi.

Tôi thấy hai bóng ma con gái ấy, trong lòng cũng hơi bồn chồn, cứ dờ mắt ngo ngác ngắm họ. Cả hai nàng cùng quỳ xuống sà nửa, trước mặt tôi, trong khi tôi vắng nghe một điệu đàn ân ái vô cùng:

- Hai em cảm ơn cái thầy tha cho. Đội ơn cái thầy nhiều nhiều. Sau này xin giúp cái thầy...

Điệu đàn chỉ ngắn có thể. Điệu ấy tức là giọng của hai nàng thánh thót hòa nên. Tôi lấy làm lạ rằng sao cái giọng này nó êm ái du dương, nó thỏ thẻ, trong trẻo khác hẳn với tiếng nói phào phào lúc nãy.

Tôi nghĩ một lúc, mới hiểu rằng khi hai nàng này chưa biến được thì cũng chưa nói được, đó chỉ là bạn bè thay lời hai nàng mà cầu khẩn tôi đó thôi. Tôi bảo là hai nàng ấy nói, đó là làm, vì thực ra không có thanh âm vang ra ngoài. Tôi chỉ thấy môi hai thiếu nữ đó lắp bắp, rồi tự nhiên tôi hiểu, tựa hồ trong tai tôi có tiếng nói dội vào óc tôi. Có lẽ khi đó tôi nghe hồn của tiếng người, cũng như tôi thấy bóng của hồn người vậy.

Hai ả lạy tôi sì sà, sì sụp, đoạn đứng dậy bực ra. Tôi vừa ngược mắt, chưa kịp trông theo thì đã không thấy bóng dáng của hai nàng đâu nữa...

Từ đấy, tôi đỡ bị nạn yêu ma quấy nhiễu làm rối loạn đồ đạc và ngăn trở sự săn bắn của tôi. Nhưng tôi lại bị một cái nạn mới lạ lùng nguy hiểm hơn: là hai con ma thiếu nữ Mường nó hình như mê tôi, đêm nào cũng lên ngồi cạnh tôi nói chuyện tỉ tê, như quán quít lấy tôi không dứt. Tôi nhắm mắt ngủ, thì thấy như mình dắt tay chúng đi chơi trong rừng, bưng mắt dậy, lại thấy hai bóng trắng ngồi kê bên mình, trong óc, trong tai lại có tiếng dội văng vẳng nói chuyện với mình thân thiết lắm. Tôi là con trai chưa vợ, thấy thế sợ lắm, chỉ ngại giọng yêu tinh ấy nó thu mất nguyên dương thì sẽ chết mất. Tôi lo quá, bỏ rừng về nhà. Đêm nằm ngủ lại thấy chúng nó đến trách móc sao không đến Đồng Giao săn bắn như mọi ngày cho chúng được gặp gỡ trò chuyện. Sáng dậy, tôi đem sự đó thuật cho anh tôi nghe. Anh tôi là người giỏi võ hơn tôi mà lại can đảm lắm. Anh tôi quyết cùng đi vào rừng với tôi một phen. Quả nhiên, anh tôi được thấy hai thiếu nữ Mường của tôi và làm quen với chúng. Một đứa bám riết lấy anh tôi, còn một đứa thì vẫn cố mê hoặc tôi đến kỳ cùng. Hai anh em tôi hể nằm trên sàn thiu thiu ngủ là tự

khắc thấy mỗi đứa ôm ấp một con ma đi dạo quanh khắp đồng nội, bắt ong, đuổi bướm, bứt quả hái hoa, tình tự vui vẻ lắm. Tỉnh dậy, vừa bừng mắt đã thấy có hai ngời dới chân, con tóc ngắn kề anh tôi, con tóc dài kề tôi.

Thực là nguy ngập quá? Tôi hồi hận vô cùng, hồi hận vì đã đưa anh tôi vào cõi chết. Một mình tôi có thác cũng không oán gì số phận, song làm cho anh tôi vì muốn cứu tôi mà cũng thác nốt thì thực tôi có lỗi vô ngần! Can tràng như tôi, mà tôi phải ứa lệ khóc. Nhưng không dám khóc trước mặt lũ quái đó, tôi đợi rạng ngày, dắt anh tôi ra khỏi núi, đi về quán trọ lúc bấy giờ mới ôm lay anh mà khóc và xin lỗi. Anh tôi mũi lòng cũng khóc và khuyên giải tôi:

- Em đừng ngại! Anh xem hai con yêu này nó không phải là đồ dâm tình, chả qua chỉ là oan hồn hai con bé chết lúc còn con gái, nên si tình đó mà thôi. Từ lúc mình quen chúng nó, mò cùng nhau đi chi trong ngàn trong nội, nào chúng đã dắt mình đến cuộc mây mưa đâu bực gì đâu! Thế thì cha lo! Để thông thả anh nghĩ một kế làm cho chúng nó phi bạt đi mới được?

Anh tôi nói vậy thì tôi biết vậy, chớ tôi vẫn khóc lóc như thường. May sao, vì sự khóc thảm thiết đó, có một cụ già để ý đến tôi ông hỏi tôi, tôi nhất nhất Kể sự tình cho ông rõ.

Ông già ngấm mặt mũi hai anh em tôi một lúc, rồi ông đòi xem bàn tay. Xem xong, ông đưa chúng tôi vào một căn buồng hẹp trong nhà trọ, ông đứng ngoài bắt bốn cái quyết, lầm rầm đọc chú hồi lâu mới bước vào. Ông không dẫn đo gì cả nói ngay:

- "Tôi xem khí sắc hai thầy, chưa đến nỗi suy. Âm khí cũng chưa phạm được lấy, vì hai thầy có can đảm nhiều, hóa nên tôi mới cứu được. Giá phải người yếu linh hồn, ắt bị hại đã lâu rồi. Cái giống ma này nó khôn lắm, nó muốn báo thù thầy đấy, nhưng nó cứ làm dần dần, mỗi đêm đi sâu vào một chút thôi, độ nửa năm thì không chữa được nữa! Tôi cho hai thầy hai đạo bùa này, hai thầy phi giấu kỹ trong búi tóc, nó sẽ không biết: nếu để chỗ khác, nó trông thấy tất cướp mất. Ta lại tương kế tựu kế, nhân chúng nó đương rủ hai thầy đi vào đường tình ái, hai thầy sẽ làm như âu yếm nó lắm lắm, chớ đừng lộ ra vẻ lãnh đạm như xưa. Làm ra như mình thầy chúng yêu mình một lòng chân thật nên cũng hồi tâm mà sủng ái chúng. Rồi một thầy sẽ, trong khi tự tình, hỏi nó xem mả hay nhà mồ của chúng nó ở đâu. Nói rằng hễ khi nào anh thác đi, sẽ lại nằm chung với em. Khi nó chỉ mả rồi, thì thử ba lần xem có đúng một chỗ không, mỗi lần nhận địa thế và đánh dấu kỹ càng. Lúc nào biết đích mả chúng nó rồi thì các thầy nên làm thế này, thế này. . ." đến đây ông cụ nói thầm rất khẽ "chúng nó sẽ phi kiêng hai thầy, không dám đến gần nữa. Hai thầy sẽ thoát nạn. Song cốt nhất hai thầy phải điềm đạm, cẩn thận, suy xét cho tỉ mỉ, chớ có mừng rỡ lộ ra nét mặt mà khó lòng giấu được chúng. Hai thầy nên nhớ kỹ. Thôi hai thầy đi ra, thế là xong rồi!"

Chúng tôi xin tạ ơn ông cụ, cụ nhất định từ chối. Túng thế, giữa lúc cụ vô tình, cả hai anh em tôi sụp xuống lạy cụ hai lạy, cụ phải buộc lòng nhận vậy, nhưng thế nào cũng không nhận tiền.

Đêm hôm ấy, anh em tôi lại vào rừng rồi làm đúng theo chương trình ông cụ già đã chỉ bảo. Muốn cho cẩn thận anh em tôi hỏi dò mả của hai con ma đến năm sáu lần, và chúng tôi nhận kỹ địa thế và đánh dấu chỗ ở của chúng rất minh bạch, chí kỹ không lầm lẫn được nữa. Một hôm trời có nắng, chúng tôi đợi đến đúng Ngọ, vác xẻng vác cuốc vào rừng, đến chỗ hai cái mả mà chúng tôi đã đánh dấu, khai quật quan tài lên, mở nắp vớt lá bùa vào rõ nhanh rồi đập nắp lại, xong lật sập áo quan cho xuống hố lấp đất lên cẩn thận.

Tôi hôm đó, quả nhiên không thấy hai cái bóng trắng ngời dới chân nữa. Nhưng hai anh em tôi lúc chợp ngủ đi cùng thấy hai giấc chiêm bao giống nhau. Trong mộng, cô ả nhân tình ma của đứa nào hiện lên bảo đứa ấy rằng:

- Thôi được! Anh đã đổi đãi tệ bạc và tàn nhẫn với em, rồi anh sẽ biết em báo cừ thế nào! Em truyền hồn cho anh! Em sẽ làm cho anh chết đầu lìa khỏi xác, giữa lúc còn niên thiếu như em, em mới nghe! Sống anh không muốn làm chồng em, chết rồi anh sẽ phải làm chồng em, anh nghe chưa?

Chẳng qua đây là lời hăm dọa vu vơ, chứ nó chết rồi, còn làm quái gì được ai? Sống chết đã có mệnh, để đâu con ma kia có thể sát hại được cả hai anh em tôi? Chỉ biết từ khi triệt được nó, tôi được bình an vô sự. Lũ ma hình như sợ tôi rồi, không con nào dám lại trêu tôi nữa. Đêm đêm tôi được ngủ ngon lành hết sức, tôi ở nhà sàn quá như ở nhà tôi, chả còn e ngại nỗi gì. Trước kia tôi sẵn mãi không bao giờ được hổ, báo và hươu nai; nay tôi bắt được rất nhiều hươu, sẵn được hàng mười mấy con, gác chất đầy nhà, bán được nhiều tiền lắm. Tôi lại vợ được đủ thứ; ngày thì có sơn dương, có cây hương, có các thứ chim quí, đêm thì có hoẵng, nai, lợn, báo và chồn. Có một lần tôi ném phi tiêu giết chết được một hổ mẹ và hai hổ con, vừa đây tôi hút một con beo xám to tiếc quá! Từ lúc lũ mẹ ranh thôi không ám tôi nữa, tôi làm ăn khá lắm, chả ân hận nỗi gì! Anh cả tôi, anh Mạnh Khôi, thì lại thích về mé Chợ Ghềnh, anh tôi sẵn ở phía đó không vào đây mấy.

Nhưng kìa! Cô xem có phải sắp sáng rồi đó không? Chúng ta mãi miết nói chuyện mà ai ngờ sắp bạch nhật rồi!

VIII - TỪ BIỆT

Tráng sĩ nói tới đây, Oanh Cơ mới nhìn sang phía đông thì thấy một góc trời sáng sủa, báo hiệu mặt trời sắp sửa xuất đầu trên các ngọn đồi. Lúc đó mới mờ mờ sáng, đủ trông rõ các sự vật trong một bức màn xám xám. Sương trong rừng dày như khói, có mặt trời lên chẳng nữa, cũng còn phải đợi còn lâu mới có ánh nắng chiếu vào cây cỏ ướt đầm.

Từ tối, Oanh Cơ ngồi chễm chệ trong lòng tráng sĩ, ngoan ngoãn như một đứa bé thơ, quên cả sừng sùng, e lệ. Nàng đầu tiên sợ cộp, sau lại sợ ma, sau nữa nghe hai cái xác cười lại càng sợ thêm, hóa nên cứ bám chặt lấy tráng sĩ rúc đầu giấu mặt vào vai chàng. Kịp đến lúc chàng vui mồm kể chuyện nàng nghe, thì nàng mãi mê chăm chú vào câu chuyện. Câu chuyện chàng kể lại rùng rợn ghê sợ hết sức, hóa ra nàng càng ôm chặt sát lấy người chàng không nghĩ gì đến thẹn thùng cả. Nàng bị một phen quá khủng khiếp, thần kinh đâm ra suy nhược, chả còn sức lực nào nghĩ ngợi suy tính gì. Đến buổi trời mờ mờ sáng, nàng mới hơi hơi tỉnh ngộ nhưng chung qui vẫn chưa ra khỏi cơn kinh hãi. Gia dĩ ngay dưới sàn lại có hai xác chết cứng đờ ra đó, nàng không đủ can đảm ra khỏi lòng tráng sĩ đâu biết rằng ngồi ôm lấy một người con trai lạ mặt là khó coi và vô luân lý cương thường.

Ngộ biến phải tòng quyền, nàng biết làm sao được? Nàng cứ ngồi lì trong lòng tráng sĩ, hai mắt lóng lánh áp vào ngực chàng không muốn nhìn sự vật bề ngoài, sợ hoàn cảnh lại gây cho nàng một nguồn đau đớn hãi hùng thứ hai nữa. Nàng ngồi yên như thế, không cự, không nói, tuy thức mà như ngủ. Tráng sĩ tưởng nàng vì mệt nên thiếp đi, nên cũng chiều ý nàng; chàng cứ ngồi ôm lấy nàng khư khư, như giữ gìn một bảo vật quý giá. Hai người, chả ai nói với ai một lời nào nữa; cả hai cùng thả hồn vào cõi mơ màng êm dịu, mỗi người đi về một đàng nhưng có lẽ cùng chung một hướng.

Cặp thiếu niên xa lạ mà tự nhiên trời run rủi cho gần sát bên nhau trong trường hợp lạ lùng bí ẩn ấy, cặp thiếu niên đó cứ ngồi trơ trơ như một pho tượng, thức cũng chẳng phải thức, ngủ cũng không phải ngủ, cho mãi tới khi mặt trời lên rõ cao, rọi ánh sáng vào đám sương lam, làm cho sương biến thành hơi nước bay lên, khiến non sông được sáng láng mà cây cỏ được khô ráo nhẹ nhàng.

Tráng sĩ bấy giờ mới se sẽ vỗ vào vai Oanh Cơ, cúi xuống bảo nàng:

- Bạch nhật rồi, cô ạ! Mặt trời đã chéch quá hai sào! Bây giờ chúng ta có thể xuống được, để còn lo liệu tống táng cho ông cả và cô hai chớ!

Oanh Cơ giật mình mở mắt ngơ ngác nhìn tứ phía; hình như lúc này nàng mới rõ biết là vô tình ngồi trong lòng một thiếu niên xa lạ; nàng vùng đứng dậy, ra chỗ khác, hai má ửng ửng đỏ, chỉ biết cúi rạp mặt xuống chứ chả biết nói câu gì. Tráng sĩ cũng đứng dậy vươn vai, duỗi tay duỗi chân răng rắc; đoạn nhìn Oanh cười:

- Bây giờ chúng ta phải trèo xuống, tôi xin đỡ cô. Nếu cô đau chân quá, không leo cành cây được, tôi xin cõng cô đem xuống. Ta hãy nên để tử thi ông cả, cô hai ở đây, chốc nữa mượn người đến mang ra đồng phía ngoài núi cũng chưa lấy gì làm muộn. Thôi, ta xuống đi cô! Cô nên theo tôi!

Oanh Cơ đi cả ngày hôm trước, chân bị sây sứt sưng lên đau đớn lắm, không leo trèo được. Tráng sĩ lại phải khi bế, khi cõng, đem nàng xuống gốc cây, rồi, xuống đến mặt đất, chàng tháo dải lưng sồi của

nàng ra, làm thành một cái võng, cho nàng ngồi, rồi chàng công nàng, chạy vào vèo ra khỏi thung lũng về quán trọ của chàng.

Chàng đem nàng vào một căn phòng sạch sẽ để nàng nghỉ ngơi dưỡng sức. Rồi một mặt chàng thuê sáu người phu và đốc thúc họ vào rừng ngay để khiêng xác Văn Quân và Huyền Cơ về nhà trọ; một mặt chàng nhờ chủ quán đi mua ngay các đồ khâm liệm cùng hai chiếc quan tài.

Khi đem xác về đến nơi tự tay tráng sĩ và Oanh Cơ tắm rửa cho hai kẻ bạc mệnh, rồi đem khâm liệm ngay. Đám ma hôm đó thực là giản dị đơn sơ; càng giản dị đơn sơ trông lại càng thảm thiết. Một tên phu cầm một bó đuốc đi trước, rồi đến hai tên khiêng áo quan Văn Quân buộc vào một cái đòn dài. Tiếp đến áo quan Huyền Cơ cũng hai tên phu khiêng. Sau cùng, đến một tên phu đem đuốc cuộc và xẻng, rồi đến tráng sĩ đỡ Oanh Cơ vừa thất thểu lê bước vừa rũ xuống khóc như gió mưa. Thế là hết: đám tang chỉ có bấy nhiêu người.

Ra đồng, tráng sĩ truyền cho đào rỗ sâu vùi rỗ chặt, lịch kịch mãi mới xong. Lúc về, hai tên phu phải quàng tay làm kiệu nâng đỡ Oanh Cơ về quán trọ.

Oanh Cơ đưa xong đám ma anh và chị thì ốm liệt giường chiếu, sốt rét li bì, nói mê nói sảng. Tráng sĩ lo ngại lắm, bỏ cả cuộc săn bắn, chỉ lo thuốc thang cho nàng và ngồi bên cạnh giường bệnh của nàng thôi. Ôm nửa tháng ròng, Oanh chỉ ăn có hồ cháo qua ngày, người gầy rạc đi như ve. Tráng sĩ thương hại lắm, chăm chút nàng như chăm nom em gái, chẳng quản công lao gì cả. Nhờ sự tận lực đó, Oanh khỏi. Tráng sĩ để nàng nằm dưỡng sức mười ngày nữa ở quán trọ; khi nàng đã ăn trả bữa, da thịt bắt đầu tươi tỉnh, lúc ấy chàng mới bảo nàng rằng:

- Nay cô khỏi rồi, tôi xin đưa cô ra Nho Quan, kéo nữa chậm. Cô định thế nào?

- Bây giờ em ra Nho Quan làm trò gì? Anh chị em thác rồi, em ra đó cũng vô ích; vả chăng nhà quan phủ thết tiệc xong từ non một tháng, nay ra đó thì còn gì nữa!

- Thế cô phải suy tính thế nào chứ! Hay là cô về núi Gội ở với mẹ tôi, mẹ tôi sẽ yêu cô như con, tôi và anh tôi cũng sẽ quý cô như em vậy.

Oanh Cơ cúi đầu suy nghĩ một hồi, nàng ngược mắt nhìn tráng sĩ, rồi bỗng cúi gằm mặt xuống hai má ửng đỏ, nhưng chỉ thoáng một chút mắt nàng đã mờ những lệ, nàng gạt nước mắt thôn thức nói rằng:

- Em đây bây giờ bơ vơ cô độc một thân, chả còn họ hàng thân thích nào nữa, chỉ có một đứa cháu gọi bằng cô hiện còn ở Bàn Thạch. Em đội ơn anh quá nặng, biết lấy gì báo đáp được? Nếu em nhờ ơn Trời Phật còn được sống dai dẳng ít lâu nữa, có ngày em sẽ xin đền đáp nghĩa anh. Nay em đang thụ trọng tang, tâm hồn tan nát, gan dạ héo hon, chưa biết định liệu ra làm sao cả. Em xin anh cứ theo đuổi các việc anh làm, đừng vì em mà phí cả ngày giờ cùng tâm lực. Anh mặc em sống nốt quãng đời thừa này. Nguyên vọng duy nhất của em bây giờ là được ở chốn này cư tang và săn sóc mồ mả cho hai anh chị em mà em cũng coi như là cha mẹ; em sẽ để trở và mặc chế phục sô gai trong hai mươi bảy tháng, hóa là vong linh anh chị em đỡ tội một đôi phần! Chỉ có một điều em đáng ngại là mai đây, khi anh từ biệt em để trở về quê nhà anh, em sẽ chịu lẻ loi thân gái, sống giữa nơi xa lạ chả còn ai thân thích quen thuộc nữa! Em muốn nhắn thẳng cháu ra để ở chung với em cho vui, và luôn thể để hầu hạ giúp đỡ em nhưng biết nhắn ai bây giờ? Cháu em tên là Nguyễn Đức Tiêu, nó hiện ở làng Đại Thạch, cũng

gân Bàn Thạch là quê quán em, vì bác em từ xa di cư ra ở đây, đến nay đã ba đời. Làng Đại Thạch cũng như làng Bàn Thạch là nguyên quan của giáo phường; hai làng ấy thuộc về phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa...

Oanh Cơ nói xong, lệ rõ rờn rờn ướt đầm cả hai gò má. Tráng sĩ nhìn nàng rất ái ngại, bảo nàng rằng:

- Cô chớ lo ngại! Cứ chịu khó ở tạm đây năm bảy hôm nữa, tôi thu xếp công việc cho cô, lúc đó sẽ về!

Oanh Cơ nghe lời ân nhân, ở lại trong quán trọ. Độ mười ngày sau, một hôm tráng sĩ đi săn về, vui vẻ bảo nàng rằng:

- Công việc xong rồi, bây giờ cô chỉ còn phải dọn nhà là yên ổn cả!

Chàng đem nàng đến một nơi cao ráo, nàng lấy làm ngạc nhiên thấy, từ lúc nào không rõ, chàng đã sai thợ lợp riêng cho nàng một nếp nhà sàn rộng rãi chót vót đứng giữa một thửa vườn bát ngát mênh mông. Nàng vừa mừng rỡ, vừa ngại ngùng cảm động, bước lên thang vào sàn. Tới nơi, nàng ngã ngửa người ra: đồ đặc nôi siêu và quần áo rương hòm sắm sửa bày biện sẵn sàng cả; và trong hoàn cảnh êm ấm đó, có phải ai đâu xa lạ, rõ ràng cháu ruột nàng Nguyễn Đức Tiêu, ngồi chễm chệ ở một phòng trên một góc chiếc ghế đầu!

Thấy Oanh Cơ, Tiêu mừng quá, chạy tất tưởi lại đón cô, nói tíu tít:

- "Cô ơi! Cô đã mạnh chưa? Cháu nghe bác Hai đây" Tiêu có ý trở tráng sĩ "nói rằng chú và cô Huyền cháu thác vì vượt hổ, lòng cháu đau đớn vô cùng; nhưng biết rằng cô còn sống sót, cháu sung sướng quá! Từ nay cháu ở đây hầu hạ cô mãi mãi không để cho cô phải ở một mình đâu cô ạ!"

- Ai nhẩn nhủ cháu ra, mà cháu biết lần mò len lỏi tới nơi đây?

- mấy hôm trước, có hai người về tận Đại Thạch đón cháu, bảo cháu dẫn sang nhà cô ở Bàn Thạch. Song họ nói cho cháu rõ cô hiện ở Đồng Giao; muốn cư ngụ tại đó, nên cho người về đón cháu và khuôn các đồ đạc ra ngoài này. Họ chọn lấy những đồ đạc còn tốt và thường dùng, đem đi, còn bao nhiêu, bỏ lại cả. Đến Đồng Giao, họ đem cháu lại nhà này, cháu được gặp bác Hai mới rõ đầu đuôi câu chuyện...

Mắt Oanh Cơ mờ hấn đi vì lệ ứa trào ra. Nàng cảm động quá, vuốt ve đầu cháu rồi lại ngồi ở một chiếc ghế thấp. Tráng sĩ ngồi ở một góc giường. Oanh đợi khi tráng sĩ vô tình giữa lúc xuất kỳ bất ý nàng ngồi xếp xuống sàn, ngoảnh về phía chàng ngồi, lạy hai lạy rất cung kính. Chàng luống cuống đứng dậy nhưng không kịp nữa, vội chạy lại đỡ nàng lên, rồi bằng một giọng nghẹn ngào:

- Ô kia! Sao cô lại làm như vậy, tôi chẳng tôn trọng cô ư? Bỏn phận tôi là phải thế, cô chớ cảm ơn tôi làm gì. Người ta ở đời, chẳng qua nợ đồng lân nhau cả, có chi mà phải bận lòng! Trong nhà này, tôi đã xếp đặt đủ cả, cô có thể sống nôi trong nửa năm. Trong hòm kia, có tích sẵn vài chục quan tiền, cô cứ việc lấy mà chi dụng. Sáu bảy tháng, tôi sẽ qua một lượt thăm cô, khi nào cô hết tang, thì sẽ di cư đi chỗ khác, đừng ở nơi đây mà bất lợi. Cô phải cho cẩn thận, chớ có đi đêm về tối, lỡ ra có sự khó lòng. Nhà này, tôi đã có ý làm cao, có hai tầng sàn. Nếu động dụng gì, cô khá lên gác trên mà ẩn, đừng ở

lớp dưới nhé! Thôi công việc của tôi thế này là tạm yên ổn, tôi xin báo biệt cô. Cô nên thận trọng lấy mình, chớ để phụ lòng tôi đó!

Tráng sĩ nói xong, đứng dậy từ biệt, Oanh Cơ lúc ấy không hiểu thế nào, tựa như ngại ngùng quyền uyển, không nỡ chia tay. Nàng muốn giữ tráng sĩ lại chút nữa, nhưng cũng thẹn thùng không dám. Nàng thôn thức sùi sụt, ứa nước mắt tiễn tráng sĩ xuống gác, muốn nói vài lời tổng biệt mà nghẹn ngào không nói được, chỉ thở thở được một lời:

- Em xin lạy anh!

Thế là hết. Rồi nàng đứng tựa gióng cửa sán chờ mắt nhìn theo chàng mãi, theo mãi, tới khi bóng chàng khuất sau rặng lau, bụi duối thì thôi. Ra đi, chàng cũng dùng dằng; lúc thất thểu trên con đường, chàng cũng ngoái cổ nhìn lại, thấy bóng nàng dựa cửa trông chàng, một cảm giác êm ái đầm ấm tự nhiên bùng nổi dậy, làm giảm một đôi phần nỗi buồn rầu thấm thía của sự phân ly. Chàng nện mạnh gót trên đường, cắm đầu đi thẳng, cố xua đuổi trong lòng những ý tưởng bất chính, không xứng đáng với một tay thiếu niên nghĩa hiệp như chàng... Chàng đi, đi được bao xa? Cứ hùng dũng tiến được mười bước, là đã ngại ngùng muốn quay gót lại. Trở lại e bất tiện quá, chàng đành quay đầu trông lại mà thôi. Chàng vẫn thấy bóng nàng như bóng đá vọng phu, còn sừng sững đứng trên thang nhìn theo chàng không ngớt, nhìn mãi, nhìn mãi, lấy lòng nhờn tuyến đuổi theo chàng...

Muốn cho tâm hồn khỏi bị suy nhược, sa ngã, chàng nhắm mắt lại, vùng cẳng chạy một mạch, không dám ngoái cổ lại nữa.

Tráng sĩ đi rồi, Oanh Cơ ở lại một mình với cháu là Nguyễn Đức Tiêu, tại Đồng Giao. Nhờ có tiền nong tráng sĩ để lại, nàng cùng cháu sống phong lưu lắm. Tuy nhiên, nàng cũng cố làm lụng cho khỏi ăn không ngồi rồi, nàng mở một cửa hàng nhỏ ở trên sán, nhận vái cắt áo quần để may vá. Nàng đoạn tuyệt hẳn với nghề ca xướng, dẫu rằng cháu nàng cũng có thể đàn tạc để nàng hát được. Có hát nữa, thì ở mạn Đồng Giao buổi đó, đã mặt nào là tay biết thưởng thức cầm ca? Kể ra, khâu vá kiếm ăn, cũng đủ chi tiêu sinh hoạt, lo là phải giữ nghề cũ làm gì? Vả có danh giá gì cái nghiệp "xướng ca vô loại" ấy? Cháu nàng giúp nàng các việc vặt như đi chợ, gánh nước vân vân... Nói tóm lại, Tiêu là tay sai, hễ cứ có việc gì phải ra ngoài thì cậu phải gánh vác cả; còn nội bao công việc trong nhà thì có Oanh đảm đương. Một đằng ngoại giao một đằng nội vụ. Thành ra Oanh Cơ ở đây đến ba bốn tháng, mà chả biết mặt mũi nàng. Bởi lẽ nàng không bước chân ra khỏi cửa bao giờ cả. Cứ tối đến, cháu nàng ngủ ở tầng sán dưới, còn nàng thì leo lên tầng cao nhất để ẩn mình.

Từ độ Oanh Cơ đến trú ngụ ở Đồng Giao, trong hạt bổng xôn xao bàn tán về một câu chuyện lạ. Ấy là chuyện làm đầu đề cốt yếu cho bài thuật này đó, chuyện hát ả đào ở trong rừng. Cứ đêm đêm, quá trống canh hai, trong một thung lũng cách Đồng Giao gần năm dặm người ta nghe có tiếng véo von đàn hát náo nùng. Những kẻ táo bạo rủ nhau vào rừng đi xem, lúc về đều thuật đúng như thế cả. Mới đầu tiên, cả vùng kinh dị, nhưng rồi lâu dần cũng quen đi, chả ai nói đến nữa; họ đều cho là một sự dĩ nhiên, không có gì lạ cả.

Chỉ riêng một mình Oanh Cơ biết đó là hồn anh chị mình hiện lên; nàng tin rằng hai anh chị mình linh thiêng nên hết sức chăm chỉ lễ bái, cúng tuần cúng giỗ cho vong hồn kẻ khuất, vả lại sai cháu cứ ba ngày thì ra thăm mả Quán và Huyền một lần.

Oanh Cơ sống yên ổn và kiên nhẫn quăng đời hiu quanh lạng lẽ của nàng dưới mái ngôi nhà sàn, không nghĩ gì đến tương lai cả. Thỉnh thoảng nàng cảm thấy tấm lòng dào dạt, vì hình như tráng sĩ tự nhiên bỗng hiện ra rõ rệt trong ký ức nàng, tươi cười, sáng sủa, khiến nàng bị trái tim vỗ đập, máu trào lên gò má, nóng bừng. Mỗi lần như thế, nàng lại cố nén lòng, lấy tay để lên ngực, rồi nhắm mắt lại, xua đuổi cái ám ảnh kia. Song nó nhất định không đi, bắt nàng cứ phải luôn luôn trông thấy. Nàng vợ vẫn đứng dậy, nâng tấm liếp con lên, tỳ tay vào thành song thưa vợ vẫn trông trời...

Nàng đứng như thế giờ lâu, bỗng mắt nàng để ý đến những vết gì, tựa như lốt chân một giống vật to lớn, in sâu xuống nền đất cát, ở ngay thềm nhà nàng. Những vết nhiều lắm, không biết bao nhiêu mà đếm được.

Nàng đi vòng gác nhìn ra bốn phía, cũng đều như thế. Lại có vết ở ngoài vườn, trên luống rau, trên luống khoai, rau và khoai bị dẫm nát cả. Có lẽ là vết chân lợn lòi về đào trộm khoai chăng? Nàng đợi cháu đi chợ về, chỉ cho nó xem, nó sợ hãi lắm. Hai cô cháu bàn tán, chẳng biết vết gì. Tối hôm đó, cả hai cùng không ngủ, đóng cửa ngõ từ trước buổi sâm sẩm tối, lấy bàn ghế và gỗ chặn ngang cửa chính, xong tắt đèn đóm lên tận gác trên, hé liếp ngồi rình, mỗi người một xó. Đêm hôm ấy, có trăng khuyết, ánh sáng mờ mờ thỉnh thoảng mới lọt qua vùng mây ám mà tỏa ra một lúc, rồi mất ngay, trời đất lại tối như mực. Hai cô cháu rình lâu lắm; hết canh hai đầu canh ba bỗng thấy một cái bóng đen dài, lốt đi rất nhẹ nhàng trên thềm cát, đi vòng khắp nhà. Cái bóng ấy có hai con mắt lớn, đỏ rực như hai ngọn đèn; hai cô cháu nhận biết ngay là mắt hổ, vì vẫn nghe các người chung quanh vùng nói như thế.

Oanh Cơ sợ quá hét lên một tiếng, ngã lăn trên mặt sàn. Con quái vật kia, nghe tiếng động, vùng cẳng chạy mất. Thì ra một con hổ vằn lợn qua nhà nàng, đêm nào cũng vậy. Hai cô cháu nàng rình bốn năm đêm, đều thấy bóng hổ đi lại tuần tiễu quanh nhà, tìm kế leo lên sàn. Cả hai cùng lo ngại cực điểm. Rạng ngày thứ năm. Tiêu chạy ra chợ, tìm một thầy số dốt về. Oanh đặt tiền quẻ, kể đầu đuôi câu chuyện cho thầy số nghe, rồi khóc mà hỏi rằng:

- Nhờ thầy coi giúp cho cháu một quẻ, và xem có cách gì cứu cháu thoát nạn được chăng?

Ông thầy bấm quẻ hồi lâu, nghiêm nghị phán rằng:

- Cô không lo. Thọ mệnh cô vững lắm, chưa có thể chết ngay được. Ít ra, cô cũng còn sống được lâu nữa, bây giờ chưa đáng ngại đâu! Nó không làm gì được cô cả! Cô chỉ nên bỏ tạm chôn này lánh mình xuống thuyền ở vài tháng là tự nhiên nó chán, không theo cô nữa!

Ông thầy số đó chính là cậu ruột tôi. Trong khi ông đoán quẻ cho Oanh Cơ, nàng có thuật rõ cho ông nghe trường hợp gặp gỡ tráng sĩ Lê Trọng Việt ra làm sao, tình hình anh chị nàng bị thác ra làm sao, nàng được thoát nạn thế nào, câu chuyện tráng sĩ kể cho nàng nghe thế nào, và sự tráng sĩ giúp đỡ nàng những thế nào v.v... Sau này kể lại chuyện ấy tôi nghe cậu tôi nói:

- Lúc đó cậu thấy nàng bồn chồn kinh sợ quá, cậu cũng động tâm thương nàng, không muốn nói sự thực cho nàng phải lo nghĩ khủng khiếp. Theo quẻ, nàng có số cọp vô chết chỉ còn sống được dăm bảy năm nữa là cùng!

Không biết về sau nàng bị tuần nạn ở đâu, chỉ biết sau khi nghe thầy số bảo thì nàng bỏ tiền dành dụm ra mua một cái thuyền con, thu xếp đồ đạc, rồi khóa chặt cửa nhà lại, mang cháu xuống thuyền, bập

bềnh trôi nổi trên mặt một con sông con không xa hạt Đồng Giao mấy. Nàng yên trí lánh nạn như thế độ một hai tháng thì yên. Lúc bấy giờ sẽ trở về nhà cư tang anh chị như cũ, cho hết hạn hai mươi bảy tháng thì thôi, nhiên hậu đi đâu sẽ định liệu cũng không muộn.

Ngờ đâu đến ở trên sông, mà nàng cũng bị hồ theo rình để bắt. ngày ngày nàng ra đầu thuyền vo gạo rửa cá, nhìn lên bờ thấy ông tướng kia ngồi chồm chồm chỗ mắt nhìn nàng. Giá lần đầu, có lẽ nàng thất đảm ngã lặn xuống nước, nhưng lâu nàng cũng quen đi chỉ tắt tới bỏ gạo cá chạy thụt vào khoang thuyền mà thôi. Hồ rình chán, chả làm gì nổi gằm lên cút thẳng.

Oanh Cơ và cháu sợ hãi, nhỗ sào đi về khoảng sông rộng hơn, cắm thuyền tận giữa sông, không dám lại gần bờ. Như thế hồ không làm gì ra tận giữa dòng được, hai cô cháu sẽ khỏi bị nạn. Khôn nỗi tránh khỏi cái nạn hồ, lại khó qua nạn phong ba; đã không dám đậu thuyền sát kê bờ, mỗi lần có sóng gió thì còn gì là tính mạng. Nhất là hai cô cháu không phải nòi chài lưới, nhờ bị lật thuyền hẳn là chết ngạt chết trôi trôi! Hai cô cháu đều không biết bơi, thế mới lại càng nguy hiểm! Nghĩ cho kỹ, ở trên đất cũng chết, xuống dưới sông cũng chết, chả thà lên mặt đất còn hơn. Tử sinh hữu mệnh, thầy số đã cho biết mình còn sống được lâu nữa, sợ gì mà chả dám về sà ở như thường? Ta chỉ việc đóng cửa ngõ cho sớm, chặn cho chắc, lên tận tầng cao mà nằm, rút thang đi, nó giỏi mấy cũng không lên được. Ta cứ đứng đi đâu, ở tít trong buồng kín, dễ thường đã bắt được ta?

Nghĩ như vậy, chọn lúc mặt trời đúng Ngọ, nàng cắm thuyền vào một chỗ đông đúc, thu xếp đồ đạc, thuê một toán phu khuân vác và hộ nàng đi ngựa trở về Đồng Giao. Tính đốt tay, hôm nàng lại nhà sà chính là hôm cách sáu tháng về trước anh chị nàng bị chết nạn trong rừng.

IX - THẦN TRÙNG HỒ

Ông Cai Móm lại ngừng một lượt nữa để uống rượu và hút thuốc Lào. Biết tính ông hay hăm câu chuyện bằng những món sở trường ấy, Lê Thi và tôi đành dăm dăm ngồi chờ nghe nốt, không dám giục ông nữa sợ nếu làm cuống quýt lên, ông sẽ bị tinh thần rối loạn quên đoạn mạch rồi làm cho sự tích kém hay đi. May sao, ông không để hai vợ chồng tôi đợi quá. Ông hút thuốc Lào xong, vội vã kể tiếp: Bấy giờ Oanh Cơ trở lại ở đất Đồng Giao làm lụng khâu vá như thường. Bỗng một đêm, tự nhiên nàng thấy trong lòng bồn chồn khắc khoải, tuy nằm tận sàn trên, cửa ngõ đóng chặt và chặn kỹ lưỡng cả, thang cũng rút lên rồi, cửa gác đóng sập xuống rồi, thế mà nàng vẫn thấy lo ngại quá. Nàng cố ngủ đi cho đỡ mệt, thế mà không sao ngủ được, từ mấy tháng nay, có đêm nào nàng nhắm mắt được đâu. Nàng cùng cháu mỗi người một góc phòng, thắm thính. Lúc bấy giờ vừa hết canh hai. Bỗng nghe có tiếng đập cửa thình lình, cấp bách lắm:

- Mở cửa cho tôi với. Mau lên, cô Oanh ơi! Mở mau.

Đầu tiên, nàng nghe rõ cả, nhưng bấm cháu, cố làm thính không trả lời. Tiếng đập cửa lại gấp nữa.

- Tôi đây mà, tôi là Lê Trọng Việt đây mà! Mở cửa mau cho tôi, tôi bảo cái này cần kíp lắm, không thì chết cả bây giờ nào! Mau lên!

Nghe đến tên Lê Trọng Việt, nàng mới sai cháu thắp đèn lên, xuống từng sàn dưới dựng liếp, mở rèm, giơ đèn ra ngoài rọi xem. Quả nhiên là Lê Trọng Việt thực. Người cháu nhanh trí khôn, gọi Việt lại mé cửa song, vụt xuống cho Việt một cái chạc lớn, bảo tráng sĩ nắm vào chạc mà đu lên, còn một đầu thì người cháu cố sức kéo. Hi hục một lúc, tráng sĩ lần mò lên được, vội vàng cùng người cháu đóng liếp thả rèm cẩn thận, lấy gỗ chặn ngang cả cửa song, rồi cùng lên cả tầng trên, rút thanh lên, đóng sập cửa gác lại, bắc ghế để lên trên cho chắc.

Tráng sĩ vừa lên đến nơi, bỗng thấy Oanh Cơ rên một tiếng, rồi ôm bụng la ó vang lừng, lăn tũn trên giường xuống mặt sàn, giãy giụa khóc lóc. Hỏi nàng, nàng kêu đau bụng lắm lắm, vừa nói vừa quần quai dưới chân tráng sĩ, ôm lấy bụng mà kêu van.

Người cháu lại nâng đỡ cô, đâm lưng cho cô và lần trong bao, có một miếng mộc hương, bắt Oanh phải bỏ mồm nhai nuốt đi, mặc dầu nó đắng hơn mật gấu. Nuốt mộc hương rồi nàng vẫn còn kêu đau; được một lúc, đòi xuống nhà, ra vườn đi đại tiện. Tráng sĩ vội ngăn nàng lại nói rằng:

- Cô điên đấy hay sao? Bây giờ mà đòi xuống nhà, cô không sợ chết ư? Cô cứ phải ngồi đây. Cô cứ phải ở ngay bên cạnh tôi, chả được đi đâu cả. Tôi không cho cô xuống!

Oanh Cơ hết sức kêu khóc, một mực đòi ra vườn, nếu không thì chết mất. Tráng sĩ nhất quyết giữ chặt lấy nàng, mặc nàng kêu la khan cổ thì thôi. Mãi sau cùng, nàng đau dữ dội kịch liệt quá, cuống cuống cả lên, xé cả áo yếm, toan đập đầu vào vách tự tử nếu ngăn cấm không cho nàng toại ý xuống gác. Tráng sĩ bất đắc dĩ, phải tìm một kế hoạch mới, bảo nàng rằng:

- Cô cần kíp đi sông quá, mà không thể nào xuống được, thì âu là tôi mở liếp ra, cô ngồi vào bậc cửa này, thế cũng được chớ gì! Tôi chỉ có thể cho phép cô làm thế mà thôi, nếu cô không thuận nữa thì mặc

cô, tôi cứ bắt cô ở đây!

Lần này, Oanh Cơ bằng lòng, nhưng nàng không chịu cho ai sờ đến nàng cả, muốn cho hai người đàn ông, cháu nàng và tráng sĩ, để mặc nàng một mình ra cửa sổ, không ai được đến gần. Nàng chỉ rình cho tráng sĩ vô ý là lao mình xuống đất. Tráng sĩ hình như hiểu biết tất cả, chàng ghé sát mồm vào tai người cháu nói vài câu nhỏ, rồi giả vờ cho phép Oanh Cơ muốn làm gì thì làm. Người cháu lại gần Oanh bảo nàng:

- Nào! Cháu đỡ cô lại cửa sổ nào! Khi nào cô an vị rồi, cháu sẽ buông cô ra!

Kỳ thực, cậu ta giả vờ nói thế, nhưng lại gần đến liếp thì cứ nắm chặt lấy dây lưng và dải yếm của cô không buông. Oanh giằng co, mắng cháu tàn tệ, bắt cháu phải thả mình ra. Giữa lúc hai cô cháu đứng xung đột ấy, nhanh như chớp, tráng sĩ đã nhận được ngay dưới cửa sổ một cái bóng đứng thu hình ngồi đợi, rình hễ Oanh có vắng mình xuống là đỡ lấy đem đi. Chàng giả vờ lại mé cửa song, can ngăn hai cô cháu:

- Thôi! Cậu bỏ cô ấy ra, mặc cô ấy ngồi một mình!

Môm tuy nói thế, nhưng chàng đã dang cổ tay sắt chặn ngang tám cửa, bám vào vai Tiêu. Người cháu biết ý, chạy đem cái đèn dầu lại. Oanh giãy nảy:

- Ô hay! Đem đèn lại làm gì thế này! Tôi thẹn đến chết mất thôi! Ô kìa! Sao lại thế?

Rồi nàng mắng Tiêu, chửi Tiêu thậm tệ. Tráng sĩ chẳng nói gì cả, mặc nàng la ó; chàng sẽ hơi né đầu qua cửa sổ, xem xét tình hình một chút, nhận rõ đích xác tọa vị của bên địch, rồi rút trong lưng ra cái pháo địa lôi cùng hai chiếc dùi đồng. Nhanh như cắt, chàng dí ngòi pháo vào đèn, luồn tay qua vai Oanh ném mạnh cả pháo xuống thềm, ngay dưới cửa sổ.

Tiếng pháo nổ kinh thiên động địa xen với tiếng hổ gầm rung chuyển vùng lặng lẽ giữa đêm khuya. Tiếp những tiếng huỳnh huých nặng nề tỏ rằng một vật bị thương đương chạy bán sống bán chết. Oanh Cơ nghe tiếng nổ ngã gục về đằng trước, cháu nàng vội giơ tay nâng đỡ và vực nàng lại nằm nghỉ trên giường. Hồi lâu nàng tỉnh dậy, hỏi nàng vừa làm trò gì khi này, nàng chối rằng mê đi, chẳng biết đã xử sự ra làm sao. Thì ra nàng bị hồn ma ám ảnh ộp vào nàng để chực đưa nàng vào tử lộ. Bấy giờ tráng sĩ mới ngỏ cho nàng rõ chàng đã tình cờ cứu mạng nàng một lượt thứ hai. Chàng ngồi kể:

- Tôi vào đây chiều hôm nay, định vào thăm cô trước khi vào thung lũng mọi ngày để săn bắn. Song không hiểu vì đâu tôi lại nghĩ rằng: “Mình ở Nam vào, chẳng có quà bánh gì, lại chơi thì khó coi quá, âu là ta hãy vào rừng kiếm con cây con cáo, may ra nếu vớ được con hoẵng, con nai, mai đem về làm quà, nấu nướng đánh chén với nhau thì vừa lịch sự vừa thú vị!” Tôi nghĩ thế nên đi thẳng vào rừng lại chỗ nhà sàn của tôi. Tôi thấp hương đốt vàng khấn thần Linh thổ địa và các vong, rồi theo lệ thường, nằm chèo khoeo ngủ một giấc dưỡng thần, đợi đến đầu canh hai thì dậy. Không hiểu thế nào tôi chỉ chớp đi có một chốc, khi tỉnh dậy, thấy một sự rất dị kỳ.

Trước lúc tôi còn ở đây săn bắn, cây cỏ thụ chỗ tôi đóng đô tuy có nhiều rễ từ trên cành mọc xuống, song chưa có rễ nào mọc từ cành này liền qua cành kia. Đến nay, nó có nhiều rễ như thế lắm trầu xuống là là mặt đất, trông như một cái võng. Mới có sáu tháng mà rễ ấy đã chóng tốt thế! Tôi mở mắt dậy, lúc

ây vừa cuối canh một mà thôi, chưa qua canh hai. Tôi nhìn xuống gốc cây, thấy một con hổ đương phủ phục nằm đó, hình như ngủ. Song không phải nó ngủ, bởi chỉ một chốc, thấy nó vẩy đuôi, rồi chồm đứng dậy hai chân trước vúi vào thân cây, tựa hồ muốn đứng thẳng hai chân như người. Quả nhiên nó muốn thế thật. Mới đầu tiên nó phải dùng thân cây làm chỗ dựa để đứng lên, sau nó tập quen thì đứng vững được. Nó cố lê đi một bước, đặt dít ngòì lên những rễ cây uốn cong như vồng, còn hai chân thì vúi vào những rễ ở là là ngang mặt nó. Tôi ngòì trên cây, lấy làm kinh dị lắm, cố ngòì yên không cựa quậy, thử xem con quái vật kia giở trò gì mà càng ngày càng bí hiểm lạ lùng như vậy.

Con hổ an vị rồi thì lấy đuôi đập mạnh xuống đất, co chân sau lên khỏi mặt cỏ, làm cho mấy cái rễ cây lung lay, đưa đi đưa lại như vồng. Hình như nó cho sự bắt chước loài người như thế là thú lắm, nó ngòì chễm chệ, vênh váo, có vẻ tự tôn tự tại và đắc ý vô cùng. Nó ngòì như vậy trong giờ lâu, gằm gằm gừ gừ tỏ vẻ khoái lạc sung sướng tuyệt điểm. Bỗng thấy nó gằm lên một tiếng, nhưng gằm be bé thôi, không há hốc miệng ra “à uôm” như mọi ngày đâu. Có lẽ nó ra một mệnh lệnh nên khi vừa hét xong, có hai cái bóng hiện ra ngòì dưới đất, trước mặt nó: một người đàn ông, áo thâm, quần trắng, tay ôm một cây đàn dài, một người đàn bà áo thâm, váy thâm, khăn mỏ quạ, cầm một đôi gổ phách. Một kếp một đào. Tôi mới thấy, cũng đoán đó là ông cả và cô hai nhà ta vậy. Gia dĩ mặt trăng lười liềm lúc đó lại không bị mây che khuất; dưới ánh trăng mờ, tôi trông thấy ông cả và cô hai ngòì ngay ở chỗ cả đôi tuần nạn ngày hôm trước. Ông cả lên dây đàn rồi gảy, cô em theo nhịp gổ phách hát. Tiếng đàn ca nghe rõ mồn một, vang cả một vùng thung lũng. Lần này, thử tiếng tôi nghe, nó y như tiếng đàn hát của loài người, không có cái vẻ âm thầm xa lắc xa lơ như tiếng ma ngày nọ, cái thử tiếng mà tôi gọi là “bóng lời nói” ấy mà.

Ca hát lâm ly não nuột, tôi nghe cũng còn nhẹ nhàng khoan khoái cả tâm trí, nữa là hổ. Nó nghe tiếng du dương hình như ngòì ngủ gật gà gật gưỡng, vừa mơ màng vừa rung rinh đưa vồng theo nhịp đàn phách. Nghe như thế đến gần giữa canh hai. Bỗng thấy con hổ bỏ vồng, nhảy chồm lại cào cào ông cả, rồi cô hai. Vẳng nghe có tiếng than khóc và kêu van:

- Lay ông vạn lay! ông sinh phúc tha cho chúng tôi! Ông đã biết nhà em nó ở đâu rồi, ông cứ việc lại bắt nó, hà tất phải cần đến chúng tôi! Lay ông vạn lay.

Hổ nhảy lên chồm chồm, gằm gừ như thất ý, hành hạ hai kẻ bạc mệnh một lần nữa. Lại than khóc, cầu xin:

- Em nó còn nhỏ dại, ông tha cho nó? Vả nó xấu xí, hát còn kém cỏi lắm dờ hơn tôi nhiều, ông bắt nó làm gì. Nó còn thơ, da thịt hôi tanh, lại là đàn bà, bản thiú, ông xơi mà làm chi? Ông tha cho nó.

Đó là lời cô Huyền, Hổ nghe nói thế thì gằm thét lên, đánh, tát cào cào túi bụi. Hai oan hồn vừa tránh vừa né, vừa xin:

- Lay ông muôn vạn lay! Tha cho chúng tôi, chúng tôi xin dẫn ông lại bắt nó!

Hổ hát hàm, nhìn chỗ vào mặt hai oan hồn, như hỏi cách bắt ra làm sao. Có tiếng thưa lại:

- Canh ba đêm nay, giờ tý ông ngòì ở dưới thềm. Chúng tôi đến, làm cho nó đau bụng, run rủi nó xuống sàn, ra vườn đi rữa, ông sẽ vồ nó đem đi. Nếu nó không chịu xuống, chúng tôi làm cho nó phải đâm đầu qua cửa sổ phía tây nhảy xuống hiên, ông cứ việc chờ ở đó, đỡ lấy nó mà yên việc. Ông có bằng

lòng không?

Hồ gật đầu, lại ngồi ở vũng. Đàn hát nữa.

Tôi xem chừng kíp giờ lắm, chả mấy chốc đến canh ba; nếu tôi không về ngay, e mạng cô nguy lắm lắm. Tôi sờ tay nải, đếm xem có bao nhiêu chiếc pháo địa lôi, thì ra tôi đem đi tất cả hơn chục cái. Tôi theo phương pháp hôm nọ, đốt hai cái ném xuống cạnh hồ, nó vùng cẳng chạy mất, mà hai oan hồn cũng biến theo. Tôi chẳng quản đêm khuya trời tối, thu thập một vài khí giới giắt vào lưng, rồi cầm mã tấu trèo xuống. Muốn cho ác thú đừng theo tôi quấy quả, cứ vài chục thước, tôi lại đốt một chiếc địa lôi cho vang động cả vùng. Đốt xong tôi chạy, chạy được quãng xa, lại ngừng lại đốt, như thế về mãi tận đây sờ lưng chỉ còn mỗi một chiếc pháo. Tôi về kịp nên mới cứu cô thoát nạn, cũng là một sự may. Bắt đầu từ ngày mai, cô nên nghe tôi, đừng ở nán tại đây làm gì nữa. Có và cậu em hãy theo tôi cùng về Gội, ở với mẹ tôi là hơn. Cô nghĩ thế nào?

Oanh Cơ bấy giờ cảm động đến cực điểm, nàng không biết lấy gì để tạ ơn tráng sĩ đã hai lần cứu mạng cho nàng; nàng bèn thành thực thưa rằng:

- Em đội ơn anh rất dày, dầu gan óc lầy đất cũng không đáp đền được. Ngày nay em không còn ai thân thích nữa chỉ có một đứa cháu, vậy xin tình nguyện theo anh. Nếu anh quả có lòng thương, không chê em là ti tiện, không quản em là con nhà ca kỹ, thì em xin dùng quãng đời sống sót này để hầu hạ anh, nâng khăn sửa túi đỡ dần anh, dù phải làm phận tiểu tinh em cũng cam lòng. Tầm thân bằng giá này, em xin phò thác cho anh, gọi là để đáp lại may mắn tấm lòng trọng nghĩa của anh và ơn anh đã cứu mạng! Có lẽ cũng tại Trời xui khiến, nên từ buổi sơ thân, tình cờ đã chỉ bảo cho chúng ta biết thân em phải chọn anh làm chủ. Em đang lúc thụ tang, nói đến hôn thú thực là mang tội cùng với người khuất; song le, đến nỗi nước này, không thưa thực anh bấy nhiêu lời, cũng không được. Chỉ mong anh cho biết rõ một điều là anh có ưng thuận hay không, thế là đủ. Em sẽ theo anh về Nam. Bao giờ em hết tang trở rồi, lúc đó sẽ làm vợ anh, anh có đem em vào chốn rừng hoang núi thẳm em cũng cam lòng.

Vài lời tâm huyết xuất phát từ tim phổi, xin anh chớ cười em là người thô lỗ, không biết đắn đo lời nói, cũng như không biết thẹn thùng. Đối với anh, là người đã hai lần cứu em, đã săn sóc cho em trên giường bệnh trong nửa tháng trời, em còn phải e lệ ngại ngần làm gì nữa? Em một niềm kính cần giải bày tâm sự hầu anh, xin anh định liệu cho em được nhờ, cho phận em nào em xin bái lĩnh phận ấy!

Câu chuyện Oanh Cơ đến đây là hết, chả biết tráng sĩ trả lời nàng ra làm sao, chỉ biết ngày hôm sau chàng đem cả hai cô cháu nàng vượt đèo Tam Điệp đi ra Nam Định. Từ đấy, chả còn ai biết rõ tông tích Oanh Cơ nữa. Cũng chẳng biết nàng sống hay thác, còn hay mất, có thoát được nạn hồ bắt hay đã bị mãnh thú ấy tha đi vào rừng lau sậy để ăn rồi!

Duy có một điều chúng ta biết rõ, là hồn anh chị nàng vẫn thường hiện lên để đàn ca réo rắt, mà đến nay đã năm sáu chục năm rồi, hai oan hồn ấy vẫn chưa tan...

Ông Cai Móm nói xong câu chuyện, tôi trông đồng hồ trên vách thấy điểm hơn ba giờ. ông Cai phải ngủ lại trong trại của tôi, không về nhà được. Tôi nghe nói, cũng có phần tin câu chuyện của ông đúng sự thật, vì nó ý vị và rành mạch xem chừng không phải chuyện người ta cố ý bịa đặt ra. Tuy nhiên, tín ngưỡng của tôi cũng chưa lấy chi làm vững vàng lắm. Tấm lòng hiếu sự của tôi xui tôi dò xét xem lời ông Cai nói quả có đúng không hay là chỉ như những chuyện vu vơ mà người quanh vùng này thường

bàn tán? Phải trông thấy hai con ma đào kép, thì mới có thể tin rằng chuyện nàng Oanh Cơ có thực, không phải chuyện chơi. Phần nhiều, người trong hạt này, họ chỉ “văn kỳ thanh” mà thôi, rồi xây nặn ra đủ các thứ cổ tích, chưa ai dám có can đảm vào rừng dò xem bóng ma bóng quỷ nó ra làm sao.

Chỉ riêng một mình tôi có can đảm ấy. Tôi bắt ép ông Cai Móm phải đưa tôi vào cái thung lũng xưa kia làm trường săn bắn cho tay trắng sĩ đã cứu mạng nàng Oanh. Ông Cai hai ba lần ngăn tôi đừng nên đi, tôi nhất quyết không nghe, bắt ông phải dẫn đi xem cho kỳ được. Bất đắc dĩ, ông phải chiều lòng tôi. Ông bèn sắm sửa đủ khí cụ và khí giới để vào rừng, rồi hai thầy trò nai nịt gọn gang, rẽ lau vạch cỏ tìm vào thung lũng. Đi mất ba, bốn giờ đồng hồ mới tới một nơi um tùm đầy cây cối, cỏ mọc cao vút, lau sậy trắng xóa, rẽ cây cành cây chi chít, phải lấy dao bẩy phạt bờ bụi mới vào được.

Chúng tôi tìm đến một cây cổ thụ, luồn dây qua chẻ cành đánh đu leo lên, rồi lấy dao phạt bớt lá rậm, dọn một chỗ để ngồi. Chỗ đó có hai cành cây to mọc ngang, chỉ việc lấy một ít then tre hay một tấm phen gác lên trên là có cái sàn sạch sẽ thơm mát, có thể nằm ngủ được. Dọn dẹp chỗ xong rồi, hai thầy trò tháo bỏ các đồ đạc đeo trên vai, ngồi nghỉ một chốc, giở các đồ nguội ra ăn uống. Chẳng bao lâu, mặt trời xế bóng, sương bắt đầu nặng hột, tới đến lúc nào không hay. Hôm đó là một hôm có trăng sáng vằng vặc ngồi trên cây ngắm xuống thực không còn gì thú bằng. Cái cảnh sương rừng rậm, tôi đã từng quen lắm, hóa nên cũng không sợ hãi kinh khủng chút nào. Lòng hiếu kỳ làm cho tôi nhẩn nại và can đảm thêm, tôi cứ ngồi điềm tĩnh trên ngọn cổ thụ, đến xem ma sẽ hiện thế nào. Thì giờ bần bật trôi, chả mấy chốc hết canh một. Các thứ tiếng chung quanh người tôi nổi lên như một cuộc hòa nhạc âm thầm ảo não, chúng nó gồm đủ cả âm thanh cao thấp, khoan nhặt, thực là hết sức lạ lùng. Tôi tuy quen ở đồng rừng, thế mà chưa bao giờ tai được nghe hết mọi thứ tiếng kêu, tiếng hú, tiếng gọi, tiếng gầm, tiếng la, tiếng thét, như trong cái đêm hôm ấy. Giọng nói của rừng hoang là một giọng cực kỳ huyền bí, trong bóng tối âm u, tịch mịch, biết bao giống sinh vật, biết bao loài thảo mộc, giữa cuộc đua tranh vật lộn, phát ra mỗi giống mỗi loài một khẩu hiệu riêng, cái đục cái thanh, cái dài cái ngắn, để hòa thành một cái âm hưởng không tên tuổi, có thể ví được với tiếng âm âm, lạo xạo trong một ngày phiên chợ, hoặc trong một ngày hội hè tấp nập ở một chốn đô thành. Khó lòng tả rõ được cái vẻ ồn ào phức tạp ấy, chỉ có thể tưởng tượng ra nó mà thôi.

Giữa chốn rừng khuya, tôi có cảm giác là chung quanh người tôi có một vũ trụ đông đúc, tôi tuy không nhận được bằng mắt song thấy được bằng tai; thế giới đó bao bọc khăng khít lấy tôi, quay cuồng múa máy trên đầu tôi, dưới chân tôi, tựa hồ lấy tôi làm đích cho một cuộc khiêu vũ phi thường. Ông Cai Móm và tôi thu hết can đảm và trí tuệ, ngồi chờ xem một cuộc phô diễn hiểm có, sắp sửa xảy ra giữa cái vũ trụ hải hùng náo động ấy. Óc hiếu sự thực quả xui người ta làm lắm sự cầu kỳ, có khi đến quên cả sinh mệnh, chỉ có một ý định duy nhất trong tâm hồn là thỏa mãn được tính tò mò, mà nếu không như nguyện được thì ngồi đứng không an, bứt rứt khó chịu lắm. Bởi thế, dẫu vào nơi hang hùm tổ rắn, để được thỏa thích thói hiếu sự của mình, ta cũng chẳng từ nan.

Riêng tôi, tính tò mò sôi nổi trong trí não, ngồi trên cây nóng lòng sốt ruột lắm, chăm chăm chú chú nhìn vào chỗ rẽ cây uốn cong như chiếc võng chỉ ước sao ma hiện ngay ra cho xem mới cam tâm. Tôi đợi cũng chả lâu lắm: Vào khoảng giữa canh hai, một tiếng gầm to lớn khiến tôi phải giật nảy mình. Vừa định thần mở mắt nhìn, tôi đã thấy ngay trên cái võng rẽ cây một con cạp xám, to gấp rưỡi con hổ thường, da vằn đen vằn trắng, trông đẹp lắm. Ông tướng ấy ngồi chễm chệ như người, hai chân sau bơi bơi trên mặt cỏ để làm cho võng lúc lắc, mau lẹ vô cùng. Hai chân trước thì giơ thẳng về phía trước, không bám vào gì cả. Một chốc như thế, tôi vừa chớp mắt có một khắc con con, trông xuống lại không

phải cộp xám nữa, mà là ông cụ già đầu râu bạc phới, ngồi nghiêng nghiêng trên võng, tay để vào má, xem có vẻ trầm ngâm nghiêm nghị, tựa hồ đang nghĩ ngợi sự gì.

Tóc tôi tự nhiên bỗng thấy dựng đứng cả trên đầu, một luồng khí lạnh chạy khắp các mạch máu tôi, luồn vào sống lưng tôi, tôi nắm chặt lấy cánh tay ông Cai Móm. Giữa lúc đó, ông cụ cộp già kêu lên một tiếng, như ra một mệnh lệnh. Ông vừa dứt lời, ba cái bóng không biết từ đâu, bỗng phoi phới lướt trên mặt cỏ, lại đứng trước mặt ông rồi quỳ xuống lạy ông cung kính lắm. Đó là bóng một người, hình như đàn ông thì phải, áo thâm, quần trắng, búi tóc tay ôm một cây đàn giai; và hai người nữa tựa hồ như đàn bà, quần áo trắng toát, một làn tóc đen bỏ xõa sau lưng gần chấm gót, tay cầm vật gì đen đen, trông giống một cái then gỗ nhỏ. Cả ba cầm tay nhau làm thành một cái vòng, bao bọc lấy ông cụ già ngồi võng, rồi quay cuồng chung quanh ông cụ, trông chả khác gì đèn kéo quân. Có một sự rất lạ là dưới gốc cổ thụ chỉ chít những rễ cây giằng buộc lấy nhau, những cành cây, những lá cỏ, không có đủ chỗ cho người thường nhảy múa được. Thế mà ba cái bóng kia khiêu vũ như không có gì vướng cả, họ cứ lạng lượn phiêu phiêu trong không khí nhẹ nhàng dễ dãi vô cùng. Họ lượn quanh mình ông cụ một hồi, ông cứ ngồi gật gưỡng thưởng thức tán trò ấy như làm thú lắm. Bỗng ông thét lên một tiếng nữa, to hơn tiếng khi nãy nhiều. Sau mệnh lệnh thứ hai này, trong rừng tự nhiên hiện ra không biết cơ man nào là bóng, cái trắng lố, cái xám xám, cái đen sì đều cầm tay nhau thành mười mấy lớp vòng tròn bay lượn mé ngoài tường chừng một cuộc hội hè của lũ Mọi Châu Phi khi nhảy múa chung quanh thầy chết.

Thực là một quang cảnh lạ lùng hiêm có càng xem sống lưng càng thấy lạnh buốt mà tóc càng dựng ngược cả lên. Đó mới là bài học hay cho mấy kẻ tò mò hiếu sự như tôi vậy. Tôi cứ bám chặt lấy ông Cai Móm.

Trong khi khủng khiếp, khuỷu chân tôi run quá, làm tôi gần quỵ xuống, phải lấy gân để đứng thẳng người lên. Ai ngờ tôi hụt chân, bước ra ngoài then tre hụt chân xuống khe sán, suýt ngã dúi xuống trước mặt ông Hồ xám. Tôi kinh hồn thất đảm, trống ngực đánh như tim sắp vỡ, hoảng hốt kêu lên một tiếng vang trời. Ông Cai Móm phải vội vã đỡ lấy tôi, ôm chặt lấy nách tôi nâng lên, nếu chỉ chậm một khắc tôi sẽ bị lăn xông đất. Tôi kêu thét lên xong, chết ngất đi, không biết trời đất là gì nữa. Đến lúc tôi tỉnh dậy, thấy mình đương nằm trong buồng, trên chäng dưới nệm, và trước mặt có Lê Thi, Thu Nhi, cả hai đều ra vẻ lo ngại, trong khi ngồi trên một chiếc ghế đầu ở góc phòng, ông Cai Móm vừa chồm chồm cười vừa nhai bồm bồm một miếng trâu đỏ loét:

- Nào, thầy đã bằng lòng chưa? Lần sau có muốn vào rừng xem cộp nữa không, thì con lại dẫn thầy đi lần nữa!

Từ đấy trở đi, anh xem, tôi chẳng dám không tin lời ông Cai Móm, nhưng thực quả là các vàng cho kẹo, tôi đây cũng hết dám vào rừng. Đêm đêm tôi chỉ cùng Lê Thi ngồi diêm tĩnh ở một xó nhà, lắng tai chủ ý nghe xem có nhận được điệu hát đào mà thiên hạ nhao nhao nói đến. Nhưng tôi vô duyên hết sức; cái lần đáng lẽ được nghe thì chết ngất đi, phải có người nhà công về tận trại, còn những lần sau thì thức suốt mấy đêm rờn rợn mà tịnh chả thấy gì! Thế mà ai ngờ mới đến đây lần đầu, anh đã có diễm phúc nhận được ngay điệu ca nhạc đó!

Đây, diễn tích của điệu hát ấy dị kỳ là như thế, bây giờ anh đã rõ rồi. Có một điều tôi đoán được sau khi theo ông Cai Móm vào rừng, là có lẽ nàng Oanh Cơ cũng chết về nạn hổ. Bởi lẽ, đúng lý ra, chỉ có hai cái bóng ma hiện lên diễn trò hầu cộp, có sao tôi lại thấy những ba? Người thứ ba chắc hẳn là Oanh Cơ, theo anh chị chết chung một nghiệp. Song chẳng biết nàng chết bao giờ, chết nơi đâu và có

lấy được ý trung nhân là tráng sĩ Lê Trọng Việt hay chẳng? Điều đó hiện còn mờ ám lắm.

X - VÉN MÀN BÍ MẬT

Tôi ở Đồng Giao về, trong lòng lại canh cánh đeo thêm một 1 nguyên vọng thiết tha, trong ký ức lại tăng thêm một đoạn ký sử mới; nhưng bị trôi nổi trong cuộc mưu y, mưu thực thường ngày, tôi dần dà cũng chả có thì giờ đâu nghĩ đến hai câu chuyện ở núi Gội và Đồng Giao nữa. Mãi cho đến ngày tình cờ khiến tôi gặp gỡ ông Trần Công Chất, trong một trường hợp ngẫu nhiên khi tôi đem vợ con lên nghỉ mát tại Chapa.

Riêng tôi, tôi chả muốn đi xa diệu vợi làm gì, nhưng vợ tôi, Tuyết Tiên, cứ năng nặc đòi lên Chapa một lần cho khỏi thẹn với chị em. Không thể từ chối được, tôi đành theo ý vợ tôi.

Thế là, dắt díu bồng bế ôquan san ngàn dặm, thê nhi một đoànô tôi đi nghỉ mát Chapa. Cái cảnh đi nghỉ mát mà phải đeo đằng sau một bà vợ dềnh dàng cùng một lũ con nheo nhóc, thì còn gì là thú nữa? Còn gì thú nữa nếu tôi không gặp ông cụ Chất ngay trong mấy hôm đầu?

Cái cảnh rừng núi Chapa, không có gì là rừng sâu núi thẳm cả. Chapa là một hòn ngọc là một vườn hoa cao hơn mặt đất, là một nơi khí hậu đầm ấm, thảo mộc tốt tươi, non nước hữu tình. Những đường lối, những bãi cỏ, nhưng rừng cây ở đó sạch như ly như lau, có thể nằm trên mà ngủ không sợ bệnh tật gì cả. Không một con ruồi không một con muỗi, loài vắt thì thật là không có hẳn. Chapa không phải chỉ đẹp ở những rừng đào, thác bạc, đẹp ở những căn nhà xinh xắn dựng chênh chếch trên sườn đồi, Chapa còn đẹp ở chỗ khách đến đây cư ngụ toàn là tay chơi hào hoa lịch sự, con gái mơn mớn như trái đào vừa chín, con trai khỏe mạnh như các hiệp sĩ đời Chiến Quốc, thỉnh thoảng đánh con ngựa thồ lên dốc núi, dừng cương đứng lẫm liệt giữa vùng thảo mộc xanh tươi, gọi cho kẻ bàng quan một bức ảnh thanh kỳ, tưởng chừng có thể làm sống lại một thời oanh liệt của lịch sử...

Trước khi mắt được ngắm phong cảnh Chapa, ta hãy vượt hết một con đường xoắn ốc chừng ba mươi năm cây số, ngừng ngoằn lượn quanh sườn đá theo hình chữ chi, khúc khuỷu, cong queo, có từng đoạn chênh vênh hết sức. Trong cái thú đi chơi Chapa, có lẽ khoái lạc là con đường ấy cũng dự một phần. Một bên là sườn núi cheo leo hiểm hóc, một bên là hang sâu vực thẳm cây cối um tùm, mọc chỉ chít hai bên bờ một dải suối khổng lồ nước cuộn cuộn chảy nhanh như xuống thác, đương chảy thỉnh thoảng lại vấp phải một thân cây đổ bắc ngang qua khe, hoặc một tảng đá nhẵn lì nằm ngay giữa long, khiến vì thế lại bồng bột nhảy chồm lên, bọt bắn tung tóe trắng phau như muôn ngàn tia bạc... Trong khi đi đường xe ô tô không chỗ nào mở được máy ba cả, phải cứ mở máy hai, sè sè cần lấy đường thông thả lên dần. Đi chừng ba mươi ba, ba mươi bốn cây, khí hậu vẫn còn như thường, trong người vẫn còn thấy nực như khi chưa lên núi; thế mà gần đến địa hạt Chapa, thì tựa hồ như có phép tiên biến hóa, khí hậu thấy dịu đi ngay, mình bỗng cảm thấy hơi lạnh lạnh. Một khi tới hẳn nơi rồi, sự mát mẻ khoan khoái không tả xiết được. Chỉ từ sáng đến chiều, xem trong người cũng đã thấy khác ngay; nào là nhức đầu, khó ở, sổ mũi, hắt hơi, những bệnh vặt đó biến hẳn đi như bị thánh dược xua đuổi; đi chơi chỉ một chốc về nhà ăn cơm đã khỏe bằng hai ngày thường, mà sự tiêu hóa cũng rất lưu thông, không bị bí, bị trệ như ở chốn thị thành dưới chợ.

Nghỉ dưỡng sức mà lên Chapa, chả mấy chốc lành mạnh không cần uống thuốc, tinh thần mình cũng nhờ khí hậu mà sáng suốt tỉnh táo thêm. Tôi chỉ được lên Chapa có một thời hạn mười lăm ngày, khi về lấy làm quuyến luyến, tiếc rẻ, không muốn về nữa. Nếu không có vợ tôi, Tuyết Tiên, nhất định bắt tôi

phải trở xuống Hà Thành, thì có lẽ tôi cứ ở lì tại Chapa, dầu phải sống nghèo nàn kham khổ cũng cam lòng - chúng tôi đi chơi là do sự tình cờ, ai ngờ sự tình cờ ấy rất hữu ích cho tôi, giúp tôi được đủ vật liệu viết xong quyển tiểu thuyết này. Tôi đương bị tâm trí bứt rứt vì chưa tìm được ra bí thuật để giải quyết một vấn đề mà óc tôi đang suy tính: vấn đề tìm ra nguyên ủy của câu chuyện tráng sĩ không đầu ở núi Gôi. May thay đặt chân lên đất Chapa tính tò mò hiếu sự của tôi được thỏa mãn đến cực điểm; không những tôi gây dựng lại được một đoạn bí sử ngày nay đã bị vùi lấp hẳn trong gấm dĩ vãng xa xăm u ám, không những tôi đem được hẳn bí sử ấy ra ánh sáng, tôi còn được hạnh phúc biết rõ sự tích của hai bóng oan hồn ở núi Gôi, và dây liên lạc của sự tích đó với câu chuyện rừng rợn tôi đã nghe ở Đồng Giao trong cái đêm mưa gió được nằm êm ấm bên cạnh Lệ Thi và Thủy.

Người đàn ông giúp tôi đi ngược dòng thời gian để làm sống lại cuộc đời Oanh Cơ và hai tráng sĩ bị tử hình, người đó là ông cụ Trần Công Chất, một cụ già thâm nho thuộc về thế hệ trước, sống lạc loài ngơ ngác trong xã hội mới này, nhưng vẫn thành kính nhậm nại thờ quan niệm cổ hủ của ông cha, không bị ánh sáng lộng lẫy rực rỡ của kim tiền làm lu mờ mất tính tình, nhân cách. Tôi ngẫu nhĩ được gặp cụ Chất trên chuyến xe lửa Hà Nội - Lào Kay, giữa lúc đang bồn chồn thấp thỏm không biết vợ chồng chúng tôi sẽ trú ngụ ở đâu một đêm trước khi đáp ô tô lên Chapa nghỉ mát. Tuyết Tiên và tôi bàn tán cùng nhau về cách xử sự thế nào trên đất lạ, hai chúng tôi đều tỏ vẻ lo ngại, rì rầm suy đi tính lại mãi không thôi, nhất là khi tàu sắp tới ga Phố Mới, sau một ngày lúc lắc trên một con đường gay go khúc khuỷu vô cùng.

Thấy dáng bộ lúng túng của Tuyết Tiên xoắn xoe chung quanh mấy đứa con thơ và mấy va li đồ đạc, hết dặn bảo các con lại điểm sửa soạn hành lý, một ông cụ già ngồi ngay cạnh chúng tôi từ ga Hà Nội, bỗng tự nhiên quay lại phía tôi:

- Tôi xem chừng hai thầy cô đi nghỉ mát Chapa thì phải ỉ!

- Thưa cụ vâng! Thưa cụ cũng đi Lào Kay?

- Không, tôi về Chapa chớ? Tôi có nhà ở đó! Tôi di cư lên Chapa đã mười mấy năm nay rồi, từ lúc nhà nước mới bắt đầu khai khẩn hạt ấy.

- Vậy ạ? Tha cụ chúng cháu hỏi khí không phải: chúng cháu lên nghỉ mát lần đầu, chả có ai quen thuộc cả, muốn xin cụ cho chúng cháu ở đậu ít ngày, chẳng hay như thế có phiền chăng? Cụ có thể vui lòng dung nạp chúng cháu chăng?

Ông cụ cười khà khà ra vẻ nhân từ hiền hậu lắm:

- Nếu thế thì quý hóa quá! Thầy cô có lòng yêu hạ cố đến tộ xá thì còn gì bằng! Tôi tuy già rồi, nhưng nhà vắng lắm, chỉ có một đứa con gái đã lớn và một thằng con nhỏ mà thôi. Thầy cô ở chơi làm bạn với tôi, tôi rất vui lòng. Tôi xin làm hướng đạo cho thầy cô!

Tuyết Tiên hết sức mừng rỡ, vội vàng cho hai con lại lạy chào ông cụ, cụ vuốt ve hai cháu một cách rất âu yếm tưởng chừng như cháu ruột cụ vậy. Tàu đến ga Lào Kay cụ săn sóc cho cả bầu đoàn chúng tôi, dắt chúng tôi về ở Thiên Nhiên khách sạn. Chúng tôi thuê hai phòng, một phòng cho vợ con tôi, một phòng cho tôi và ông cụ cơm nước xuềnh xoàng cho qua bữa, rồi tôi xin phép ông bạn già mở va li thiết một bàn thờ Phù dung dới sàn gạch.

Tôi lấy làm sung sướng đến tận tận khi nghe ông cụ tỏ ra cho tôi rõ ngài cũng là một tín đồ của Nương tử; cho hay những kẻ cùng chung quan niệm thường hay được hội nhau trong những dịp tình cờ! Nếu thế, hà tất tôi phải nằm đất để nhường giường cho ông cụ; chúng tôi khiêng bàn tĩnh lên chiếc phản độc nhất của gian phòng, để cùng nhau được hưởng khoái lạc lim dim “đi gió về mây” sau một cuộc hành trình khó nhọc.

Thực không bao giờ tôi ngờ được rằng tôi có thể, vì hai bữa nha phiến, mà ngẫu nhiên viết lên một pho tiểu thuyết; giá cứ mỗi lần cùng chị Phù dung tình tự, tôi cũng được diễm phúc như thế, thì dù phải hết sức khổ sở điều linh vì thuốc phiện, tôi cũng không hối hận than thở nổi gì! Tối hôm đó, câu chuyện của cụ Chắt và tôi chỉ loanh quanh ở những vấn đề làm ăn, ở lai lịch tôi và thân thế cụ Tôi được biết qua loa, cụ là nòi Thổ, mẹ nương bản xứ mà cha người Kinh; thừa bé có xuống Hà Thành học tập rồi được bổ đi phán sự ở các miền Cao Bằng, Hà Giang, Lào Kay và Phong Thổ. Sau khi làm việc được hơn hai mươi năm, cụ xin về hưu, lên an cư tại Chapa, chỗ mà cụ cho là kỳ quan đệ nhất. Tôi cũng kể cho cụ nghe tông tích và chí hướng tôi, sự tích nhân duyên của Tuyết Tiên, con một nhà đại phú hào chốn kinh đô với tôi, là một nhà văn sĩ nghèo nàn nghiện ngập.

Nghe tôi nói, cụ chỉ gật gù điểm một lời rất ôn tồn, song chứa đầy triết lý:

- Chả qua chỉ là duyên nghiệp cả! Ai mà tránh khỏi nghiệp duyên tự mình, mình đã gây nên?

Điều chú, điều anh thì giờ êm ả bần bật trôi, không biết đã lướt qua bao nhiêu độ. Tuyết Tiên và con tôi ngủ im thin thít trong phòng bên cạnh, chỉ còn tôi và cụ Chắt nằm lim dim, nửa mê nửa tỉnh, giữa một vùng lặng lẽ âm u. Bỗng đâu tôi mơ màng thấy bên cạnh có bóng dáng một thiếu phụ áo quần trắng toát, tóc lòa xòa phủ kín ngang vai, giữa ngực một dòng máu tươi phọt ra đỏ sẫm. Tôi giật mình thức dậy, mồ hôi đầm ướt cả sơ mi. Ngọn đèn dầu lạc lụn bốc tỏa ra một thứ ánh sáng lơ mơ, gian phòng tối vắng đìu hiu nhuốm một vẻ thê lương ảm đạm..

Không dám chợp ngủ nữa, tôi khêu to ngọn bấc, tiêm thuốc hút để xua đuổi những tư tưởng rùng rợn đến ám ảnh tôi. Khói thuốc xanh cuộn cuộn tỏa khắp phòng, tựa hồ có mãnh lực thiêng liêng gạn lọc sạch trong không gian những bóng hình ma quỷ. Tiếng kêu vo vo của điều thuốc thu dần vào nhĩ tẩu chẳng khác gì một điệu kèn làm huyền não quăng u tịch thê thảm của canh trường. Tiếng vo vo ấy kinh động giấc ngủ thiu thiu của cụ bạn già ngài mở choàng mắt dậy.

- Thừa cụ xơi với con vài điều nữa cho vui, con sợ quá, không dám ngủ.

- Làm sao mà thầy sợ?

- Con vừa chợp mắt đi, thấy ngay một bóng ma đàn bà trắng lớp, giữa ngực có một vết thương máu tuôn đỏ chói, đến sờ tay lạnh buốt vào tay con, con giật mình tỉnh dậy mồ hôi ướt đầm khắp mình...

- Thôi, đích thị rồi! Ấy là con gái ông Hường Quyền, bị người nhân tình ghen đâm chết trong phòng này đó! Chị ả chết đến năm nay đã mười mấy năm rồi. Ra cái thứ ma chết oan lại bắt đắc kỳ tử này nó sống dai dẳng thật, có khi đến mấy chục năm mà vong hồn vẫn chưa siêu linh!

- Bẩm cụ cũng tin là có ma?

- Thầy hỏi lạ chưa! Có chứ sao không? Ma là giống ở cõi âm cũng như mình là loài ở cõi dương, có gì là lạ! Ai ở địa hạt người ấy, miễn đừng xâm phạm đến nhau, đừng làm hại đến nhau thì thôi!

- Thưa cụ, mình có làm gì họ mà họ hại mình?

- Có chứ! Nó không thể xâm phạm đến mình được, nhưng nó chòng ghẹo mình thử chơi. Cũng tựa hồ như mình nói đùa con cái vậy. Một đôi khi, có lợi cho nó, thì nó tìm kế tàn sát mình nữa, tỷ như lũ ma trành chả hạn...

- Bẩm cụ, con nghe nói trên các miền thượng du này có rất nhiều chuyện ma kỳ quái chẳng hay có đúng hay chẳng? Con tuy chưa bao giờ ở lâu tại đồng rừng, nhưng cứ như mắt con đã thấy ở núi Gội và tai con đã nghe ở Đồng Giao, thì con phải tin rằng, trong cõi âm u lạnh lẽo của linh hồn, có nhiều sự kỳ dị hết sức. Con xin kể cụ nghe hai chuyện này, may ra cụ có thể chỉ giáo cho con được chút nào bổ ích chẳng, vì sống trước con bốn năm chục năm, có lẽ cụ đã từng nghe nói về hai sự tích đó?

- Vừa tiêm thuốc mời ông cụ Chát, tôi vừa dằn dả kể hầu cụ hai huyền bí hiểm lạ lùng mà tôi đã tường thuật trên đây. Cụ như chăm chú nghe tôi lắm, thỉnh thoảng lại cười mỉm và gật gù thưởng thức lời tôi. Khi thuật xong, cụ không đợi tôi phải hỏi, nói ngay rằng:

- Thầy với tôi hẳn phải có tiền duyên, nên mới gặp nhau tình cờ như hôm nay đó! Đã là bạn có duyên với nhau tôi nhẽ nào chẳng bổ chính thêm vào câu chuyện của thầy cho có ngành có ngọn, khiến thầy có thể, một ngày kia, đem hiến cho người đời. Quả như thầy đã tường, tôi có thể giúp thầy gây dựng lại sự tích nàng Oanh Cơ được. Hai câu chuyện thầy vừa kể, mặt ngoài tuy không có liên lạc gì mật thiết với nhau, song, bề trong chính là do một gốc mà ra cả.

Ai ngờ một chuyện bị chìm vào dĩ vãng ngoài năm chục năm rồi, bây giờ lại còn có người moi móc lên được? Giá thầy không gặp tôi, chuyện đó sẽ không có cớ gì lý thú đáng ghi chép cả, nó chỉ là hai đoạn dã sử rời rạc mà thôi. Đã gặp tôi, tôi đem hai đoạn ấy chấp liền làm một, biến chúng thành một thiên bi sử ly kỳ. Ngoài tôi ra, hiện thời này, thực không còn ai có thể giúp thầy làm nên việc ấy! Tôi nói ngoài tôi, bởi tôi là người độc nhất vô nhị giấu trong ký ức thiên bi sử ly kỳ đó. Thầy đã có duyên với tôi, thì tôi xin kể thầy nghe!

Ông cụ nói đến đây, ngừng lại một chút. Tôi càng nghe ông. càng như nở từng khúc ruột, tai tôi nuốt lời ông một cách thèm nhạt, ngon lành. Tôi thấy mở đầu đã khá dài, cũng hơi nóng ruột muốn đi vào đầu đề tức khắc. May sao, ông cụ Chát không để tôi mất công chờ đợi.

Đêm hôm ấy, lại bên cạnh chiếc khay đèn nha phiến, cũng trong một gian phòng lặng lẽ âm u, tôi được hót trên môi ông bạn già lai lịch của hai võ sĩ ở núi Gội, cũng như tôi đã trên môi anh Thủy, làm quen được với một đóa hoa vô cùng mỹ lệ và biết một phần sự tích của nàng Oanh Cơ!

Trong hoàn cảnh đêm đó, chỉ kém có một cái bóng yêu kiều: Lê Thi. Một cái bóng khác, may sao, tự nhiên đèn bù vào chỗ thiếu; Tuyết Tiên không hiểu vì đâu không nhắm mắt được, có lẽ cũng như tôi sợ con ma đàn bà bị đâm chết, nên mở cửa phòng sang nghe chỗ chuyện dưới chân chông, vẽ lên nền vàng xám của bức tường khách sạn một hình ảnh mảnh khảnh, dịu dàng, tha thướt như thông lay, buồn rầu như liễu rủ...

XI - ĐẸP DUYÊN CẨM SẮC

Hồi ấy, nghĩa là cách đây đúng 56 năm, mùa xuân năm Giáp 1, Thân (1884), ngày 16 tháng 2, thành Bắc Ninh thất thủ về tay Pháp. Hai đạo binh dưới quyền của hai thiếu tướng De Négrier và Brière de l'Isle, một mặt qua sông Hồng Hà, theo dọc sông Đuống, một mặt ở Hải Dương, đi tàu tới Phả Lại rồi đổ bộ, cùng men bờ sông Nguyệt Cầu tiến đánh Bắc Ninh.

Trận ấy, quân Pháp chỉ mất độ tám tên binh và độ vài chục khẩu súng. Quân Tàu Cỏ Đen, núng thế, rút cả về Yên Thế, còn trơ quân An Nam thế cô, phải côi giáp lai hàng. Một vị quan binh đứng đầu cai quản đội binh ta hồi ấy trong thành Bắc Ninh là lãnh binh Lê Vũ Khúc. Ông là dòng dõi cự thân nhà Lê, tuy không phải tôn thất, song tổ tiên ông đã làm quan tới chức Công Khanh, ba bốn đời nối tiếp nhau trong hàng tứ trụ. Sau bốn năm thế hệ văn quan, trong họ bỗng đổi nghề nghiên bút sang nghề cung kiếm, tổ phụ Lê lãnh binh xuất thân cử võ, làm tới Ngũ quân Đô thống, thân sinh ông làm Sơn Nam Đề Đốc, đến đời ông khí nhuệ nhụt đi chút ít, ông chỉ làm tới Chánh lãnh binh thôi.

Khi thành Bắc Ninh có cuộc xung đột binh đao, Lê công đứng trên mặt thành đốc thúc quân sĩ, hợp với quân Cờ Đen kháng chiến cùng binh Pháp.

Phải một tốp lính phía dưới thành bắn lên, ông bị một phát trúng dưới xương vai, một phát trúng tay phải, rơi mất ba ngón tay. Biết mình khó lòng chống cự được nữa, Lê công bèn nhảy vào trong thành, theo đường hầm chạy khỏi chiến trường, rồi lên ngựa phóng thẳng một mạch về chỗ đất phong ấp của ông, ở cách thành Bắc Ninh hơn một dặm. Gia đình ông ở cả trong ấp đó. Ông vừa phi ngựa tới cửa chưa kịp vào đến sân thì ngã gục xuống, lịm đi. Vực vào nhà ông cứ thế thiếp dần, máu chảy ra lênh láng, không trời trăng câu nào cả.

Lê phu nhân hồi đó mới non bốn mươi tuổi, bà sống với hai người con trai đã khôn lớn, một người mười bốn, một người mười hai. Cậu cả tên Lê Mạnh Khôi, cậu em là Lê Trọng Việt. Hai anh em được mục kích cái chết thảm thương của thân phụ lấy làm đau đớn lắm; tuy còn thơ ấu nhưng cũng đã cảm thấy sự tử biệt sinh ly là một nỗi thường tâm thông thiết nhất trên đời. Hai anh em giúp mẹ tắm rửa cho cha, khâm liệm tử tế và an táng cho người bị chết nạn chiến tranh vì tận tâm báo quốc.

Thành Bắc Ninh bị hạ rồi, khi loạn lạc đã yên yên, ba mẹ con thu thập đồ đạc, bỏ đất phong ấp ở Bắc Ninh rút về an cư lạc nghiệp ở núi Gôi, là quê quán tổ tiên hai anh em Khôi và Việt.

Về đến tổ hương, mẹ dệt cửu vá may để nuôi cho hai con ăn học, theo các trẻ con trong làng, sang đình thụ giáo một ông đồ. Hai anh em họ Lê rất nhác, chẳng bao giờ thuộc bài vở sử kinh, chỉ toàn trốn thầy đi với lũ trẻ con du thủ du thực, tìm đến chân đồi chơi đánh trận giả và tập dượt quyền cước. Thầy đồ nhiều phen căng nọc đánh cho rất đau mà hai anh em vẫn không chừa, cứ ham mê nghề võ hơn nghề văn. Bà từ mầu ngày ngày hết sức khuyên răn, Khôi và Việt thờ mẹ rất hiếu thảo nên lại quỳ xuống xin lỗi mẹ và hẹn sẽ ra công chăm chỉ học, nhưng đến hôm sau, vắng mặt mầu thân thì vẫn chứng nào tật ấy như thường.

Dần dần, bà mẹ biết rằng máu truyền thống chạy trong huyết mạch hai đứa con mình còn sôi nổi hăng hái lắm, nên cũng chỉ bảo ban lấy lệ mà thôi, còn mặc cho hai anh em Khôi, Việt được tự do luyện tập gân cốt, không ngăn cản nữa. Thành thử đến năm sáu năm sau, cả hai cùng to lớn khỏe mạnh, rõ ràng

một đôi lực sĩ hùng dũng, oai phong. Từ khi góa chồng, Lê mẫu làm lưng chằm chỉ, để dành để dụm, thu xếp tảo tần, khi bỏ ắp ở Bắc ra đi, có bao nhiêu của cải thu vén đem cả về Nam Định; nhờ thế cũng có ít nhiều ruộng nương phong phú, đủ túc dụng một đời. Hai anh em Khôi, Việt, kịp đến tuổi trưởng thành, bà chưa có thì giờ lo bề gia thất cho hai con thì tự nhiên lâm bệnh, rồi lúc khỏi, liệt mất cả hai chân, không làm ăn gì được nữa. Hai anh em phải ở nhà lo liệu công việc giúp đỡ mẹ già. Tuy nói là giúp đỡ, nhưng kỳ thực hai cậu ảm chả được việc gì có lợi cả, bà mẹ ngồi một chỗ mà vẫn phải để tâm coi sóc đến công chuyện hàng ngày. Ruộng nương thì bà cho cấy rẽ, cứ đến vụ là có gia đình đi thu thóc lúa về, hai cậu ảm chỉ phải trông lữ người nhà, đừng để chúng ăn bớt ăn xói, thế là đủ. Lúc bán lúa cho hàng xáo, thì cũng đã có các vú bô đếm tiền đóng thóc, chả bận gì đến cậu ảm cả và cậu ảm hai.

Những buổi không phải coi sóc người nhà, ngoài vụ mùa màng và vụ bán chác, hai anh em lại chia nhau, anh ở nhà với mẹ già ba tháng, em đi ngao du săn bắn nơi xa; rồi em lại trở về nhà ở ba tháng trong khi anh được tự do đi chơi đây đó. Cậu hai Việt hay vào mạn Đồng Giao săn bắn, mỗi khi cậu đi vắng, thì cậu cả có thềm thuồng lăm cũng không dám rời mẹ đi chơi nót, chỉ quanh quẩn vào chợ Ghềnh lưng hươu nai hay chồn cáo một hai ngày mà thôi. Nhưng hễ cậu hai quay gót trở về, lại tha hồ cho cậu ảm Khôi muốn vượt bể băng ngàn tới đâu mặc sức.

Một buổi sớm, cậu Việt về nhà bỗng thấy vẻ vui mừng tươi tỉnh, song chỉ vui mừng tươi tỉnh được ít hôm đầu. Vui tươi xong, cậu bỗng đâm ra thần thờ, vớ vẩn, tựa hồ thần hồn thần trí bị một cái gì ám ảnh; có ngày cậu buồn thiu buồn thiu chả nói một câu nào, bà mẹ có hỏi thì cậu gượng cười chốc lát, nhưng phút sau, lại trầm ngâm mơ tưởng nhớ nhung ai. Thấy anh cả đi vắng lâu, cậu lộ ra vẻ sốt ruột lăm chỉ ngong ngóng ra đứng cửa chầu chực, đợi cậu Khôi về suốt ngày.

Mong rờng ra ba tháng, cũng chả thấy, mãi gần sáu tháng mới gặp cậu ảm anh trở lại, tải về một xe gạc hươu nai và hai tấm da báo, một tấm da cạp và một bộ hồ cốt. Anh em chả kịp hàn huyên nữa; cậu hai thấy có anh về thì mừng quýnh vội vàng thu xếp hành lý ra đi ngay. Lần này cậu đi chơi có non nửa tháng đã về, đem theo một người con gái mặc tang phục, và một đứa trẻ độ 14, 15 tuổi.

Từ trước tới nay, có nhiều nhà phú hộ và danh giá trong vùng Gội, thấy hai anh em họ Lê con nhà võ tướng, và rất khôi ngô tuấn tú, có ý muốn gả con cho. Mỗi lái có đến nhà ngõ lời cho Lê mẫu biết, bà cụ hỏi ý kiến hai con, song cả hai cậu, chẳng cậu nào bằng lòng lập gia đình cả.

- Lạy mẹ, anh em chúng con còn ít tuổi, có đi đâu mà vội! Mẹ còn trường thọ nữa, vì lão niên đói tật là một số rất tốt. Nếu mẹ cho phép chúng con, thì chúng con sẽ tự chọn lựa lấy người bạn trăm năm chẵn gối, như thế sau này chúng con chẳng còn oán thán nỗi gì! Duyên số là một sự tình cờ mà thành, chớ biết thế nào mà chọn lựa?

Lê mẫu nghe hai con trình bày như vậy, cũng vui lòng chiều ý không ép uống nữa. Hai anh em vì trọng võ thuật, cũng chả nghĩ đến sự lấy vợ. Tới khi Việt thỉnh linh đem một người con gái ở đâu về cả nhà đều lạ lùng kinh ngạc hết sức. Cậu hai đem nàng ấy vào lạy mẹ và lạy anh, rồi đầu đuôi sự thể thế nào, thú thật cả một lượt cho mẹ và anh rõ. Lê mẫu mới hay thiếu nữ đó là nàng Oanh Cơ quê ở làng Bàn Thạch tỉnh Thanh Hóa, bồ côi cha mẹ và hiện không còn ai thân thích họ hàng. Bà và cậu ảm cả thấy Oanh Cơ thùy mị dịu dàng lại thướt tha kiều diễm, nên rất vui lòng đẹp ý, nghĩ ngay đến sự cho phép nàng và cậu hai Việt sánh đôi. Cậu hai cũng chỉ mong ước có thế, thôi lúc nghe mẹ và anh nói trúng tâm can mình, cậu bất giác đỏ một tía tai, phần vì thẹn, phần vì mừng, phần vì thương anh thương mẹ

đã nghĩ đến hạnh phúc trăm năm của mình, không hề cản trở ý định của mình một chút cón con nào cả.

Cậu Việt vội bẩm mẹ là nàng Oanh còn có trở anh chị nàng bị chết trong khi vào rừng gặt cọt, phải đợi nàng trờ phục đã mới sẽ bàn đến chuyện thành thân. Từ đó, hai cô cháu Oanh Cơ ở hầu hạ Lê mẫu như hầu hạ mẹ già, không có lòng muốn đi đâu nữa. Mà cậu ấm hai cũng nhường anh đi xa săn bắn; về phần cậu, cậu chỉ muốn ở nhà thần hôn định tỉnh bên gối huyên đường mà thôi.

Hơn một năm sau, nàng Oanh Cơ mặc áo quần hồng, quần khăn vành dây, che quạt lượt đỏ, lạy Lê mẫu hai lạy để trở nên mợ hai Việt. Lửa uyên ương mới cả ngày chỉ quần quít lấy nhau, yêu mến nhau cực điểm, khiến mẹ già trông thấy cũng vui lòng. Trong gia đình họ Lê từ đó, càng ngày càng thêm vui, thêm thịnh; Oanh Cơ đã từ đâu đem về cho Lê mẫu sự an nhàn thư thái, đem về cho cậu Hai sự hạnh phúc êm đềm. Từ ngày có nàng, Lê mẫu không phải nai lưng cáng đáng công chuyện trong nhà nữa. Bao nhiêu việc tần tảo thu vén gặt lúa, bán thóc, một tay nàng coi sóc được hoàn hảo, vẹn toàn.

Nàng là người không những chỉ có thanh có sắc, nàng còn khéo léo đủ đường, tề gia nội trợ đảm đang khôn xiết. Nhà họ Lê có nàng thì phòng ốc cửa ngõ ngăn nắp đầu vào đây; thêm gạch, sân hầu bao giờ cũng sạch sẽ thơm mát. đồ đạc giường chiếu bao giờ cũng ngay ngắn chỉnh tề; cơm bao giờ cũng ngon, canh bao giờ cũng ngọt; trong gia đình bao giờ cũng êm thấm yên vui. Lê mẫu nhiều phen ngồi bên ngọn đèn dầu đọc sách xem con dâu dệt cửi, thỉnh thoảng gấp sách ngừng đọc, trông Oanh Cơ một cách yêu đương âu yếm, bảo nàng rằng:

- Nay nhà hai! Mày về làm dâu mẹ, mẹ chả còn có điều gì trách móc được. Mẹ bình sinh không có con gái, nay được con mẹ quý mến biết bao! Nhất là tất cả mọi việc trong nhà, con một tay thu xếp gọn gàng yên ổn cả, khiến mẹ được ăn không dưong lão, mẹ còn gì mà chả vui lòng? Sau này mẹ nếu thác đi, buổi lâm chung thực mẹ không ần hận oán than gì nữa! Duy chỉ có một điều là anh con chưa có vợ, vợ chồng con thì chưa có con, nếu hai sự ấy nhất đán nhờ Trời Phật, đều được như lòng mẹ ước, thì mẹ dù nhắm mắt cũng sẽ mãn nguyện đủ trăm bề.

Bà cụ mong như vậy, ai ngờ ước mong của bà nó linh hiệu làm sao! Chẳng bao lâu, nàng Oanh thụ thai, khiến bà thiếu chút nữa mừng quá mà chết. Mãn nguyệt khai hoa, Oanh cho ra đời một đứa con gái nhỏ giống mẹ như tạc, lại được có vẻ khảng khái lắm liệt của cha. Trong gia đình nhờ có đứa trẻ càng tăng hạnh phúc êm vui; cậu Việt, từ buổi có con, chỉ quần quít chung quanh mình vợ, hầu hạ con như một ông bố trung thành tận tụy.

Riêng chỉ có Khôi thì vẫn không quên nghề nguy hiểm, ở nhà lâu không săn bắn tập luyện là thấy chồn chân khó chịu vô cùng. Chàng thường đi đây đó suốt năm, ở nhà nhiều nhất chỉ được độ vài ba tháng. Mỗi kỳ ở nhà, Khôi lại bắt Việt theo mình ra chân đồi múa võ, sợ em lâu ngày không rèn tập thì gân cốt yếu hèn đi. Bởi thế, cứ độ nào có Khôi, thì Việt phải tạm xa vợ xa con một ngày hai buổi, cùng anh ra dượt võ ở ngoài đồng. Lâu dần thành một thói quen hể cứ anh đi vắng thì thôi, lúc nào anh có nhà, Việt lại cùng anh đối thủ. Hai anh em tựa hồ rất có tin ngưỡng trong nghề quyền cước; họ thi nhau trở tài không phải để cố ý ganh nhau, cũng không phải để khoe khoang tài nghệ mình trước mặt công chúng. Công chúng đây là vài ba người nhà quê hiền hậu, chất phác chả hiểu cung kiếm là gì. Lắm khi hai anh em họ Lê rượt nhau chạy bên mình họ, họ cũng vẫn thản nhiên điem tỉnh cày bừa, không buồn để ý đến. Tuy họ không chú ý ngắm nhìn hai cậu ấm luyện võ, mà trong làng, từ trên chí dưới chẳng ai là người không rõ hai anh em họ Lê là một đôi tráng sĩ hùng dũng, săn bắn rất giỏi có sức địch nổi muôn người. Tiếng đó đồn đãi rất xa; quanh một vùng từ Bình Lục đến chợ Ghềnh, Đồng Giao, rất

nhieu tay hào kiệt, rất nhiều đảng lực lâm, đều mộ tiếng cả hai chàng Khôi, Việt.

Hai chàng giỏi võ nghệ gần đến nơi tuyệt đích thế mà không bao giờ dùng sức mạnh của mình để làm một sự gì phạm pháp hoặc mưu công danh tài lợi trong đời. Hai anh em chỉ an cư ở thôn quê sinh hoạt bằng mười mẫu ruộng và bằng nghề săn hươu, nai, beo, cọp; họ thờ mẹ chí hiếu, đối với anh em vợ con, thân bằng cố hữu chí tình, tính không có một dục vọng cao kỳ nào cả.

Ai ngờ đâu xử thế đến như vậy mà cả hai đều không tránh khỏi dây oan nghiệt đến chằng vào cổ; một ngày kia Khôi Việt cùng bị tình nghi phải bắt giải lên Tỉnh lý, rồi chẳng bao lâu bị khép vào án tử hình. Thực là vạ gió tai bay, chẳng ai hiểu vì đâu nên nỗi. Có kẻ hiểu sự len lỏi vào gia đình hai cậu ấm bàn tán rằng chẳng chỉ vì Oanh Cơ mà cửa nhà phút chốc tan tành. Họ nói:

- Phàm giả những đóa hồng nhan rực rỡ và hoàn hảo quá chỉ toàn là những binh khí giết người. Muội Hỉ làm chết vua Kiệt, Đắc Kỷ làm chết vua Trụ, Tây Thi xui Phù Sai vong quốc diệt thân mà Bao Tự khiến U Vương táng mệnh, còn Quý Phi thì làm Minh Hoàng sống cũng như thác; thực quả đàn bà đẹp là cái mầm tai họa đến cho đời! Đến vương bá bị những vưu vật đó còn thiệt thân mất nước, nữa là người thường tránh sao khỏi nạn tan cửa nát nhà!

Câu nói ấy, tuy quá độc địa, song cũng có một phần sự thực. Sắc đẹp nàng Oanh Cơ quả là một duyên có trọng yếu khiến chồng và anh chồng nàng bị cái nạn đoạn đầu. Hai anh em họ Lê bình sinh hay đem nhau ra thí võ ở chân đồi làng Gội, đều bị đao phủ hành hình tại chỗ đó.

Oan hồn, sau khi lìa khỏi xác trong một trường hợp cực kỳ thảm thiết, vì uất ức nên không tài nào tiêu tán được, nhất là vì hai tráng sĩ chết rồi, lại không được họ hàng lập đàn cầu nguyện cho tinh thần chóng được siêu thăng. Hấp thụ mãi khí thiêng liêng của non sông cây cỏ, hai vong hồn đó lâu dần hóa ra một thứ ma có đủ tư cách hiện hình về được, hiện về chẳng để dọa nạt hay làm hại ai cả, nhưng chỉ để diễn lại một bài quyền xưa kia họ ngày ngày hằng tập luyện ngõ hầu khi trong cái thế hệ mới mẻ này vết tích một nỗi thương tâm uất ức của một thời dĩ vãng một nỗi đau thương do "*oan nghiệt*" dật thành...

XII - TỬ BIỆT SINH LY

Thường thường, trong xã hội cũng như trong gia đình, hễ cứ thịnh vượng quá thì càng dễ bị suy vong; cũng như một vết trên bánh xe, khi lên đến đỉnh tuyệt cao rồi thì tự nhiên tụt dần xuống dưới. Hạnh phúc trong nhà không bao giờ hoàn toàn mỹ mãn quá; hoàn mỹ quá tức là một cái mầm tai nạn, bởi lẽ Hóa công hình như hay đùa ghen với sự sung sướng tuyệt đích của loài người.

Oanh Cơ từ ngày về làm dâu họ Lê, đem về cho họ ấy đủ mọi sự phong lưu nhàn hạ. Cửa nhà ngăn nắp thóc lúa đầy kho, tiền bạc chật hòm. Lê mẫu không còn phải lo toan gì nữa. Gia dĩ Oanh lại sinh hạ được một đứa con nhỏ, sự vui vẻ trong gia đình thực quả như pha lê không vết, ai ai cũng đều sinh hoạt đầy đủ, mãn nguyện, chẳng có nỗi gì oán thán hay ước muốn viễn vông. Hoàn cảnh yên vui êm ấm đó tưởng đâu có thể lâu bền vĩnh viễn, bởi lẽ anh em cậu ấm không hề làm sự gì ám muội phạm pháp, cũng không vì bon chen danh lợi mà bôn tẩu, sinh ra các mối oan thù.

Ai ngờ đâu Trời Già không để cho yên, bỗng run rủi và gió tai bay đến phá nát hạnh phúc nhà họ Lê trong nhột sớm. Căn nguyên tai và đó rất là vô lý thế mà cũng xui nên hai kẻ mất đầu!

Sở là trong buổi sơ khai, nước ta còn nhiều đảng giang hồ trộm cướp tụ tập binh lính quấy nhiễu lương dân và kháng cự cùng nhà nước. Cứ chỗ nào có rừng cao núi cả khó lòng mang quân đến tiêu trừ được là chúng quần tam tụ ngũ, bầu một tên chánh sai, rồi lập ngay một sào huyệt, một cơ sở để làm nghề không vốn muôn lời. Những nơi hiểm trở như các miền Yên Thế, Chợ Ghè, Đồng Giao, Phồ Cát, các mạn thượng du xứ Bắc kỳ và các hạt giáp giới với dải núi giăng màn xứ Trung kỳ, phần nhiều là có giặc cỏ, kẻ cướp ẩn nấp ở trong các truông lau, bãi sậy, các thung lũng eo hẹp ở chen vào những lớp núi cao ngất, gồ ghề dựng đứng như bức tường cheo leo, thẳng vút, các nơi hoang vu cô tịch ở phía tây hạt Đồng Giao như mấy vùng Thạch Thành, Cẩm Thủy, La Hán, Hồi Xuân, toàn là các trường mai phục có địa thế, có thắng lợi, giúp cho một tên giặc mang súng ống nấp trong hang hốc bờ bụi có thể một mình địch nổi vài chục binh lính nhà nước.

Thủa ấy, trong muôn ngàn đảng giặc cỏ lau nhau chui rúc trong kẽ rừng hốc đá, như ở các vùng núi non hiểm trở tả trên đây, có một vài đảng rất cường thịnh hiển hách, quân nhà nước lùng bắt trừ khử mãi không xong.

Có một đảng, trong các bọn tho khấu cường thịnh đó, gồm độ vài trăm tên lâu la dưới mệnh lệnh của một tay cuồng nho phần chí tên là Nguyễn Quán hoành hành ở biên giới hai xứ Bắc và Trung kỳ, nhất là ở các vùng Thạch Thành, Cẩm Thủy, Phồ Cát Đồng giao; thanh thế lan dọc từ Bim Sơn, đến Chợ Ghè, ngang từ Phát Diệm tới mãi Nho Quan, Hồi Xuân và La Hán.

Đám giặc cỏ ấy thường thường vào các làng cướp bóc lương dân, hãm hiếp đàn bà con gái, phá nhà thờ, bắt cổ đạo, ngang tàng đốt phá, đến đâu thì xưng hùng xưng bá, sát hại khổ chủ dọa nạt dân nghèo, bắt trâu dê gà lợn mổ xẻ làm tiệc linh đình chè chén với nhau, xong rồi vợ vét đầy túi, kéo cả đàn lần tránh tản mát vào các hang sâu khe hẻm trong núi, không tài nào tróc nã được. Quan quân truy tầm lùng bắt đã riết lắm, thế mà chúng vẫn chưa bị sa vào pháp luật bao giờ.

Tên đầu sỏ, Nguyễn Quán, là một kẻ không chỉ lắm mưu gian kế quyết, lại còn giỏi võ nữa. Hắn có mặt khẩu súng hỏa mai thập bát hường, nghĩa là bắn luôn được 18 phát không cách xa nhau mấy, lại có một

con dao găm hai lưỡi rất lợi hại, rạch người như mổ lợn, không hề khó nhọc chút nào. Ngoài hai thứ khí giới đó, Quán còn biết sử dụng một ngọn roi gân hổ mà hấn múa vù vù, trông không thấy người đầu nữa, khiến tên bắn khó lòng trúng hấn được. Có thể mà thôi đâu, hấn lại còn sở trường môn ném chuổi tiền; chuổi tiền hấn tung ra bách phát bách trúng, phi đoạt được gươm giáo của bên địch, cũng làm cho kẻ thù ngã quỵ xuống bị trọng thương. Võ nghệ của Quán thực là gần tới chỗ tuyệt đích. Nếu không giỏi như vậy, hấn đã làm sao thâm phục được lũ đầu trâu mặt ngựa làm lâu la giúp hấn?

Hấn cứu tụi con em trong đảng đã nhiều phen, trong những trường hợp cực kỳ nguy khốn, hóa nhiều đứa từng chịu ơn cứu tử nên hết sức trung thành tận tụy với hấn. Tuy giỏi đến đâu thì giỏi, Quán cũng có ý gìn giữ phòng thân, sợ có khi bị người ta ném ám khí thì thiệt mạng. Bởi vậy hấn bèn chọn trong bọn lâu la, bốn tay giỏi võ nghệ nhất để làm bốn kiện nhi hộ vệ theo hầu.

Bốn tên kiện nhi đó, đáng lẽ bốn phận là phải bảo trợ chủ tướng trong cơn nguy biến; ai ngờ lại chính là Nguyễn Quán phải giữ gìn tính mạng cho chúng, mỗi lần có những cuộc xung đột gay go! Bảy tám phen, giá Quán không giở đến tài nghệ bắn súng, ném dao, quất roi, hay ném tiền, bốn tên hộ vệ ắt bỏ mạng từ lâu.

Chúng chỉ được mỗi một việc là giúp chủ tướng mà thôi, là vây bọc chủ lại, tả một đứa, hữu một đứa, tiền một đứa, hậu một đứa, để ngăn người ngoài ném trộm các ám khí. Ngoài sự che chở đó, chúng không được việc gì nữa. Bởi thế Nguyễn Quán vẫn có ý phàn nàn chưa chọn được cặp tả hữu nào có nghệ thuật siêu quần để được nhờ mà khỏi bị hao công tổn lực, để mỗi lần có cuộc huyết chiến thì chúng gánh vác hộ cái phần nguy hiểm gian nan. Mỗi lần đi cướp bóc ở đâu, Quán xem chừng công cuộc phải làm to, thì thân đi đốc suất lâu la đánh phá; nếu đoán là "tiếng bạc" hôm ấy bé thì chỉ nằm một chỗ, phái một hai tên thủ túc thay mình quản lĩnh là xong. Cũng do lẽ ấy, hấn cần phải có bốn tay chân xứng đáng. Bốn tên hộ vệ lúc ấy chưa phải là những người đáng mặt thay quyền Quán mà cai quản được bọn lâu la, dầu bọn ấy không lấy gì làm đông cho lắm. Quán có ý muốn tìm hai võ sĩ có bản lĩnh, có can trảng để rủ vào phe đảng mình, rồi giao cho cái chân phó soái họa may hấn sẽ được an nhàn đôi chút.

Có kẻ mách hấn ở vùng Gôi có hai thiếu niên tráng sĩ dòng dõi võ tướng, vì lỗi thời nên không lĩnh ấn công khanh. Hai người đó chính là hai cậu ấm con quan lãnh Lê, võ nghệ đều siêu quần xuất chúng, tính tình thì cương trực anh hùng.

Nguyễn Quán nghe tiếng hai anh em Khôi, Việt đã lâu vẫn có lòng hâm mộ và cảm phục tài năng của hai chàng song chưa có dịp nào làm quen cả. Nay nhân người tiến cử, hấn bèn tự thảo một phong thư sai kẻ tâm phúc đưa đến Gôi cho họ Lê, trong thư đại ý nói rằng:

"Bỉ nhân trộm nghe đại danh hai công tử đã lâu, thường ao ước được một phen tương ngộ. Đáng hào kiết tất phải lấy nghĩa xử nhân; bực anh hùng lẽ đâu chẳng lấy ân xử với hai người trí thức? Từng mảng hai tấc hạ là người khoáng đạt, chí cao xa; vậy nên bỉ nhân đây, cơm Mạnh Thường mong đãi khách hiền lương, vàng Trịnh Bá rắp tặng người tuấn kiệt. Bằng hai tấc hạ sẵn lòng giúp bỉ nhân cho hùm thiêng thêm cánh, thì ngoài giữ chân tay, trong làm lòng dạ, chúng ta tuy Nguyễn Lê khác họ, rồi sẽ như Hồ Việt một nhà; nghĩa vườn đào rạng tiếng khách ngàn xưa, chúng ta há chẳng biết noi theo để cùng gây sự nghiệp?... xin hai công tử xét cho lòng thành thực này chớ có từ nan: được như thết bỉ nhân sẽ lấy làm vạn hạnh! Vạn hạnh!"

Hai anh em Lê Mạnh Khôi và Lê Trọng Việt được thư ấy vội vàng trả lời cho sứ giả đem về. Trong tờ phúc đáp, lời lẽ ngọt ngào khiêm tốn; hai cậu ấm tỏ ý rất ân hận, không thể cùng Nguyễn Quán cộng tác được vì có rằng mẹ già vợ đại, lại "tông đường chút chứa cam lòng" nên không thể dứt tình bỏ cửa nhà vào núi để đeo roi cấp kiếm theo hầu dưới trướng Nguyễn Quán được. Vậy xin ông chủ tướng kìa hãy tìm những người phò tá khác. Và chẳng, hai anh em lại tự lượng mình không có tài cán gì, không có thao lược gì để giúp cho Nguyễn gây nên cơ đồ lộng lẫy cả. Muốn cho Nguyễn khỏi bị thất vọng về sau, chỉ bằng ngay lúc đầu tiên, đừng để cho nhau tưởng tượng quá sâu xa về những công cuộc vĩ đại hay về một cuộc hiệp tác hảo huyền.

Hai cậu ấm Lê tuy đối phó một cách quyết liệt với sự mời mọc của tên đầu đảng cướp, nhưng bề ngoài vẫn dùng lời lẽ thanh tao lịch sự, không ai bắt bẻ nổi hoặc giận dữ vào đâu được.

Tưởng như thế tất là yên câu chuyện, không xảy ra điều gì rắc rối, khó khăn; ai ngờ đâu vì mảnh thơ vô tình kia hai anh em bỗng lâm vào một tình thế gian nan, càng ngày càng nguy hiểm, không tài nào gỡ thoát...

Ở một làng cách núi Gôi chừng hai ba mươi dặm, một đêm kia bỗng xảy ra một vụ cướp to. Quân cướp đề phòng không được cẩn mật, để mưu kế chúng bị bại lộ, khiến quan quân biết trước, đến mai phục chung quanh nhà sự chủ và căng lưới sẵn sàng để dụ cường đạo vào trong. Quả nhiên sau một trận xung đột kịch liệt mười lăm tên gian phi bị thương chịu cho quan quân trói lại, mười hai tên khác thì tử trận, duy có tên đầu đảng và một ít lâu la trốn thoát được mà thôi. Hỏi ra mới biết tay chủ tướng khôn ngoan ấy là Nguyễn Quán. Y sở dĩ tẩu thoát được, một là vì có súng, hai là nhờ bốn tay thị vệ hết sức xông xáo che chở hộ y. Trong bốn tên ấy, ba tên bỏ mạng trong trường xung đột; đứa thứ tư thì bị bắt vì mang một vết trọng thương giữa đùi. Có sao bốn thằng kiện nhi đó lại hy sinh tính mệnh cho chủ một cách anh hùng như thế? Căn nguyên sự hy sinh này mới kỳ dị làm sao! Chính là bức thư Nguyễn Quán đã viết cho hai anh em chàng họ Lê đó! Vốn từ lâu, Nguyễn Quán vẫn có ý phàn nàn về những tay hầu cận mình không được giỏi, bởi thế mới viết thư dụ dỗ hai anh em họ Lê vào phe đảng giúp mình. Bốn tên hầu cận bị chủ tướng khinh rẻ, lấy làm căm tức ngấm ngầm trong lòng, nên dịp khi lâm sự, chúng mới hết sức trổ tài thi nhau che giấu đỡ đạn cho Quán, để tỏ rằng nghệ thuật của chúng nào kém gì tài cán hai gã họ Lê. Ngờ đâu vì hăng hái quá, chúng đều bị những miếng đòn độc ác của quan quân mà chết, chỉ còn một đứa sống thì rồi cũng bị què và tàn tật suốt đời. Cái kết quả của một sự tức giận nhất thời đó là như thế. Kết quả ấy càng chua cay thê thảm bao nhiêu, nó càng làm cho tên kiện nhi sống sót nghĩ thương tiếc anh em đồng chí, bực tức số phận hẩm hiu mà thâm thù thâm oán hai anh em Khôi, Việt bấy nhiêu.

Bởi thế, khi giải về dinh Án sát để lấy khẩu cung, tên gian tặc ấy không ngáp ngừng gì cả, khai ngay rằng muốn bắt được Nguyễn Quán, cứ việc đem tra tấn hai chàng thiếu niên võ sĩ đã giúp ngầm y trong các cuộc cướp của đốt nhà. Hai thiếu niên đó là con quan lang Bắc Ninh: Lê Mạnh Khôi, Lê Trọng Việt...

Tai nạn nhà họ Lê bắt đầu từ buổi ấy; đương lúc cả nhà chung hưởng hạnh phúc thái bình vui vẻ, hai anh em bị bắt đem đi, ngờ ngác không hiểu vì đâu lại xảy ra cơ sự lạ lùng như vậy. Lê mẩu kinh khủng lo lắng, bỏ ăn bỏ ngủ; Oanh Cơ thì khóc lóc suốt ngày. Về phần Nguyễn Đức Tiêu, cháu Oanh Cơ, sau khi hai công tử bị giải lên tỉnh rồi tống lao, chàng bèn vội vã thu xếp hành lý theo lên Nam Định để đem cơm nước quà bánh cho hai người bị nạn và dò la xem tin tức thế nào.

Việt và Khôi bị bắt vừa được hai ngày thì sáng hôm thứ ba, các quan trên tỉnh về khám nhà họ Lê tại núi Gôi. Trong cuộc khám xét, chẳng bắt được giấy má gì quan trọng cả, duy chỉ tìm ra được bức thư của Nguyễn Quán mà thôi. Thầy thư ký thông ngôn theo quan Chánh cảm đến khám nhà Oanh Cơ, thấy nàng thùy mị dịu dàng, cứ chòng chọc ngắm nhìn nàng mãi, khiến nàng phải sợng sùng e lệ, cúi gằm mặt xuống không dám ngừng lên nữa. "Gái một con, trông mơn con mắt", gia dĩ nàng Oanh lại có sắc đẹp tự nhiên vẹn vẻ, hóa nên thầy Thông ngôn càng mê đắm mê say, thầy tiến đến bên cạnh nàng, lộ ra vẻ hiền từ phúc hậu bảo nàng rằng:

- Bà chớ lo! Tôi xin tình nguyện làm giấy má hộ bà, để bà đầu đơn khiếu nại cùng nhà nước!

Oanh Cơ tưởng đây chỉ là lời nói dối bôi cho đẹp chuyện ai ngờ thầy Thông nói sao làm vậy, ngày hôm sau vội đến nhà họ Lê thảo các đơn từ từ từ rồi đọc cho Oanh Cơ và Lê mẫu nghe. Xong thầy xin hai mẹ con ký tên vào đơn rồi đệ trình lên quan Án. Khi thầy Thông ra về, hai mẹ con Oanh Cơ cảm chút tình sẵn sốc đến người có nạn, đem gạo tiền ra tiễn, song thầy Thông một mực chối từ nhất định không nhận.

Cách đây ít lâu, chẳng biết Tòa xử và tuyên án ra làm sao, chỉ rõ ngày 26 tháng ba, đầu giờ Mão, anh em công tử họ Lê bị điệu về núi Gôi, trói vào hai chiếc cột đóng thấp thấp ở một sườn đồi. Mười hai tên đạo tặc đồng đảng với Nguyễn Quán cũng bị trói như thế chung quang mình hai cạu ẩm.

Trên sườn đồi, trước mặt lũ tội nhân, nền đất bị san phẳng để dựng một cái rạp lớn, chung quanh có tinh kỳ đỏ ỏi, gươm giáo sáng quắc, tàn quạt uy nghi. Trong rạp, trên một chiếc ghế bành đằng trước có bày hương án, một ông quan áo mũ chỉnh tề, cân đai bồi tử trịnh trọng, ngồi chễm chệ uy nghi, sắc mặt nghiêm nghị đượm vẻ sát khí lạnh lùng. Diện mạo cứng cỏi đó thực là hợp với vẻ long trọng thê thảm của pháp trường. Bên mình Giám trăm quan có các viên bộ hạ, các lính tráng theo hầu và một bộ đàn sáo bát âm. Hai bên trước cửa rạp, một bên là giá trống cái, một bên là giá chiêng đồng; hai tên lính mặc quần áo chèn vàng nẹp đỏ, chân thắt xà cạp điều, cầm dùi đứng chực sẵn.

Trong hoàn cảnh lạnh lùng nghiêm nghị ấy bỗng thấy một người đàn bà vừa khóc sụt sùi như mưa gió, vừa thất thểu tiến đến. Thiếu phụ đó mặc đồ sô gai trắng, bỏ tóc xỏa, đội mũ mấn che lấp cả mặt mũi hóa nên không ai nhận rõ được dung mạo nàng. Nàng bỗng một đứa con thơ, rẽ đám người đi xăm xăm vào tận giữa pháp trường, tới gần một tội nhân nâng đứa hài nhi cho anh ta hôn hít, đoạn phủ phục dưới chân anh ta khóc nức nở, nói không ra tiếng.

Phạm nhân đó nào phải ai xa lạ, chính là công tử Lê Trọng Việt mà thiếp phụ kia, ấy là nàng Oanh Cơ. Nàng Oanh Cơ ngồi xếp xuống đất, bên cạnh chồng, ruột gan quần quai như đứt ra từng đoạn một, cảnh sinh ly tử biệt, tự nhiên đến hủy hoại gia đình êm thấm nhà nàng, nó tàn ác quá, đau đớn quá, khiến nàng không còn tâm hồn nào nữa, không còn đủ trí giác và tinh thần sáng suốt để tìm ra một lời lẽ gì thông thiết khóc chồng và từ giã anh chồng. Nàng cứ quỳ móp dưới đất. Cậu ấm hai, trông thấy vợ con, lòng cũng tan nát, không thể cầm được nước mắt. Nhưng đã đến trường hợp này cậu đành phải cúi đầu nhẫn nhục trước sắc lệnh cay nghiệt của định số, thổn thức bảo vợ rằng:

- Em khá mau về đi, đừng ở chốn rơi thịt đỏ máu này làm gì! Ngày nay anh sở dĩ đương tuổi thanh niên mà bỏ vợ con, chịu bất đắc kỳ tử một cách thảm thiết thế này, chẳng qua chỉ vì tiền oan nghiệp trái đó mà thôi, có cưỡng cũng vô ích! Thân phụ chúng ta, xưa xông pha trong vòng khói lửa, chém giết tàn sát cũng nhiều, các oan hồn bởi thế mới theo dõi dòng họ ta mà trả thù, báo oán! Đến lúc vận trong nhà

suy bĩ, lại có cả hai con ma rừng thừa trước cũng hùa vào tác quái, mạng anh nghĩ cho kỹ, thực là khó nổi bảo toàn! Em còn nhớ câu chuyện ma rừng anh thuật lại cho em nghe trong cái đêm vắng vẻ, khi hai ta mới bắt đầu gặp gỡ nhau không? Thôi, em khá về đi! Anh sống khôn chết thiêng, sẽ theo dõi bóng em, phù hộ cho em mãi mãi! Em còn trẻ, có nhan sắc; đời em còn chứa chan hạnh phúc, em chớ nên nghĩ luôn luôn tới kẻ khốn nạn này làm gì! Anh phúc mỏng đức bạc, không được cùng em thủy chung trọn nghĩa; một mai anh chết rồi em nên quên hẳn anh đi, chọn lấy một kẻ xứng đáng trao thân gửi phận, may ra sau này sẽ không đến nỗi khổ nghèo hèn! Còn như đối với anh, duyên số hai ta chỉ còn đến đây là đoạn tuyệt! Em đừng nên quá câu nệ, nghĩ vắn vơ mà chịu thiệt thòi cả một đời xuân trẻ tốt tươi! Thôi, anh nói thế đủ rồi, em đứng dậy về đi đừng bịn rịn dùng dằng nữa.

Lê Trọng Việt căn dặn vợ vừa xong, thì có một tốp lính vâng lệnh Giám trăm quan, cầm roi đến xô đuổi Oanh Cơ ra ngoài. Nàng bèn đặt phịch đưa con thả xuống bãi cỏ, bỏ mặc nó khóc oe oe, thụp xuống lạy anh chồng hai lạy, rồi lạy chồng hai lạy, vừa lạy vừa khóc lóc rất thảm thương. Đoạn nàng bế cháu lại hôn bác, nâng con cho hôn cha, rồi bỗng nó lủi thủi bước ra khỏi vùng cấm địa của pháp trường. Nàng đi mươi được vài bước đã nghe tiếng loa nổi dậy như một hiệu còi thảm thiết, bi ai, tiếp đến một tiếng trống trầm trầm và một tiếng chiêng lanh lánh. Tùng! Bi ly! Nàng ngoái đầu lại, hốt nhiên hoa mắt choáng váng, ngã gục trên thảm cỏ...

Thì ra mỗi tiếng loa, tiếng trống chiêng báo hiệu như thế là một mệnh lệnh khai đao. Dao phủ mặc áo chèn đen, thắt dây lưng điều buộc thành tua ra phía tả múa may giữa đám tử tù, cứ mỗi lần nghe dứt tiếng chiêng sau cùng là hắc khoa thanh mã tấu đưa một linh hồn về chín suối!... Bãi chân đồi núi Gôi ngày nay chỉ còn là một cảnh hiên lành phẳng lặng có ai hay nó đã làm sân khấu cho một tấn tuồng cực kỳ bi đát mà những vai đào kép bấy giờ đều đã khuất, chỉ còn lại sự tích thương tâm của họ, và hai mảnh hồn oan nghiệt phiêu phiêu tán tụ, thỉnh thoảng lại hiện lên chốc lát để kỷ niệm lại cho đỡ tiếc cuộc đời trai trẻ đầy hy vọng, một sớm mai chẳng may bị cắt đứt dưới lưỡi gươm tên đao phủ vô tình!

Hai cậu ấm chết rồi, chẳng mấy chốc Lê mẫu cũng buồn thảm mà chết theo, Oanh Cơ trước kia sống nghèo nàn cô độc nay cũng lại sống nghèo nàn cô độc, cùng một đứa con th ấu và một đứa cháu vị thành niên. Bao nhiêu sản nghiệp trong nhà, lúc hai cậu ấm Lê bị tù tội, đã đem bỏ cả ra lo lót, thậm chí bán cả vườn cả ruộng mà gỡ cũng không xong! Những đơn từ và mọi công việc chạy chọt, bởi có cậu Nguyễn Đức Tiêu còn bé dại nên nhờ ơn thầy Thông ngôn coi sóc hộ từ trước đến sau. Thầy Thông ngôn thực quả là người quý hóa. Giữa khi trong nhà lâm biến, thầy một lòng tình nguyện đến đỡ đàn dù khó nhọc thế nào cũng chẳng từ nan. Những buổi lấy khẩu cung ở giữa tòa, thầy đã cố ý bênh vực che chở cho hai anh em họ Lê, song quan trên nghiêm khắc quá, nên không tài gì làm giảm tội được chút nào! Kịp đến khi chồng nàng và anh chồng nàng bị hành hình rồi, thầy lại tự đứng lên giúp đỡ mọi việc ma chay tổng táng rất là tươm tất. Thấy cô cháu Oanh Cơ lâm thế quẫn, nghèo nàn chả có tý gì thầy nhiều phen giúp tiền, giúp gạo, đối với gia đình nàng rõ ra một vị ân nhân hào hiệp. Thầy Thông không những chỉ phúc hậu, từ tâm, thầy còn là người đứng đắn nghiêm trang nữa; trước mặt một quả phụ trẻ đẹp như Oanh Cơ, không hề bao giờ thầy có một lời bõm xòm bõm bãi cả.

Mãi đến khi nàng hết tang chồng đã hơn một năm, lúc ấy thầy thấy gia đình nàng quẫn bách quá, mới sai mỗi lái lại hỏi nàng và đưa cho nàng một lá thư đại ý như sau này:

"Tôi xem chừng cái thế bà không thể đứng một mình như thế này được mãi, vì cứ thế, bà lấy kể gì mà sinh nhai và nuôi hai cháu còn thơ? Như bà không có lòng tục huyền thì thôi, tôi không dám nói. Còn nếu bà liệu phải bước đi bước nữa bởi tình thế bó buộc thì tôi có một lời này tâm sự

mong bà rộng lượng xét cho! Tôi đây cũng góa vợ đã lâu không có con; ở trong cảnh cô tịch quanh hiu mãi lấy làm buồn lắm. Chi bằng có sự này là lương toàn hơn cả: chúng ta cùng hợp nhau lại để gây một gia đình tươi vui đầm thắm, tưởng nhưng kẻ nơi chín suối cũng hiểu tình thế mà tha thứ cho ta! Bà nghĩ thế nào?"

Thực ra Oanh Cơ cũng muốn thủ tiết với chồng cho trọn nghĩa ái ân và đền tấm ơn tri ngộ, nhưng trong buổi khốn khó này, nàng còn có đứa con thơ phải nuôi nấng gây dựng nên người cho khỏi phụ lòng kẻ khuất. Nàng là một phụ nhân hèn yếu, không có gia tư điền sản, cũng không nghề nghiệp sinh nhai, chả lẽ cứ y lại mãi mãi vào lòng tốt của thầy Thông để cô cháu mẹ con được no thân lành áo? Vả lại, gia đình nàng thụ ơn thầy Thông quá nặng, nay cũng là một dịp để đền đáp chút ơn ấy. Bởi thế nàng nhận lời gá nghĩa cùng thầy, mong rằng sẽ có thể tựa vào thầy được để gây dựng cho đứa con gái bé nên người tử tế. Nàng có lấy thầy chăng nữa, cũng chỉ là vì đứa con thơ, đứa cháu bé mà phải cải giá; chớ lòng nàng đã héo khô rồi, còn có ái tình đâu nữa? Ái tình của nàng nó đã theo cậu ấm Lê cùng xuống Tuyên đài, nàng không thể một đời yêu đến hai lần, nếu người đó không phải chàng thứ tử họ Lê sống lại...

XIII - ĐÈO Ô QUÍ HỒ

Trên con đường từ Chapa qua Phong Thổ, một đoàn khách dừng chân nghỉ giữa con đèo Ô Quý Hồ. Đoàn hành khách có mười hai người: một người đàn bà và một người con gái bé ngồi ghế đằng sơn một người con trai cưỡi ngựa, còn bao nhiêu là phu khiêng ghế và tải đồ đạc cả.

Hỏi ra mới biết người đàn bà đó là bà Tri Châu Phong Thổ, chồng vừa ra đất ấy phóng nhậm được ít lâu nay. Đứa con gái bé là con bà, người con trai là cháu bà. Đoàn phu để chiếc ghế đằng sơn ở chỗ có bóng mát, rồi họ tản mác ngồi mỗi người ở một gốc cây để nghỉ chân dưỡng sức. Bà Tri Châu lúc ấy giở tráp trầu ra ăn một miếng, trông bà có vẻ buồn rầu lo lắng, nhưng vẻ lo buồn không làm thế nào át được sắc đẹp dịu dàng sắc so của bà. Bà ăn mặc cực kỳ diễm dấn, nền nếp, không đeo lảm vàng ngọc, không đánh phấn thoa son; song càng ngắm bà càng thấy có duyên, càng bị say đắm vì đôi con mắt mơ mộng của bà, đôi mắt đắm đắm nhìn vào khoảng chân trời xa thẳm.

Lúc ấy khoảng ba giờ chiều. Bóng nắng xê xê, trên đường rừng mát mẻ dễ chịu lắm. Người thiếu niên đi ngựa buộc con vật đỡ chân của chàng vào một gốc cây rồi đi dạo quanh quần ngắm nhìn vẻ đẹp long lanh tươi thắm của ngàn nội. Tụi phu có vẻ mệt nhọc, vì họ đã tắt trời cả ngày rồi, ai ai cũng nhân dịp lúc dừng chân mà quạt mồ hôi, và nghỉ ngơi cho lại sức. Họ để các rương hòm rải rác dọc đường, núi, rồi ngồi phanh ngực ra mà quạt, có người thì dựa vào gốc cây, vách đá mà lim dim ngủ, chả ai để ý đến chiếc đằng sơn để ngay sát rìa núi trước mặt bãi sậy rườm rà.

Bỗng đâu, một tiếng la to làm cho mọi người hoảng hốt đứng cả dậy, rồi đến tiếng khóc, rồi đến một lời kêu the thé vang lừng trong rừng sậy đưa ra:

- Cháu Tiêu ơi! Cháu nhớ lấy lời cô đó!

Xong, im bặt. Cả đoàn ủa lại mé đằng sơn. Cô bé con nằm chết ngất, ngoẹo đầu dựa vào thành ghế, còn bà Tri Châu đã biến tự lúc nào rồi. Dưới đất, ngay chỗ đằng sơn, có vết bốn cái vuốt in sâu xuống cát. Đoàn phu nhận ra đó là dấu chân hổ. Thì ra bà Tri Châu đã bị hổ cắp tha đi!

Bà Tri Châu đó là Oanh Cơ. Ngày nay, theo đúng nghiệp số của nàng, nàng phải theo hai anh chị chết dưới vuốt thiêng loài mãnh thú. Con hồ này rình nàng từ lâu lắm, nó định bắt nàng đi đã mấy năm nay rồi! Bởi chưa có dịp nào, nó đành phải đợi sau khi bắt hụt nàng một phen ở Đồng Giao. Tra khảo anh chị nàng, nó biết nàng tất phải qua đèo Ô Quý Hồ vì theo chồng ra Phong Thổ. Nó phục trong bụi lau đợi nàng ở đó. Ngày giờ nàng đã đến, số kiếp nàng đã tận, nàng bị nó nháy xô ra nắm chặt lấy lôi đi, giữa khi cháu nàng và các phu phen đều vô ý mỗi người chăm chú vào việc riêng của mình.

Đời Oanh Cơ thế là đoạn tuyệt; nàng vừa ra khỏi kịch trường mà nàng đã đóng một vai đào thương hết sức bi ai. Nhưng kỷ niệm của nàng mãi mãi vẫn không bị ám mờ trong lớp bề dâu; hình bóng nàng còn sống trong tâm hồn con nàng và cháu nàng, trước khi nhắm mắt lìa đời, nàng đã tìm ra được một bí mật: là chồng cũ nàng, Lê Trọng Việt không phải bị các quan tòa làm lần bắt buộc vào tội chết, mà chính là kẻ thù đã thù dệt đã bịa đặt ra nhiều chuyện để xui giục quan tòa hạ bút phê án tử hình! Kẻ thù ấy, độc địa thay! Lại là thầy Thông, người đã cùng nàng gá nghĩa sau này! Cậu ấm Lê Trọng Việt chết được 3 năm, nàng nghe lời đường mật của thầy cùng thầy đánh bạn. Nàng về nhà thầy được 3 năm thì thầy bỏ đi Bắc Cạn, rồi được 2 năm nữa, thầy thăng Tri Châu, lên phó nhậm ở Phong Thổ. Trong

khi chung chạ, nàng nhận ra thầy Thông là người gian trá xảo quyệt, chỉ có vẻ ngoài niêm nở lịch sự, mà thực tình trong lòng chứa đầy các kế độc, mưu sâu, nàng nhận được rằng thầy là kẻ tham lam bôn tẩu, tìm hết cách hại nhân thẳng kỷ, một là để ăn tiền cho giàu có, hai là để chóng cao thăng. Thầy đã làm cho bao nhiêu gia đình tan nát, bao nhiêu nhân vật điều linh, thế mà không tỏ vẻ gì hối hận cả, lại còn đắc ý là đằng khác. Những giờ chẵn gối, nàng có ý gọi câu chuyện chồng cũ, than vãn sao kẻ kia vô tội mà đến nỗi bị quan trên khép vào án tử hình. Nghe nàng căn vặn thầy Thông cứ âm ừ không trả lời sao cả; mãi lâu lắm, lâu lắm, một đêm mà trời đất lạnh lùng buồn tẻ, một đêm mà hoàn cảnh như gọi lòng người phải mở phanh cho tâm sự lọt ra, thầy Thông mới khe khẽ rỉ tai nàng, bằng một giọng trầm trầm, ngân ngai:

- Sở dĩ tôi yêu mợ quá, nên buộc lòng phải làm như thế! Đáng lý ra, anh em họ Lê không đến nỗi chết, chỉ phải tù tội mà thôi; tôi có nói thêm vào nên họ mới bị xử trảm. Song ngẫm ra đến ái tình là hết, tôi có quý thương mợ, nên mới gây ra tội ác ấy; không thì sao có ngày nay?

Từ khi nghe lời thú nhận của thầy Thông, Oanh Cơ coi thầy như con vật dữ, ngoài mặt nàng không lộ ra vẻ gì giận dữ căm tức cả, nhưng trong lòng chứa chất một khối oán hận tày đình. Nàng oán thầy khẩu Phật tâm xà, làm hại người ngay thẳng để quyến rũ vợ người ta mà vẫn nhơn nhơn vui vẻ, hình như không coi việc ác của mình là một sự xấu xa. Nàng trót đã lấy thầy, không nỡ giết thầy để rửa hận cho người đã thác; vả có giết thầy chẳng nữa, cũng không đủ trả thù rửa oán; tội thầy đáng phải hình phạt một cách tàn nhẫn, độc địa sâu cay hơn, hình phạt thế nào cho thầy sống cũng như chết, ăn mất ngon, ngủ mất yên, đêm ngày tâm trí lo sợ, hối hận, hai mắt dù mở dù nhắm, cũng thấy những cảnh mắt đầu đổ máu từ tay thầy đã gây nên. Như thế, may ra mới xứng đáng! Nàng muốn tìm một kẻ báo thù như thế, nhưng thời gian thấm thoát, nàng chưa tìm được kẻ gì. Có lắm lúc mối oán hận trong lòng như sóng nước chơi vơi, tràn lên tới cổ, nàng muốn chém thầy ngay, đầu độc thầy ngay, song chợt nghĩ đến đứa con thơ, nàng lại nén dần khối lòng, hết sức trấn tĩnh, lộ ra vẻ điềm đạm như thường, khiến thầy khỏi nghi ngờ.

Muốn biết rõ ngày xưa thầy hành động thế nào, Oanh Cơ lần về Nam Định, đến tòa sứ, hỏi những người bạn của thầy Thông, nhờ họ cho xem tập hồ sơ của cái án cũ Lê Trọng Việt. Xem tập án ấy, nàng mới hay lá đơn khiếu nại thầy đã làm hộ cho mẹ con nàng đại ý như sau này:

"Chúng tôi là Bùi Thị Lan, vợ góa của quan nguyên Lãnh binh Lê Văn Khúc và Nguyễn Oanh Cơ, nàng dâu thứ hai của vị cựu quan ấy, cúi đầu thành kính xin các quan Tòa đền trời soi xét trông lại cho chúng con nhờ."

Nguyên hai tên Lê Mạnh Khôi và Lê Trọng Việt tức là con, anh chồng và chồng chúng con, gần đây lại can phạm vào vụ cướp ở làng Ngọc Chính Hạ. Tên đầu đang bọn cướp đó là Nguyễn Quán. có rủ rờ người nhà chúng con làm việc phạm pháp, người nhà chúng con trót đại giúp đỡ quân phản nghịch, nhưng cúi xin các quan thương cho mà đừng bắt tội, bởi lẽ, nếu hai anh em Khôi và Việt bị tội, thì họ Lê chúng con sẽ tuyệt tự. Khôi và Việt còn mẹ già năm nay đã ngoài 50 lại có vợ đại con thơ không biết nàng tựa vào đâu, tình cảnh thực là bi thiết. Cúi xin các quan mở lượng hải hà, hết sức che chở bao dung cho, chúng con sẽ ngậm vành kết cỏ, đội ơn các quan lớn vạn bội."

Một lá đơn như thế có bao giờ hai mẹ con nàng Oanh chịu ký tên ở dưới, nếu thầy Thông không đọc trại đi một cách khác, bảo rằng hai cậu ấm Lê không từng vào phe với đảng cướp bao giờ. Cứ theo lá đơn này, thì rõ ràng là, nàng Oanh và mẹ chồng nàng đã nhận rằng hai cậu ấm có đi ăn cướp thật, và

kêu xin quan tòa ra tay tế độ, mở đường hiếu sinh cho. Nàng Oanh xem đèn đây, khí giận bốc lên ngàn ngút nàng phải rút khăn lau mồ hôi trán đến bốn năm lần. Nàng lại giở xem nữa. Đến đoạn lấy khẩu cung, nàng thấy chép bằng tiếng Pháp, mới mượn người dịch lại cho nghe. Khẩu cung của anh em Khôi, Việt mà chính thầy Thông hồi ấy đã dịch cho các quan tòa nghe, như sau này:

"Chúng tôi vì có điều tức giận nên đi theo đảng cướp. Nay đã làm nên tội, chúng tôi không hối hận gì cả!"

Trời ôi! Có lẽ nào anh chồng và chồng nàng lại điên cuồng ngộ đại mà khai như vậy? Thực tình họ có đi theo đảng cướp bao giờ. Con người độc địa sâu cay làm sao. Thế mà ngoài mặt vẫn đạo mạo nghiêm trang, nào ai dám bảo là một kẻ giết người không đao kiếm?

Sau khi ở Nam Định về Oanh Cơ viện hết lễ này đến lễ khác. không hề chung chạ gởi chẵn với thầy Thông nữa. Cho mãi tới ngày thầy được giấy quan trên cho thăng chức Tri Châu, và bỏ đi Phong Thổ. Thầy đi trước, chỉ đem một ít hành lý, dặn nàng ở lại Bắc Kạn, rồi đem người nhà và đồ đạc theo sau. Trước khi lên đường, không hiểu tại sao, nàng cảm thấy một sự gì buồn buồn khó tả, tựa hồ báo trước cho nàng biết, nàng sắp gặp những tai nạn bất ngờ. Rửa mặt, nàng ngửi nước thấy mùi tanh; ra cửa nàng bị vấp suýt ngã, rồi lại có con chó vàng đến kéo áo như muốn lôi nàng trở lại. Nàng ngồi ở đâu thì chỗ ấy có nhện đen sa. Thực là những điềm quái dị vô cùng. Nàng bèn thảo một phong thư di chúc trao cho cháu là Nguyễn Đức Tiêu; đoạn, nàng tỏ bày nỗi oán hận cho cháu rõ và bảo chàng rằng:

- Cháu chịu khó giữ lấy thư này cho kín đáo cẩn thận lắm mới được! Khi nào em Quyên (con gái nàng) đúng 18 tuổi, bây giờ cháu sẽ kể sự tích cha nó thế nào cho nó nghe. Và cháu sẽ bảo nó nên theo đúng lời cô mà báo thù. Báo thế nào cho kẻ kia phải điêu linh, khổ sở, còn cũng như mất chứ đừng giết hại nó làm gì! Bởi giết nó, tức là gia ân cho nó đấy! Đi chuyến này, cô cảm thấy mệnh số cô hình như sắp hết; cô cháu ta sẽ cùng nhau vĩnh quyết nay mai! Trên đời này, cô không còn ai họ hàng thân thích cả, chỉ có cháu và em Quyên. Cô thường vẫn thương cháu như con, vậy một mai cô có mệnh hệ nào, cháu sẽ nghĩ tình, tận lực giúp em cho nó trả được thù, ấy là cháu đáp nghĩa cho cô đấy!

Nỗi lo ngại của nàng Oanh quả nhiên thành sự thực. Nàng đã bỏ con thơ cháu bé ở lại với cuộc đời tàn ác, để một mình lánh sang cõi thế bên kia. Câu chuyện sự tích nàng Oanh đến đây là dứt. Từ ngày nàng bị hủ tha vào bụi, thì cứ những đêm ma dầm gió bắc, những đêm u ám không trăng, trên quãng đèo Ô Quý Hồ lại văng vẳng có tiếng đàn ca náo nức, ai bạo gan xông vào trong đêm khuya rừng vắng, thì thấy ba cái bóng ma ngồi đàn hát cho một con cộp lớn ngồi nghe. Quái trạng đó hiện chán ở đèo Ô Quý Hồ, thì lại quay về hiện ở Đồng Giao tức chỗ ngày trước nó thường dùng làm nơi cơ sở. Ở đây, cũng như ở kia, chỉ là do một gốc tích mà xảy ra tình hình ghê rợn ấy. Nàng Oanh thác rồi, 15 năm sau, con gái nàng mới thay nàng báo thù cho cha là Lê Trọng Việt. Câu chuyện báo thù ấy, lại là một vấn đề khác, nó dài dòng lắm, và nó ly kỳ rùng rợn chẳng kém gì câu chuyện của Oanh Cơ. Con người độc nhất vô nhị được rõ nguồn gốc và kết quả sự báo phục ấy là tôi, bởi lẽ tình cờ và duyên số đã khiến tôi đóng một vai, một vai thụ động trong tấn kịch thương tâm chua xót ấy. Mà cũng vì có chân trong kịch, tâm tôi bị đeo một vết đau đớn thấm thía đến nay đã bốn mươi năm rồi, cũng vẫn chưa nguôi... Nhưng mà?... Bây giờ đêm sắp hết rồi, tôi không thể kể tiếp cho ông nghe được nữa! Mai khi chúng ta lên tới Chapa, trong những giờ rỗi rãi nhàn cả, tôi sẽ dần dần thuật một lượt để ông thưởng thức!

Kìa! ông hút nữa đi chứ! Hút đi và tiêm cho tôi một điều xem nào!

Cụ Trần Công Chất nói tới đây, ngừng lại, tôi nhìn cửa sổ trong phòng thấy ánh sáng nhờ nhờ dương xuyên qua luồng kính...

Viết xong tại phố Nghĩa địa tây, trước cửa Nghĩa địa Sài Gòn ngày mừng bảy tháng tư năm Canh Thìn (13 Mai 1940)

- Hết -